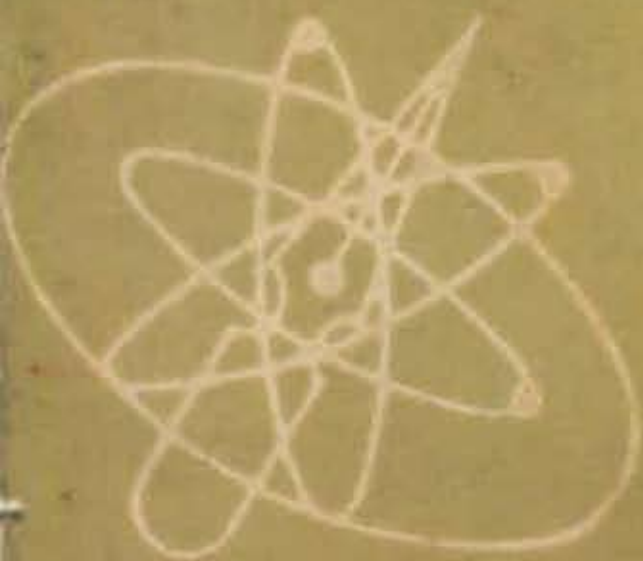


BACH

KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH có chuyện lạ tại điện Kremlin ? • NGUYỄN VĂN HẦU Nguyễn Thẩn Hiễn lãnh tụ phong trào đông du • TRẦN THỨC LINH mảnh lối điều tra • NGUYỄN HIẾN LÊ quốc gia Israel • CÔ LIÊU uyên nguyên đời sống • TRẦN HƯƠNG TỬ triết gia và hiện sinh • ĐOÀN THÊM tìm đẹp • HOÀI HƯƠNG người em nội trú • SAO TRÊN RỪNG mang mang • VƯƠNG ĐỨC LỆ phương xa • NGUYỄN VĂN TRUNG đọc « triết học nhập môn » • NGUYỄN NGU Í bài thơ đầu năm 40 • TƯỜNG LINH niềm vui hôm nay • DƯƠNG PHÙ SAO thơ cầu nguyện • ĐOÀN THÊM hòa âm số 2 • ĐINH HÙNG — TCHYA — ĐÔNG HỒ trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ • LƯƠNG TRỌNG MINH món nợ năm xưa • VIÊN LINH chân dung • NGHIÊU ĐỀ chứng tích • HỮU PHƯƠNG tuổi tóc • VÕ PHIẾN thư nhà • LÊ TẮT ĐIỀU người khách qua đường • BÙI HỮU SÙNG thảo luận về tư tưởng Mác-xít • NGUYỄN NGU Í (thuật) Đông Hồ nói chuyện thơ •



Nhân dịp **Lễ Lạc trong Gia Đình**

QUI VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lâu năm **44°**
và trắng **54°**

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quý vị thường thích dùng **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**

Patienc, Saigon, ĐT. 23.916

và có bán tại đó :



ALCOOL RECTIFIÉ

ALCOOL DENATURÉ

RƯỢU THUỐC "Tích Thọ Tuân"

DẠNG HẠO HẠNG CHẾ BẰNG CẠO 6°

BÁCH KHOA

Số 124 ngày 1-3-62

HOÀNG-MINH-TUYNH có chuyện lạ tại điện Kremlin?	3
NGUYỄN - VĂN - HẦU Nguyễn Thần Hiến một lãnh tụ trọng yếu trong phong trào Đông du	9
TRẦN-THÚC-LINH mảnh lối điều tra	19
NGUYỄN-HIẾN-LÊ quốc gia Israel	25
CÔ-LIÊU uyên nguyên đời sống	39
TRẦN-HƯƠNG-TỬ triết gia và hiện sinh	43
ĐOÀN-THÊM tìm đẹp	53
HOÀI-HƯƠNG người em nội trú (thơ)	62
SAO-TRÊN-RỪNG mang mang (thơ)	63
VƯƠNG-ĐỨC-LỆ phương xa (thơ)	63
NGUYỄN-VĂN-TRUNG đọc triết học nhập môn của L. M. Trần- Thái-Đĩnh	64
NGUIEN-NGU-Í bài thơ đầu năm 40 (thơ)	69
TƯỜNG-LINH niềm vui hôm nay (thơ)	70
DƯƠNG-PHÙ-SAO thơ cầu nguyện	71
ĐOÀN-THÊM hòa âm số 2	72
ĐINH-HÙNG — TCHYA — ĐÔNG-HỒ trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ	73
LƯƠNG-TRỌNG-MINH (dịch Yashushi Inoue) món nợ năm xưa.	83
VIÊN-LINH chân dung (thơ)	92
NGHIÊU ĐỀ chứng tích (thơ)	93
HỮU-PHƯƠNG tuổi tóc (thơ)	93
VÕ-PHIẾN thư nhà (truyện dài, kỳ chót).	94
LÊ-TẮT-ĐIỀU người khách qua đường	107
BÙI-HỮU-SÙNG thảo luận về tư tưởng Mác-xít	111
NGUIEN-NGU-Í (thuật) Đông Hồ nói chuyện về thơ	114

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Bên lề cuộc tranh chấp tại Ai-Lao :

Hiệp chúng quốc với chủ nghĩa trung-lập

Tìm đẹp : tương quan giữa các nghệ thuật

Phải đặc biệt chú ý tới hạng trẻ em

anh tuấn

Siêu việt thể và Jaspers

Nguồn lợi của Đại-dương

Mánh lới điều tra (2)

Góp ý về cú pháp

Bước đến nhân bản vô thần : Nietzsche

người sát thiên (Déicide)

Tòa khám sứ

Tìm hiểu nước Hoà-Lan

Đổ dẻ dẻ

Kinh nghiệm đời văn (dịch Erskine

Caldwell

Trò chơi giết người (truyện dịch)

Ngày xuân êm đềm (truyện ngắn)

Qua cơn thử lửa

Về đầu (truyện dài)

Ma giữa đại dương (truyện dịch)

Tương lai sinh động học

HOÀNG-MINH-TUYNH

ĐOÀN-THÊM

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

TRỊNH-THIÊN-TỬ

TRẦN-THÚC-LINH

ĐỖ-HỒNG-VŨ

NGUYỄN-ANH-LINH

BỬU-KẾ

T.Đ.G.

NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

PHONG-GIAO

NGUYỄN

VŨ-HỒNG

PHAN-DU

VŨ-PHIẾN

ĐẶNG-TRẦN HUÂN

CỎ-LIÊU

CÓ CHUYỆN LẠ TẠI ĐIỆN KREMLIN ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

TRƯỚC đây, trong suốt nửa năm, Liên-Xô đã tỏ ra có thái độ rất cứng rắn về vấn đề Bá-Linh. Họ làm như không có gì khẩn cấp cho thế giới bằng việc bãi bỏ lập tức qui chế chiếm đóng Tây-Bá-Linh. Áp lực của họ kịch liệt đến nỗi đã có lúc nhiều người lo sợ một cuộc chiến tranh nhiệt hạch tâm có thể diễn ra, nếu Tây Minh không thuận theo quan điểm của họ. Từ trước, Tây Minh vẫn tỏ ra bất đồng quan điểm trong việc đáp ứng những đề nghị của Liên Xô, bỗng thỏa hiệp với nhau và cùng đề cử ông Thomson, đại sứ Hiệp-Chúng-Quốc tại Mạc-Tư-Khoa, tới gặp ông Gromyko đề dò hỏi xem liệu có thể cùng Liên-Xô tổ chức một cuộc thương thuyết.

Nhưng từ đầu năm tới đây, qua hai lần gặp gỡ, vị đại sứ Hiệp-Chúng-Quốc vẫn chưa được ông Gromyko dứt khoát chấp nhận việc « bắc lại nhịp cầu thông cảm ». Ông này còn tỏ ra như không lưu tâm đến việc đó lắm nữa.

CÓ CHUYỆN LẠ TẠI ĐIỆN KREMLIN

Trước thái độ trái ngược này, tại Hoa-Thịnh-Đôn và Luân-Đôn, người ta không ngớt bàn tán và đi đến kết luận : « Hẳn có chuyện gì lạ xảy ra tại điện Kremlin ? ».

Tại Ủy hội ngoại giao Thượng-Nghị-Viện-Hiệp-Chúng Quốc, chính ông Dean Rusk, bộ trưởng ngoại giao, trong một cuộc họp, trước khi cáo từ, cũng đã có đủ động tới vấn đề này : « Theo những báo cáo nhận được về tình hình Trung - Xô, chúng tôi nghĩ rằng giữa họ hiện đang có những vấn đề khó khăn diễn ra. Tuy nhiên, chưa chắc những vấn đề ấy có liên hệ gì tới chúng ta... ». Ông Fulbright kém dè dặt, nhân đấy vội đưa ra một kết luận có vẻ lạc quan cho tương lai của thế giới tự do hơn. Giữa sự dẫn dắt của ông trên và sự hân hoan của ông dưới, chúng ta thử cố gắng tìm hiểu sự thật.

*
* *

Trường hợp Molotov

Ai cũng biết trong phe « xã hội chủ nghĩa » không phải mọi sự đều được « thông đồng bèn giọt ». Các báo chí đứng đắn trong thế giới đều đã phô bày khá rõ rệt nhiều mâu thuẫn và nhiều phân vân, lưỡng lự ngay chính trong nội bộ Liên-bang Xô-viết, từ sau Hội-nghị Cộng-sản thứ XXII. Chưa ai có thể giải thích được thỏa đáng trường hợp của ông Molotov. Tại sao ông ta chưa trở về Vienne, trong khi một phát ngôn viên chính thức loan báo là ông đã từ giả Mạc-tư-khoa rồi ? Người ta đặt ra hết giả thuyết này tới giả thuyết nọ, thậm chí có cả giả thuyết cho sở dĩ ông chưa về Vienne là vì tư thất của ông chưa sửa chữa xong. Tuy nhiên, cũng có người đoán già hơn, cho

rằng ông Molotov đã tỏ ra thái độ quyết liệt, sau cuộc thách thức đòi với Khrouchtchev, nhân dịp gửi bức thư về chỉ trích ông này trước ngày họp Hội-nghị Cộng-sản thứ XXII, và ông nhất định ở lại tại Mạc-tư-khoa để tiếp xúc với những phần tử đòi lập đang mưu toan lật đổ phe hiện đang cầm quyền tại điện Kremlin. Dù sao, có điều khác thường, khiến ta ngạc nhiên và tự hỏi tại sao hai tháng sau các cuộc hội tập liên tiếp lên án ông ráo riết, một mực đòi khai trừ ông khỏi đảng, mà sự lên án ông cũng như sự khai trừ ông không thấy được công bố và thông tri cho đảng bộ các nước khác, ít ra trong nội bộ Liên bang Xô-Việt ? Gần đây, báo Pravda còn đã kích

ông nhân một bài bàn về vấn đề sống chung hòa bình.

Vụ người Trung-Hoa.

Chưa có gì chứng minh tuyệt đối rằng ông Khrouchtchev không « trì » nổi ông Molotov, song có điều chắc chắn là người Trung-Hoa ngày càng có khuynh hướng muốn chỗi bỏ quyền uy của ông. Các nhà cầm quyền và các báo chí Trung-Hoa không bỏ lỡ một cơ hội nào để ủng hộ người Albanie, mà họ thường tán dương là những người trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê và với tinh thần tuyên cáo của Hội nghị 81 đảng năm 1960 nhất; ai cũng thấy đó là cách họ bảo người Xô-Việt không trung thành một chút nào cả. Họ còn khuyến khích người Albanie đấu tranh chống những chồng người Nam-Tur, mà chồng luôn cả bọn theo « chủ nghĩa xét lại mới » với dụng tâm ám chỉ Khrouchtchev, mà Albanie lúc này đã không nể nang dùng đến hai tiếng « bè lũ » để gọi.

Về phía người Nga, người ta công khai đá kích những kẻ « bảo hộ » Albanie, và ai cũng biết những kẻ bảo hộ ấy là ai rồi. Một vài ngày trước, Mạc-Tur-Khoa tuyên bố vấn đề chính yếu của thời đại hiện nay là vấn đề hòa bình hay chiến tranh, thì chỉ một vài ngày sau, Bắc-Kinh lên tiếng tố cáo những kẻ diễn trình sự việc như vậy là những kẻ có manh tâm muốn đặt vào hàng thứ yếu cuộc đấu tranh cốt yếu chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Mới đây,

báo chí Xô-việt còn nhấn mạnh về vai trò quyết định của gương mẫu Nga trong công cuộc tuyên truyền, đó là một cách đối đáp lại chủ trương « đánh mạnh » của người Trung-Hoa thực rõ ràng vậy.

Có ba điều hiện nay được mọi người coi như hiển nhiên, khó bề chỗi cãi. Điều thứ nhất là ông Khrouchtchev hiện đang phải đối phó với áp lực của những người chủ trương « đánh mạnh » tại Nga trong đó ông Molotov là kẻ có thế lực mạnh nhất; điều thứ hai là những kẻ chủ trương « đánh mạnh » tại Nga hiện đang được người Trung-Hoa nâng đỡ tận tình; điều thứ ba là chính người Trung-Hoa hiện cũng đang được một số lớn các nước Cộng-sản Á-châu thừa thuận, phục tòng gần như tuyệt đối và vô điều kiện. Ngoài ra, còn có điều hiển nhiên khác nữa là Mạc-Tur-Khoa hiện cũng đang phải nỗ lực tìm kiếm đồng minh ở khắp mọi nơi, bằng cớ là mới đây một quyết nghị của đảng Cộng Sản... Paraguay đã được báo Pravda trình trọng đăng trên trang nhất với cỡ chữ thật lớn lao, quyết nghị mà tất cả giá trị chỉ là đã công khai đá kích ác-Kinh thậm tệ.

Nông nghiệp : vấn đề quan trọng số một của Liên Xô hiện giờ

Tuy nhiên, không thể vì ba, bốn điều hiển nhiên trên mà bảo rằng tất cả khó khăn của ông «K» hiện chỉ nằm gọn trong một cuộc đấu tranh chống lại một thứ nhớ nhung của những phần tử còn quá nặng tình

với chủ nghĩa Staline. Đọc lại những bài diễn văn của ông «K» từ sau kỳ Hội nghị thứ XXII, người ta thấy gì? Phải chăng là thấy những yêu sách của ông về vụ Bá-Linh hay một vài vụ nào khác trong hoàn cầu? Về các vấn đề quốc tế, ông chỉ đề cập sơ qua, đại quan bảo tình hình thế giới không tiến mà cũng không lui, lúc này chẳng nên nói tới làm gì. Phải chăng là thấy những mặt sát của ông nhằm thẳng bọn giáo điều chủ nghĩa và bọn «chồng đảng»? Cũng không. Vấn đề quan trọng bậc nhất đối với ông lúc này có lẽ chính là vấn đề nông nghiệp.

Liên-Xô trong thời gian gần đây, đã thành công trong việc phóng người lên thám hiểm không gian, trong việc làm cho một nửa thế giới được tràn ngập hy vọng và một nửa thế giới bị lo âu không chề, trong việc bắt buộc các tay chồng thực dân phải thừa nhận uy quyền thống trị của ông tại Trung-Á và Tây-Âu; duy có điều đáng tiếc là Liên-Xô lại chưa thành công trong việc nhồi vào đầu óc nhân dân họ cái «tâm lý xã hội chủ nghĩa», và đây lại chính là tất cả vấn đề. Càng ngày người ta càng thấy các nước Cộng Hòa trong Liên Bang Xô Viết tỏ ra chậm trễ trong việc thi hành kế hoạch nông thôn và các bí thư đảng cũng như các bộ trưởng đều tỏ ra bất lực, không giữ được những lời đã cam kết với nhân dân. Hàng ngàn người có trách nhiệm bị trừng trị bằng cách này hay cách khác. Mọi người bàng hoàng nhận

ra khoảng đất dành cho tư nhân trống rỗng đem lại năng xuất nhiều gấp ba bốn lần năng xuất của các nông trường tập thể, và tài sản của các tay gian thương mỗi ngày mỗi nảy ra nhiều cùng trở nên hết sức lớn lao, khiến cho danh dự Cộng-Sản bị thương tổn không ít.

Đó là nét đặc biệt, nhưng không phải là nét duy nhất của những tiến triển trên địa hạt thói tục, phong hóa mà người ta coi như không thể tránh được. Những lưỡng lự, phân vân ghi nhận trên địa hạt lý thuyết, cũng như sự kiện một nhân viên Viện Hàn-lâm đi tới chỗ nghi ngờ cả hiệu lực của một đạo luật căn bản, càng làm cho người ta tin rằng kỷ luật sắt đá của Liên-Xô đã có chiều trở nên lơ lả. Trong khi chính sách của ông Khrouchtchev để ra là phải chấm dứt các cuộc khủng bố và chấp nhận nguyện vọng chính đáng của người dân yêu cầu đừng bắt họ hy sinh cho hạnh phúc rất đáng ngờ của những thế hệ mai sau nữa. Tuy nhiên, về phương diện này, không thể áp dụng những biện pháp nửa chừng mà phải coi gương của người Nam-Tur hoặc người Ba-Lan đã biết tỉnh ngộ, không dám coi thường bản chất tự nhiên của con người và kịp nhận ra rằng bốn mươi năm tập thể hóa, mặc dù đã sát hại hàng trăm ngàn phú nông, vẫn không làm sao tiêu trừ được chủ nghĩa cá nhân ăn sâu trong đầu óc của quần chúng đông đảo.

Bọn thù nghịch với Khrouchtchev chỉ đợi ông ta ở chỗ đó. Hoặc Khrouchtchev thành công trong việc biến Liên-xô thành một nước cường đại — hiện nay Liên-Xô trở thành cường đại rồi — và phần thịnh nhân dân tất sẽ cảm kích về nỗ lực của ông nhằm mưu cầu phong túc cho họ và sẽ ủng hộ ông để đối phó với những kẻ ghen ghét dèm pha ông. Hoặc, trái lại, ông đi từ thất bại này tới thất bại khác, để cho Liên-Xô phải lâm vào cảnh lâm than, cơ cực, nhân dân chắc chắn sẽ về hòa với bọn địch thù của ông hiện đang tố cáo ông phá hoại di sản của cuộc cách mệnh.

Chính sách đối-ngoại của Liên-Xô lúc này có « ăn nhập » gì với tình trạng nội bộ của Liên - Xô trên ? Cuộc tranh luận đang diễn ra trong hàng ngũ Cộng sản Liên-Xô là một cuộc tranh-luận về căn-bản nội dung lý-thuyết hay chỉ là một cuộc đầu khẩu để tiện che đậy một cuộc tranh giành quyền vị giữa một bọn đã đoạt được ngôi và một bọn đã bị tước mất ngôi ? Cuộc thiệt chiến với Albanie và Trung - Hoa chứng minh rõ rệt có sự bất đồng ý-kiến về vấn đề tài binh và thái-độ đối với Hiệp-Chúng-Quốc. Song hiện nay chính Albanie chẳng đang tìm cách thiết lập quan - hệ ngoại - giao với Hiệp-Chúng-Quốc và trong vụ Lào, Bắc-Kinh cũng chẳng vẫn hoàn toàn đi theo đường lối của Liên-Xô đây sao ? Bọn đối lập với ông Khrouchtchev còn lên tiếng trách vấn ông này

về thái-độ diên trì của ông ta đối với vụ Bá-Linh, Nhưng ông Mao có thực coi vụ Bá-Linh quan trọng đến mức đó không ? Còn vụ Đài-Loan thế nào ? Vụ Đài - Loan, ai chẳng cho là quan thiết với ông Mao gấp trăm ngàn lần, thế mà vụ này vẫn được nằm yên và đến nay chẳng còn được ai nhắc nhở tới nữa. Chính những kẻ chủ-trương « cứng rắn » lúc này có ở địa-vị Krouchtchev chẳng nữa, liệu đã chắc gì làm hơn ông ta được ? Mọi người đều nhớ chính những tay lãnh-tụ trong bọn họ là Malenkov và Molotov trước đây, đã ra lệnh chấm dứt chiến tranh ở Triều-Tiên và Đông-Dương. Chính ông Molotov đã ký hiệp ước với quốc gia Áo trước đây do quân đội Mỹ và Liên Xô cùng chiếm đóng và hiện đang theo chế độ dân chủ Tây Phương, và chính ông Malenkov là người thứ nhất đã tuyên bố rằng thế giới chiến tranh chỉ mang lại tai họa cho cả hai phe (có thể lời tuyên bố này đã đóng vai trò khá quan trọng trong việc cắt chức của ông độ trước).

Chúng tôi có vẻ như muốn biện hộ không công cho ông Khrouchtchev nhưng tự thấy phải thành thật công nhận rằng dù ông Khrouchtchev có chủ trương « mềm dẻo » hay ông Molotov, ông Mao có chủ trương « cứng rắn » đi nữa, ông nào cũng đều học sách lược đối ngoại của Lénine cả. Ông nào cũng được Lénine dạy bảo cho rằng : phải biết bắt mạch thời thế bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào và phải biết thoái triệt khi phần rủi

chênh lệch với phần may quá nhiều. Đó là điều ông Khrouchtchev đã đem ra thi hành đối với vụ Bá-Linh. Khi ông cảm thấy tình thế đã đến lúc quá « già néo » và rất có thể sắp « đứt dây », ông liền lui, soá bỏ thời hạn trước đây ông đã ấn định một cách rất quyết liệt. Và chẳng, trong khi ấy, ông đã xây được « bức tường » làm cho ông Ulbricht bớt được một gánh lo âu bất rút tới ngày rồi. Như vậy là ông Khrouchtchev không cần vội vã lắm nữa và lúc này ông cứ việc ngồi trông cây hoặc vào thời gian, hoặc vào tiền triển sau này của người Đức mà ông đang tìm thế lung lạc, để đạt tới mục tiêu của ông thôi.

Bức tường Bá-Linh hiện đang đứng đó. Phải là kẻ điên rồ lắm mới có gan dám liều một cuộc chiến tranh để đánh đuổi mười hai ngàn binh sĩ của Tây Minh đi. Chúng tôi nghĩ rằng lúc này nếu có những kẻ muốn thúc đẩy ông « K » tiến bước thì cũng lại có cả một đám quần chúng đông đảo người Nga

và người các nước vệ tinh của Nga muốn níu ông lại vì lo sợ hậu quả ghê gớm của một cuộc chiến tranh nhiệt hạch tâm. Có nhiều bằng cứ chứng tỏ ước đoán trên không phải hoàn toàn vô căn cứ. Thuyết trình của các ông Gomulka và Jivkov đọc trước các trung ương đảng bộ sau khi từ Mạc Tư Khoa trở về, xác nhận điều đó một cách rõ rệt.

Một trào lưu đòi hỏi ông Khrouchtchev phải làm hai việc một lúc : đối nội, làm sao cho nông dân Nga được tự do hơn và phong túc hơn ; đối ngoại, làm sao phải thận trọng, khôn ngoan trong cách đối xử với các nước Tây Minh hơn. Ông không có cách nào làm khác hơn nữa. Bởi có được sự ủng hộ của nhân dân Nga, ông mới đề bẹp được các địch thủ chính trị của ông mà ông biết rõ hơn ai hết là những kẻ không thể cùng ông đội một trời chung.

Hoàng-Minh-Tuynh

Duyên phận đàn bà đẹp.

Somerset Maugham, tác giả tập *L'Envoûte* tự hỏi :

— Tại sao người đàn bà yêu kiều thường hay lấy phải người chồng vô vị ?
và ông tự trả lời :

— Đó là tại người đàn ông thông minh thường không chịu lấy người đàn bà yêu kiều.



Cù Nguyễn-Thần-Hiến

NGUYỄN - THẦN - HIẾN

*MỘT LÃNH-TỰ TRỌNG-YẾU TRONG
PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU MIỀN-NAM*

NGUYỄN-VĂN-HẦU

BÃY giờ, mỗi khi nhắc tới Phong-trào Đông-du, riêng về Phong-trào Đông-du miền Nam, người ta chỉ viết sơ sài về một vài nét chính, ít khi được thấy ai nói tới sự hoạt-động của Phong-trào ra sao. Một vài cuốn sử chép về hiện đại, thỉnh-thoảng thấy có kể tới đôi nhà cách-mạng có thành-tích với Phong-trào đó, nhưng cũng thiếu sót hoặc sai lầm. Chẳng hạn, có cuốn nhắc tới cụ Trần-Chánh-Chiều mà viết là Gilbert Chiêu, Huỳnh-Hưng mà viết ra Hoàng-Hùng (1), khiến một vài bạn trẻ dạy sử, chưa nghe biết nhiều về cụ Trần, cụ Huỳnh, cũng giảng sai theo.

Chuyện xảy ra cách nay không lâu lắm, mà còn vậy, lâu nữa, sẽ sai lệch biết chừng nào !

Kẻ cầm bút không dám có cao-vọng tự cho mình biết nhiều, viết đúng, nhưng nhìn việc học sử của các nước bạn rồi nhìn lại nước mình mà thấy nên sợ, nên than, nên quyết đem cố gắng làm chuẩn-đích, mong may ra có tìm được chút gì chân-xác hầu đóng góp cho phong-phú thêm nền lịch-sử nước nhà chăng, mà thôi !

(1) Cũng có thể do ấn-loát sai, nhưng sai như vậy mà không đính-chính kẻ cũng hại lắm.

Phong trào Đông-du, ai cũng biết trước hết nổi lên ngoài Bắc và Trung do các nhà lãnh-đạo Tăng-Bạt-Hổ, Phan - Bội - Châu, Nguyễn-Thượng-Hiến và Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề.

Phong trào phát-khởi từ cuối năm 1906 và lan rộng vào Nam đầu năm 1907. Các chí-sĩ tham-gia phong-trào ngay từ buổi đầu có Nguyễn - An - Khương, Trần-Chánh-Chiều, Nguyễn-Thần-Hiến... Các cụ này nhờ có tài, có của, có gan nên phong-trào này-nở rất mau.

Trong năm 1907, sinh-viên du học tại Nhật tổng-số tính khoảng 115 người, mà có tới 75 người miền Nam, như vậy Phong-trào ở đây phải là bùng-bọt và sự hoạt-động phải ráo - riết lắm cho nên kết-quả mới được như thế.

Công-tác đó tất nhiên do của nhiều người, nhưng những người có công đầu và công to thì chắc không ai hơn được ba cụ Nguyễn-Thần - Hiến, Trần-Chánh-Chiều và Nguyễn-An-Khương.

Cụ Nguyễn-An-Khương (thân phụ Nguyễn-An-Ninh) người Hóc - Môn là một nhà văn có tiếng, từng viết giúp tờ *Nông-cổ mìn-đàm* và dịch nhiều tiểu thuyết Tàu như *Tam-quốc-chí*, *Thủy-Hử*, *Phấn-trang-lầu*... Cụ nghe các cụ Tăng-Bạt-Hổ, Phan-Bội-Châu cổ vũ Phong trào Đông-Du, đưa cụ Cường-Đề sang Nhật và kêu gọi thanh-niên du-học thì hăm-hờ hưởng-ứng, bỏ vốn ra lập khách-sạn Chiêu-Nam-

lầu để đưa rước đồng-chí xuất-dương.

Cụ Trần-Chánh-Chiều tức Gilbert Chiếu, Tri-phủ danh-dự, chủ bút báo *Lục-tỉnh tân văn*, có quốc-tịch Pháp, trước ở Rạch-Giá, đã can-đảm hoạt-động cho phong-trào. Cụ qua Hương-Cảng hội-đàm với cụ Sào-Nam, cho con là Jules Tiếtsang hầu cận cụ Cường - Đề, lập Minh-Tân khách-sạn, mở Minh-Tân công-nghệ-xã để vận-động tài-chánh và liên-lạc anh em (1).

Riêng về Nguyễn-Thần-Hiến, mà bài này dành riêng cho cụ, đã hăng-hái làm việc cho phong-trào trên

(1) Cụ Trần-Chánh-Chiều còn lãnh nhiệm-vụ phân phát tuyên-truyền-phẩm ở ngoại-quốc gửi về như *Kỷ-niệm lục*, *Hải-ngoại huyết-thư*, *Lưu-cầu huyết-lệ thư*... viết sách, viết bài khuyến-kích đồng-bào tranh-đấu chống Pháp đăng trên các báo *Le Moniteur des Provinces*, *Lục-tỉnh tân-văn*... Bài *Khi những nhân-vật thượng-đẳng khởi-nghĩa* (12,12. 1907) và bài *Sự hỗ tương phù-trợ giữa đồng-bào và bản về nghĩa hỗ tương phù trợ* (13,1,1908) của cụ đã là làm nhà đương-cuộc Pháp lo sợ, tìm cách ngăn trở cụ. Cụ không chịu thua, xoay sang hoạt-động ngầm-ngầm. Đồng-bào mới đầu có người câu-nệ, thấy cụ có Pháp tịch ngỡ cụ không thật tâm, sau biết rõ, rất mến phục cụ.

Năm 1909, cụ bị bắt, nhưng nhờ có chun «dân Tây» và thạo luật, nên chỉ ít lâu thì cụ được tha (ngày 21, 4, 1909). Năm 1913, cụ mất.

Ông Phương-Hữu sau này làm thơ tỏ lòng ngưỡng-mộ cụ, có câu :

*Quốc-tịch mang danh dân Phú-Lãng.
Thâm-tâm vẫn máu họ Hùng-Vương.*

khắp cả các tỉnh Tây Nam-Kỳ, đã làm cho Pháp phải giật mình lo sợ đã bôn-ba trên nhiều nước tại Á-Châu và đã được các lãnh-tụ của phong-trào hết lòng tin cậy.

*
* *

Ngày trước, đọc cuốn Phong-trào *Đại-Đông Du* của Phương-Hữu (1) tôi thấy lạ-lùng, bỡ-ngỡ khi thỉnh-thoảng nghe tác-giả nhắc tới tên Nguyễn-Thần-Hiền. Cụ là ai? Trước giờ sao chưa từng nghe nói? Tuy-nhiên tôi vẫn phục cụ. Phục vì cụ có gan đứng lên chống Pháp; vì cụ đã dám tự-từ để giữ cho khỏi tiết-lộ bí-mật. Nhưng cái phục hồi đó khác, nó chỉ có vẻ thoảng qua chứ chưa in sâu thành niềm kính mến.

Bây giờ, khi tìm thấy tài liệu khá đầy đủ về thân thể cụ, tôi kính cụ vô cùng. Rằng cụ nhà giàu mà dám hy sinh đứng dậy dẫn đầu sỏ đông quần chúng, rằng cụ sinh trưởng vào một nơi «cô-lậu cùng-tịch» (2) mà học rộng thầy nhiều, rằng cụ đã nhịn ăn để phản đối Pháp mà chết...

Đêm nay ngồi viết tiểu sử cụ, tôi bồi hồi tưởng tượng như hồn cụ về lần quất đầu đây; những dòng chữ viết tháu chạy xung-xăng dọc-dọc trên trang giấy trắng hình như có một ma lực gì xui giục lòng tôi một niềm cảm thương thâm thía.., như thấm nói cho tâm não tôi hay cuộc đời gian khổ đầy máu và nước mắt của cụ đã tan biến ra đây !..

Trông bức ảnh cụ mắt sáng, mũi cao, trán rộng, râu rậm đen mà ta

nhớ tới một thời nào oanh liệt. Cụ thuộc dòng dõi «thi thư thề khoáng», tông-tổ mấy đời đều mang họ Nguyễn-Như. Ông thân cụ là Nguyễn-Như-Nguơn, học giỏi, đỗ cao, làm quan đến chức Tri-huyện dưới triều vua Tự-Đức.

Năm Bính-Thìn (1856), cụ Tri-huyện đang tại chức ở Vĩnh-Long thì cụ bà sinh ra Nguyễn-Thần-Hiền. Quê cụ Tri-huyện ở Hà-Tiên nên Nguyễn-Thần-Hiền cất lên tiếng khóc chào đời tại đó.

Cái tên Nguyễn-Thần-Hiền là một tên được xưng gọi về sau, với ý-nghĩa một người công bộc sẵn sàng hiến thân cho dân, cho nước, chứ nhũ danh cụ chính thật Nguyễn-Như Khuê mà người cha hữu học đã đặt cho bằng một dụng ý ước ao con mình sau này sẽ minh mẫn, trong lành như viên ngọc Khuê không tí không vết.

Nguyễn-Như-Khuê lớn lên có bút tự Phát-Đình, biệt hiệu Chương-Chu và khi xuất-dương, còn lấy một bí danh khác nữa là Hoàng-Xương để ký trong thư từ cách mạng.

Năm Nguyễn-Thần-Hiền lên chín, nhằm Tự-Đức thứ 17, thì thân-phụ được thăng chức Tuần-phủ và được chuyển-chuyển từ Vĩnh-Long về Hà-Tiên. Nhờ gần gũi cha, Nguyễn-Thần-Hiền càng được săn-sóc học hành chu-đáo.

(1) *Nam-Việt* xuất-bản, 1950.

(2) Chữ dùng của Thi-sĩ Đông-Hồ.

Trong gia-phả dòng cụ, tức tập « Tài liệu của gia - đình Nguyễn-Như » nói cụ có tính nhớ dai lạ lùng, nhờ vậy mới ngoài 20 tuổi, sức Hán học của cụ đã tới một trình-độ khá cao, có thể ví ngang với cụ Cả-Trận ở Mỹ-Tho được. Tuy nhiên cụ không đi thi. Điều này gia-phả không nói tại sao, nhưng ta có thể hiểu trong những năm Nguyễn-Thần-Hiền trưởng-thành, tình-thế Nam-Kỳ vô cùng hỗn-tạp bởi những trận tấn-công của Pháp và các cuộc khởi-nghĩa liên tiếp của các đạo nghĩa binh, nên dù có muốn thi, chắc cũng bị nhiều trở ngại; đó là chưa kể tới lý-do thứ hai, Pháp đã làm chủ toàn cõi Nam-Kỳ từ năm 1867 thì việc đi thi, không phải một con đường độc-đạo để làm kẻ tiên-thân như ngày xưa nữa.

*
* *

Học giỏi, gặp thời tao-loạn, không theo đầu ông cha trên hoạn-lộ, nhưng dòng máu mền nước yêu nòi vẫn nóng hổi trong tim con người ưu-tú, Nguyễn-Thần-Hiền luôn luôn tìm cách quật-cường. Chính lẽ ấy mà cụ đã ra lãnh nhiệm-vụ Nghị-viên (Hội-đồng), hy-vọng đòi được phần nào quyền lợi công-cộng (1)

Nhưng cụ đã thất-bại. Người ta đâu để cho cụ làm những việc có lợi cho dân-tộc cụ. Người ta chỉ muốn cụ nín im chứ đâu chịu cho cụ nói năng! Cụ đành phải rời bỏ nghị-trường mà xoay sang doanh-nghiep.

Tại xã Mỹ-Đức, tỉnh Hà-Tiên, thuở xưa có nhiều vườn trồng tiêu chạy dài mút mắt, đó là sự-nghiep do cụ chính tay tạo nên. Nhưng được ít lâu, việc buôn bán hồ tiêu không còn phát-đạt như trước, cụ liền dời cả gia-đình về Cần-Thơ, cất nhà, sắm ruộng, lập vườn. Ruộng đất cụ có cả mười làng, rải rác thuộc các quận Phụng-Hiệp, Cái-Răng, Thành-Lợi.

Nước loạn mà chuyên làm giàu là một điều thẹn, cụ Nguyễn-Thần-Hiền há không nói thề! Huống chi cái quan-niệm « sinh ư Nguyễn-triều chi thần, tử tắc Nguyễn-triều chi quý » (2) đã gieo sẵn tự bao giờ trong tâm hồn phần đông sĩ-phu miền Nam, đã khiến cụ không sao xao-lãng quốc thù cho được. Vậy cái việc kinh-doanh của cụ, cụ không có mộng « vinh-thân phì-gia » mà chỉ để làm phương tiện liên-lạc nhân-tài, quy-tụ đồng-chí hầu tiên lên những gì viễn-đại.

Khoảng năm 1900, cụ hơn 40 tuổi, tình-thế có vẻ thuận-tiện, Nguyễn-Thần-Hiền đã liên-kết được với những tay hào khí nhiều nơi, ngầm chuẩn-bị một phong-trào kháng Pháp. Cụ có làm một bài thơ ký-thác tâm-sự, tự ví tình yêu đất nước đối với

(1) Về thời-gian cụ ra lãnh nhiệm-vụ, chưa tìm thấy tài-liệu nào nói tới. Về cấp-bực Hội-Đồng cũng vậy. Hội-Đồng ngày trước có nhiều bậc: Hội-Đồng quản-hạt, địa-hạt, Hội-Đồng hương...

(2) Sinh làm tôi nhà Nguyễn thì chết cũng làm quý nhà Nguyễn.

mình đượm - thắm như nghĩa vợ chồng, mà đến nay, miêu - duệ cụ vẫn trân-tàng được. Xin mời bạn nghe cụ :

*Bạn-bịu cùng nhau một chữ tình,
Đôi phen sóng bể nước vun
gành,*

*Quyết liều mình mọn che người
ngọc,*

*Bao quản chuông cao buộc chỉ
mảnh !*

*Sấm mấy ngọt oai mưa ngọt
hột,*

*Người thì đau ruột kẻ đau
mình.*

*Trăm năm vẹn đặn duyên cầm
sắt,*

*Ấu cũng đền bồi chút nghĩa
sinh !*

Miễn cho tròn chút nghĩa-sinh, miễn cho an lành « người ngọc », cụ có nể chi tánh-mạng mình mong-mạnh như ngàn cân treo sợi chỉ !

*
* *

Kịp đến 1906, Phong-trào Đông-du và Duy-Tân nổi lên ở Bắc, trong Nam cụ hưởng ứng theo. Các cụ Nguyễn - An - Khương, Trần-Chánh-Chiều, Nguyễn-An-Cư và cụ, mỗi người tùy theo phương-tiện và khả-năng chia thành từng vùng mà hoạt-động. Ngay bước đầu, Nguyễn-Thần-Hiến dám đem một phần lớn gia-tài tự-ý giúp vào quỹ du-học-sinh. Tổng số món tiền cụ

giúp là 20.000 đồng. Trong khoảng 1907-1908, số tiền ấy có giá-trị bằng nửa triệu ngày nay.

Đầu năm 1907, Bùi - Chi - Nhuận (1) sau khi sang nhật, được cụ Cường-Đề và Phan-Bội-Châu phái về nước gọi thêm thanh-niên xuất dương, cụ tức thời sang Nhật yết-kiến cụ Cường-Đề rồi trở về xướng-Lập Khuyển-du học-hội, cổ-động sinh - viên du - học. Các cụ Đặng-Thúc-Liêng (Sa-Đéc) Cả-Trận (Mỹ-Tho) Nguyễn-Quang-Diêu (Cao-Lãnh) ... đều có hiệp sức với cụ.

Thuở ấy thực-dân tuy đã đàn-áp được các cuộc khởi-nghĩa lớn, nhưng vẫn còn nhiều cuộc bạo-động lẻ tẻ liên tục không ngớt, nên luôn luôn dòm ngó, kiểm-soát gắt-gao, hành-động của nhân-dân. Để che mắt họ phần nào các nhà cách-mạng thường mượn những chỗ làm ăn hoặc những nơi tu-niệm để làm cơ-sở tụ-hội.

Tại Cao-Lãnh, cụ Nguyễn-Quang-Diêu mượn chùa Linh-Sơn để làm nơi hẹn-hò anh em. Mỗi lần nhóm họp, nếu ban đêm thì tuyên bố là cầu đàn tiên để xướng họa

(1) Bùi-Chi-Nhận người tỉnh Tân-An, bạn thân của Nguyễn-Thần-Hiến, bình thời có lui tới thăm viếng gia-đình Nguyễn-Như. Cụ sang Nhật, sang Tàu, sang Xiêm, được hai cụ Sào - Nam, Cường-Đề yêu mến, phái đi liên-lạc nhiều nơi và được nhân-danh cụ Cường-Đề, mở nhiều phiên hội, kiểm thảo và đề-nghị ban cấp bạc cho những người có công to với cách-mạng.

thơ văn, nếu ban ngày thì nói là họp bàn Phật-sự (1). Trụ trì chùa này là Hòa-thượng Hoàng-Đạo, rất có cảm-tình với cách-mạng, dám hy sinh không chút ngại hiểm-nguy.

Ngoài ra, còn nhiều tổ-chức khác, như ở Long-Xuyên có nhóm Biện-Khách (2), Mười-Mô, bên ngoài lấy tiệm thuốc bắc Nam-hòa-đường làm cơ-sở ; ở Trà-Vinh có nhóm Đinh-Chí-Thiến, Hương-lễ Tín, Ngô-Trung Tín và cụ Trần-Văn (3) ; ở Đốc-Vàng có nhóm Nguyễn-Văn-Điển ; ở Vĩnh-Long có nhóm Bộ-Tòng, Xã-Trình (4), ở Mỹ-Tho có nhóm cụ Cả-Trận v. v...

Kết-quả của *Khuyến-dụ học-hội* có thể nói gần được mỹ-mãn. Một số đông sinh-viên lục-tục lên đường từ tháng 3 cho tới tháng 6 năm 1907, riêng miền Tây, có hơn ba mươi người, trong số đó có Đỗ-Văn-Y (5), Lưu-quang-Bật (6) Lê-Văn-Sao (7) Huỳnh-Hưng (8), Nguyễn-Truyện (9) và Lý-Liễu (10).

(1) Các cụ Sáu Mỹ (Mỹ-Trà), Ba Điền (Đốc-Vàng), Hai-Kỷ (Mỹ-Xương) Nguyễn Hữu-Kiến (Tân-Thuận-Tây), Võ-Chí (Tân Thuận-Đông), Lê-Văn-Đáng (Hòa-An) là những người từng họp tại chùa Linh-Sơn.

(2) Cụ Biện-Khách có công giúp đỡ cụ Dương-Bá-Trạc về việc ở ẩn trong hời cụ Trạc bị đưa về an-trị Long-Xuyên.

(3) Khuyết tên (Trần-Văn là anh ruột của Vân-Phi Trần-văn-Chim, chủ-bút *Trung-lập-báo*), vị nào tìm thấy xin chỉ giùm, rất hạnh-tạ.

(4) Xã-Trình, một nhà ái-quốc ở La-Ghi (quận Tam-Bình) mà thực-dân Pháp đã ghi lầm vào hồ-sơ của họ là Xã Đình. Cụ Xã-Trình giàu có, góp nhiều của cải

Nhưng ta hoạt-động càng hăng thì thực-dân lòng bắt càng lắm, Nguyễn-Thần-Hiền đành phải xuất - ngoại trong cuối năm ấy, giao công-tác trong nước lại cho các đồng chí cụ.

vào các cuộc nghĩa-quyên, đã được cụ Bùi-Chi-Nhuận xin cụ Cường-Đề ban cho nhiệm-vụ Chánh-tỉnh. Cụ và các cụ Bộ-Tòng, Lý-Chánh sát cánh nhau, lo-liệu công-tác cách-mạng trong tỉnh Vĩnh-Long

(5) Đỗ-Văn-Y người Hòa-An, đang làm giáo-viên, bỏ chức theo Phong-trào Đông du, được xuất-ngoại học tại *Trung Đức học đường* Hồng-Kông. Sau cụ theo chân cụ Cường-Đề làm thông-ngôn trong một chuyến Âu-du năm 1913

(6) Lưu-Quang-Bật người Mỹ-Trà, năm 1907 sang học tại Nhật Năm 1909 bị trục xuất, lên trở về nước, sau yên yên, ra mặt làm ăn tại Mỹ-Trà, mất tại An-Bình.

(7) Lê-Văn-Sao con cụ Lê-Văn-Đáng — một nhà ái-quốc ở Hòa-An, hy-sinh nhiều tiền của cho cách-mạng — xuất ngoại lúc chưa đầy 20 tuổi, học tại trường *Đông-A đồng-văn* bên Nhật rồi biệt tích luôn, không rõ chết ở đâu.

(8) Sẽ nói rõ lai-lịch ở một đoạn sau.

(9) Nguyễn-Truyện (con cụ Xã-Trình) ở Tam-Bình, học tại *Trung-Anh học đường*, vì nóng lòng các đồng-chí bị bắt về vụ tạc đạn tại Hồng-Kông nên đến coi tòa xử, cụ bị cảnh-sát Anh tình-nghi tra giấy rồi bắt luôn, sau bị kêu án chung thân khổ-sai, cụ giả đau ra nằm nhà thương rồi dùng dao mổ bụng mà tự-tử.

(10) Lý-Liễu người cùng xứ và cùng học tại *Trung-Anh học đường* với Nguyễn-Truyện, cũng bị bắt về vụ tạc đạn tại Hồng-Kông. Cụ bị dày đi Guyane vài năm rồi vượt ngục về nước, sau bị Pháp bắt được dày đi Côn-Nôn và bỏ thầy ngoài đó.

Lúc ra đi, vì tình thế quá đổi gắt gao, Nguyễn-Thần-Hiền không thể đáp tàu hay đi xe được, cụ phải dùng một chiếc thuyền đánh cá nhỏ cùng với vài kẻ tùy-tùng, vượt đường biển sang Xiêm.

Trong cuốn *Cuộc đời cách-mạng Cường-Đề*, cụ Cường-Đề tỏ ra có nhiều cảm-tình với cụ Nguyễn-Thần-Hiền, và về việc bôn-tẩu nầy của cụ Nguyễn, cụ Cường-Đề có nói :

«Nguyễn-Thần-Hiền, tức Hội-đồng Hiền, người Cần-thơ Nam-Kỳ. Mấy năm trước ở trong nước lập Khuyển-dụ học-hội để phái học sinh sang Nhật lưu học, bị Pháp truy nã, phải chạy trốn. Khi trốn, cỡi một chiếc thuyền con, từ bờ bể Nam-Kỳ qua Cao-Miên sang Xiêm. Đến Bang kok ở hơn một năm rồi sang Quảng-Đông, Hồng-Kông, và đi Thượng-Hải, Hàng-Châu để liên-lạc đồng-chí các nơi».

Trong *Tài liệu gia-đình Nguyễn-Như* còn cho biết rõ thêm những điều nầy nữa :

«Suốt năm năm trường hoạt-động ở hải-ngoại, cụ ôm-ấp chí lớn trong lòng, nào học ngoại ngữ, học võ-bị, nào học đúc súng chẻ bom, không quản khó nhọc công phu...»

Năm 1908, cụ Cường-Đề sang Xiêm để nhờ căn-cứ ấy tổ-chức một ủy-ban tuyên-truyền ở Nam-Kỳ nơi mà dân chúng đòi với cụ có rất nhiều cảm-tình, cụ Nguyễn-Thần-

Hiền được cử làm Tổng-ủy-viên sự-vụ, hiệp với cụ Bùi-Chi-Nhuận, có nhiệm-vụ Tổng-thủ-ngân, để vận-động tài-chánh cho cách-mạng. Cụ Nguyễn-Thần-Hiền sau khi làm tròn trách-nhiệm nầy, được cụ Cường-Đề cấp giấy ban khen.

Khi sinh-viên du-học tại Nhật bị trục-xuất (1909), cụ phải cùng cụ Phan-Bội-Châu và các thanh-niên rời Nhật trở qua Xiêm nữa.

Trong thời-khoảng ở Xiêm, các nhà cách-mạng phải sống trong tình-cảnh vô-cùng khốn-quần. Tuy đồng-bào Việt ở Xiêm có sẵn lòng ủng-hộ, nhưng đòi với một số đông gần trăm người, chịu đựng lâu ngày làm sao nổi được ! Cụ Nguyễn-Thần-Hiền đã phải hiệp với cụ Phan-Bội-Châu dùng tài khẩu-biện, thuyết với Thiện-Quảng thiện-sư, yêu-cầu thiện sư về nước quyên tiền sang giúp.

Thiện-Quảng thiện-sư, tức Thầy Rau, là một đồng-bào Việt tu-hành tịch-cốc ở Xiêm, được vua Xiêm và mọi người kính-trọng. Thiện-sư thường về tại thủ-đô Vọng. Các thuyết-pháp cho bách-tính nghe.

Trước khi vào ra mắt Thiện-sư, cụ Nguyễn-Thần-Hiền bàn với cụ Phan :

— «Về việc viện lương, ta-sư đền nhờ cậy Thầy Rau là thượng-sách. Tôi với ông đền thăm thầy, chúng ta cứ lấy đạo-lý từ-bi, cứu dân cứu nước mà nói với Thầy, chắc

Thầy cũng phát-nguyện bỏ-để-tâm về Nam-Kỳ giúp việc sinh-sống cho chúng ta. Thấy lại chính là người Nam-Kỳ (Bền - Tre), tất-nhiên được đồng-bào Nam-Kỳ tín-nhiệm».

Thiện-Quảng thiện-sư tiếp hai cụ với rất nhiều cảm-tình và sau đó, về nước với Minh-Trai; hơn một tháng Thiện-sư mang sang sô tiền 2000 đồng, nói chỉ là tiền của đám đồ-độ chờ chưa hề thu góp.

Năm sau, Thiện-sư trở về nước quỳên tiền nữa, nhưng không may, khi vượt đường bộ sang Cao-Miên tới Tây-Ninh thì tung-tích bị lộ, Thiện-sư bị bắn chết, một đảng-

viên cách-mạng theo chân Thiện-sư cũng chết luôn. . . Năm đó Thiện-sư tuổi độ năm mươi. Cụ Phan-Bội-Châu và cụ Nguyễn-Thần-Hiễn hay tin đau đớn lắm, có dựng bia đá trong hang Kho-Lèm bên Xiêm để kỷ-niệm công-đức Thẩn-sư. Bia ấy chính do bút-tự của hai cụ Nguyễn-Thần-Hiễn và Phan-Bội-Châu ghi chép (1).

(còn tiếp 1 kỳ)

Nguyễn-Văn-Hầu

(1) Theo Phương Hữu: *Phong trào Đại Đông Du*.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

MÁNH-LỜI

ĐIỀU-TRA

TRẦN-THỨC-LINH

Cô Thêm, con cụ đồ Nam, nhan sắc đã mặn-mà, lại thêm tài thi, phú, đòi đáp. Năm 18 tuổi về làm dâu nhà cụ Nguyễn-An-Lâu, đầu xứ Hà-Tĩnh, dưới Triều Tự-Đức. Về nhà chồng được hai hôm, cô dâu treo cổ trong buồng tự-tử. Chồng là Nguyễn-An-Thanh, cha mẹ chồng đều bị bắt, bỏ ngục. Một năm sau, gặp tiết Trung Thu, Phủ quan vốn chán khoa mục xuất thân, mở hội bình văn và nhân đó thi tài đòi đáp trong đám sĩ-tử phủ nhà. Về ra : «BÁN DẠ TAM THANH BÁN» để mãi quá ngọ không được ai đòi được. Mãi sau, Tự Trung, học trò trường cụ tú Bách mới xin viết : TRUNG THU BÁT NGUYỆT TRUNG

Phủ quan thét người giữ Tự Trung lại, hỏi : «Ai bức tử thị Thêm». Tự Trung thú hết tội lỗi :

Hôm tân-hôn, An-Thanh lên bè bạn, gõ cửa phòng hoa. Cô dâu khuyên chàng hãy cõ dúi mai kinh sử ; nếu đòi được BÁN DẠ TAM THANH BÁN, sẽ xin mở cửa. An-Thanh lúi thúi trở ra. Tự Trung, học trò xuất sắc nhất trường cụ Tú, vốn thâm yêu cô Thêm, nhưng vì tánh tình ngổ ngược nên không được làm rẽ, lên nghe được về ra, đợi lúc mọi người mai miết tiệc vui, trở vào gõ cửa, đáp : TRUNG THU BÁT NGUYỆT TRUNG và được thỏa tình mơ ước. Đêm sau, An-

Thanh mang mền gối ra nằm nhà ngoài. Hồi ra, mới thừa là đến lúc này vẫn chưa tìm được tứ để đòi cho chính. Biết bị mắc lừa, cô dâu treo cổ lên sà nhà tự tử.

Cho hay mảnh lời điều tra không phải gần đây mới có. Phủ quan đã dùng mảnh lời. Các Bao Công Đông Tây đều thường dùng mảnh lời.

Khi một tội-phạm xảy ra, trật-tự xã-hội bị sao động, nhà chức trách lo tìm cho ra thủ-phạm, thủ phạm lo trốn tránh khỏi sa lưới pháp luật. Một cuộc tranh-đầu gay go diễn ra. Xã hội có công-lực trợ giúp, có phương tiện truy tầm. Thủ-phạm có mưu-mô ngoan-cổ, có thủ đoạn bắt chấp cả luật-lệ. Cho nên tránh sao để tìm ra manh mối, cơ quan điều tra phải dùng đến nhiều mảnh lời?

Người ta thường nói đến những ông dự thẩm hoặc đồ dành bị can, hứa sẽ khoan hồng, hoặc hăm-dọa, đe giam kín hay giao trả về công an điều tra bổ túc. . . Người ta còn nói đến những vị thẩm phán hoặc rút khỏi hồ-sơ một vài tài liệu quan trọng trước khi cho luật sư coi từ-tập, hoặc hỏi nghi-nhân với tư-cách người làm chứng để luật sư không bẽ phù-trợ. . . . (1) Những hành vi ấy không hẳn là không có. Có chăng cũng rất hãn hữu. Các tòa-án đã hoạt động trên đất Pháp hằng bao thế kỷ mà đến nay mới chỉ có một việc được đưa ra xét xử.

Năm 1887, ông tòa Vigneau được giao phó nhiệm vụ thẩm cứu vụ

Wilson Ribaudeau, con rể Tổng Thống Grévy hồi mại quyền thế, buôn bán huy chương. Viên thư-ký của Wilson và hai kẻ cò mối rước khách bị truy-tò. Đem đòi chất với Wilson, cuộc thẩm vẫn không đưa lại kết quả gì.

Bất ngờ, trong một vụ khác, mục La Ratazzi tố cáo nhà buôn Legrand được ban Bắc đầu bội tình nhờ sự chở che của Wilson. Ông tòa Vigneau muốn biết Wilson có liên lạc gì với Legrand và có nhúng tay vào những việc mua quan bán tước không, bèn nảy ra ý dùng mảnh lời giả làm Wilson kêu điện thoại cho Legrand.

— Ông Legrand có nhà không?

— Có, nhưng ông ấy nặng tai... tôi sẽ chuyển lời lại.

— Dự thẩm có kêu ông ấy không?

— Không?

— Có gì lạ không?

— Hôm qua họ có tới lục soát trong 2 giờ đồng hồ.

— Họ có tịch thu giấy tờ không?

— Một tấm biên lai ba ngàn quan... Nhưng tôi đương nói chuyện với ai đó.

— Đăng nhà đường Iéna (nhà Wilson).

— Họ không tìm được những bức thư của mục Ratazzi — Những của đó được gửi nơi kín đáo rồi.

(1) P. Mimin - L'interrogatoire par le juge d'instruction.

Vigneau đặt ông nói xuống. Ông muốn biết Wilson có dính líu gì trong việc cấp phát huy chương hay không. Nay ông đã rõ. Thề là đủ. Ông định hạ trát bắt Wilson. Sang bàn chuyện với ông Biện lý, ông tỏ ý muốn truy tố Wilson và kể lại mảnh lời đã dùng ; ông Biện lý không bầy tỏ ý kiến gì. Nhưng ông Chương lý Bouchez không tán thành mưu mẹo của ông tòa Vigneau, lấy lại hồ sơ thẩm vấn và đưa ông dự thẩm ra trước Thượng hội đồng thẩm phán.

Tòa Phá án họp đại hội đồng, đầy đủ các phòng nhập lại, ngày 31-1-1888, tuyên một quyết định trách cứ ông tòa Vigneau :

« Chiều chi sáng thứ bảy mùng 7 tháng giêng, ông thẩm phán Vigneau đã kêu điện thoại cho chứng nhân Legrand, cho biết là tự nhà đường Iéna kêu lại, mục đích làm cho Legrand ngờ liên lạc với Wilson, trong lúc y nói chuyện với chính vị thẩm phán phụ trách điều tra vụ đó.

Chiều chi, đề bào chữa, ông thẩm phán Vigneau cho biết không có ý dùng những câu trả lời trong cuộc điện đàm làm một phương sách thẩm cứu mà chỉ để xác nhận một điểm ông hằng nghi ngờ là Wilson có dính líu với Legrand, hay không.

Chiều chi luận điệu nói trên cũng có chỗ đúng nhưng dù sao ông thẩm phán Vigneau cũng đã dùng kết quả của cuộc điện đàm đó để quyết định truy tố Wilson, người mà hôm trước ông còn cho chưa đủ lý do buộc tội.

Chiều chi như vậy ông thẩm phán Vigneau đã dùng một mảnh lời ra ngoài những nguyên tắc THÀNH-TÍN mà một cuộc thẩm cứu phải tôn trọng và do đó đã cầu thành một hành vi trái với nghĩa vụ và phẩm giá một thẩm phán » (1)

Sau đó, ông thẩm phán Vigneau còn được thăng vài trật rồi đến năm 1908 về hưu trí với chức vụ : Chánh án dự khuyết !

Có một quan niệm hết sức tôn trọng nghề xử người là một nghề vô cùng cao đẹp, Tòa Phá Án đã long trọng lên án mọi thủ đoạn, mọi mảnh lời trong thủ tục hình sự dù có mục đích đáng khen cớ tìm sự thực. Một thẩm phán không thể chặc lưỡi : miễn là đi đến kết quả !

Jousse, vị hội thẩm Tòa Orléans và là một luật gia danh tiếng, trong bộ sách khảo luận về các tòa án hình sự của Pháp, cũng viết :

« Một thẩm phán phải tránh nhất, không được dùng những mảnh lời hay lời lẽ ngon ngọt để bắt chột bị can. Không những các lời ấy không phù hợp với tư cách thẩm phán mà còn chứng tỏ vị đó đã làm việc với một lòng ham muốn, sôi nổi chứ không phải bình tĩnh chăm lo phụng sự Công lý».

Đành rằng có khi phải khéo léo mới lấy được lời thú nhận của bị

(1) (Qu'ainsi le juge Vigneau a employé un procédé s'écartant des règles de la loyauté que doit observer toute information judiciaire et constituant, par aelà même, un acte contraire aux devoirs et à la dignité du Magistrat).

can. Ví dụ : nếu có kẻ đội tên người khác. Biết vậy, ông thẩm phán có thể sai người, nhằm lúc bị can đang đi ra khỏi phòng thẩm vấn, gọi đặt lại bằng tên thật của y. Nếu y trả lời hay quay lại, có thể là một dấu hiệu chứng tỏ y đã man khai tên họ.

Cái thuật ấy có thể dùng được. Nhưng phải dùng một cách rất thận trọng, phải ghi vào tờ khai cung và không bao giờ có ý xí-gạt, khiến bị can lo sợ hay hi vọng vô lời.

Vì vậy : 1^o) Thẩm phán không hỏi bị can chưa có bằng chứng rõ rệt, như thể bị can đã phạm tội rồi. Một người bị tình nghi giết người được dẫn tới. Thẩm phán nên tránh đừng hỏi : « Anh giết nó bằng gậy hay bằng gươm ». Cách hỏi như vậy phải được coi như có tính cách dụ luận và không xứng với tài đức một thẩm phán.

2^o) Thẩm phán phải tránh cả lời hỏi hàm súc sẵn câu trả lời. Ví-dụ hỏi bị can về các đồng lõa của y, không nói : « có phải hôm đó những tên Giáp, Ất... đã tiếp tay y không » mà chỉ hỏi những ai giúp y. Vì cách hỏi thứ nhất không phải là một câu hỏi mà là một lời mớm câu trả lời.

3^o) Thẩm phán cũng không hứa với bị can nếu thú nhận thì tha : vị thẩm phán đâu có quyền tha một can nhân có tội. Hứa sẽ khoan hồng, vẫn hay là không trơ trẽn như hứa tha bổng, nhưng cũng không phải là một lời dụ dỗ không đáng trách.

4^o) Thẩm phán không bao giờ hăm dọa lúc hỏi cung, lấy sự giam giữ, nhốt kín, cùm xích mà nạt nộ thường khiến bị can thêm hãi hùng, tin thực lời nói của một vị có quyền sinh sát mà y hằng kính sợ, sẽ thú nhận cả những việc không có thực.

Tóm lại, một thẩm phán không được làm một việc gì phạm thành tín mất bình tĩnh, thiếu công bằng... » (1)

Danh sách kê khai những mảnh lời đáng trách của Jousse hẳn không có hạn định cũng như khi Jousse chỉ cho có lời kêu bằng tên thiệt một kẻ cồ ý đầu tên là vô hại. Chúng tôi từng thấy có vị thẩm phán tham dự một ủy ban thanh lọc các tù binh và tội phạm chính trị, muốn biết ai quả là bộ đội, ai chỉ là thường dân, đã bắt cả tốp đi xoay quanh ông ta theo tiếng hô « một, hai, một, hai » của một quân nhân. Bất giác người quân nhân hô : « nghi », « nghiêm » ... Những ai, khi « nghi », đưa chân trái ra đứng tác-động cơ-bản, khi « nghiêm » đánh hai gót chân vào nhau, tay buông thẳng ngón tay chỏ để đứng giữa đùi phía ngoài.. liền bị nghi là bộ đội và đưa ra để riêng. Còn những chú ngơ ngơ ngác ngác, ngồi xếp xuống khi « nghi » lom khom lúc « nghiêm » có nhiều lẽ để tin là những dân quê bị quân đội bắt ráp bắt lầm. Đó cũng là một mảnh lời khả dung vì vô hại.

(1) Jousse — Traite de la justice criminelle de France. Trang 270 và kế tiếp.

Tại sao ở Pháp, việc các ông thẩm phán phải dùng đến những mảnh khoe để điều tra sự thực là những việc vô cùng hi hữu? Vì các vị đó có một trình độ học-văn cao cũng có, nhưng phần lớn có lẽ tại giới thẩm-phán có sẵn một truyền thống cao quý được tạo ra từ khi nghiệp xử người ở trong tay một lớp quý tộc mũ cao áo dài, rồi từ thế hệ này qua thế hệ khác, mỗi đời một cố gắng làm sáng đức mình để trao lại cho lớp người kế tiếp có nhiệm vụ làm sáng hơn lên nữa. Cho nên có nhắc lại những thủ đoạn không xứng đáng với tư cách thẩm phán cũng chỉ để

vạch ra nguyên tắc lớn của thủ tục thẩm cứu: THÀNH TÍN và do sự so sánh cách thẩm cứu của một ông tòa cùng lối điều tra của một nhân-viên hình - cảnh, với những kinh-nghiệm của một nước hiện có một điển chế, một tổ chức nhiều phần giống ta, ta cổ phác họa một bộ luật danh dự cho các điều tra viên. (1)

Chỉ có thể mới thực-thi được một chính sách tôn trọng nhân phẩm trên mảnh đất tư-pháp.

TRẦN-THÚC-LINH

(1) Code de déontologie policière.

Nhật báo

NGŨN LUẬN

TỜ BẢO ĐẦY ĐỦ NHẤT

THỎA MÃN ĐƯỢC
CỦA
TRONG

MỌI

NHU CẦU
NGƯỜI
GIA ĐÌNH

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BANG

SỮA BỘT



Guigoz

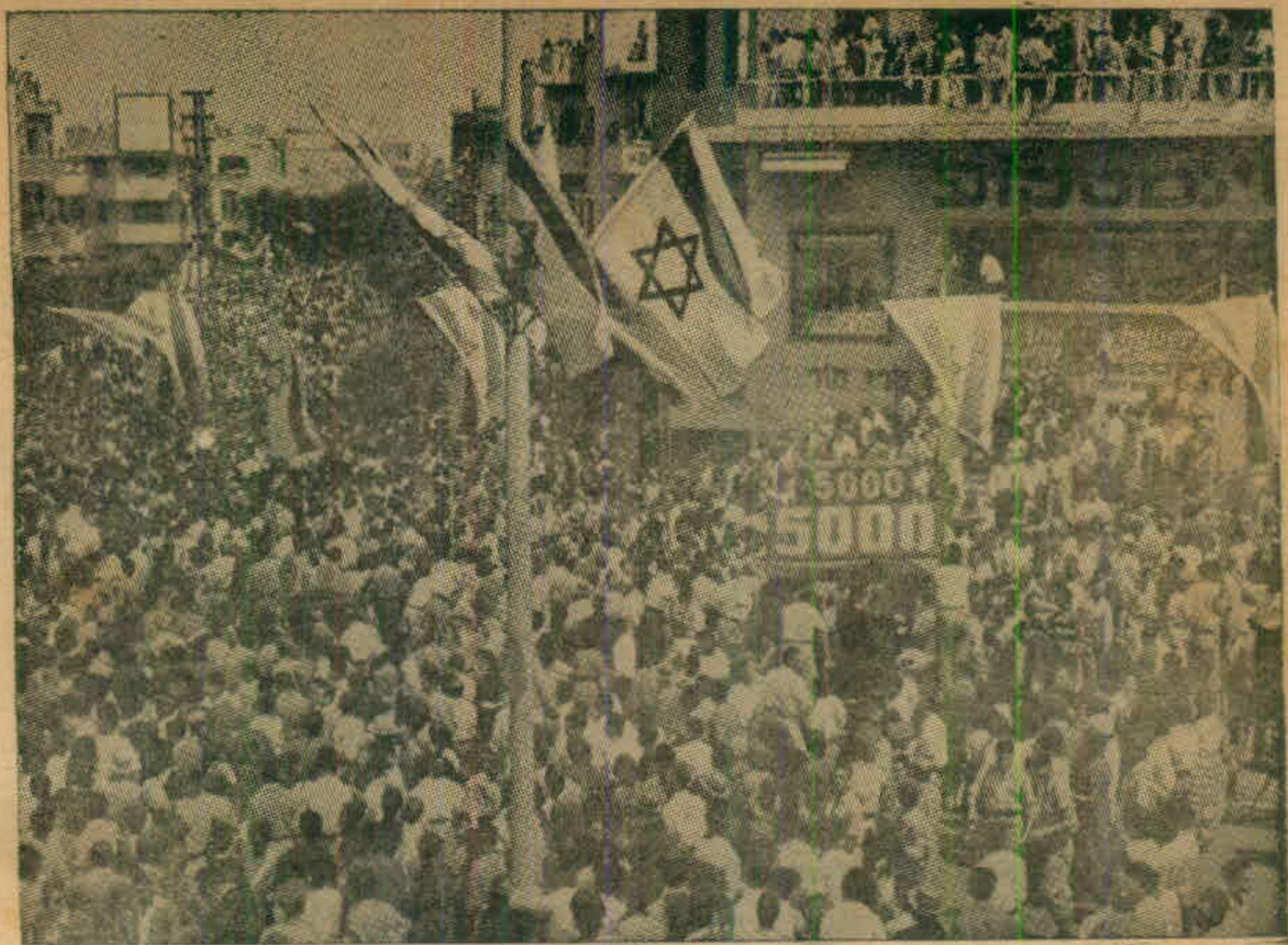
— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM [CUỘC
66, GIA-LONG — SAIGON



Ngày Độc-Lập tại Tel Aviv

NGUYỄN-HIÊN-LÊ

một bi kịch trên ngàn năm chưa dứt

(xem tiếp B. K. số 121)

IV. — QUỐC GIA ISRAËL

17. — Quốc gia Israël.

Israël là một nước dân chủ. Tuy chưa có hiến pháp (1) nhưng cứ xét luật-pháp của nước thì mọi quyền căn bản được tôn trọng: quyền tự-do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do hành nghề... y như tại các nước dân chủ phương Tây. Giáo

dục thì cưỡng bách tới 16 tuổi mà những bảo hiểm xã hội được tổ chức rất đàng hoàng, không kém những nước văn minh nhất thế giới. Tôn giáo có cấm ngặt vài điều như sự kết hôn theo pháp luật... nhưng xét ra không có hại gì lắm cho tự do cá-nhân cả.

(1) Theo cuốn *Israël* của nhà Hachette, in năm 1960.

Quyền lập pháp thuộc về quốc hội do dân bầu. Quyền hành chính về Tổng thống (ông Chaïm Weizman) (1), Thủ tướng (ông Ben Gourion) và các bộ trưởng đều chịu trách nhiệm trước Quốc-hội.

Israël có 14 đảng chính trị, mà đảng Mapai của Ben Gourion mạnh nhất, chiếm nhiều ghế nhất ở Quốc Hội trong 3 khóa : 1955 được 40 trên 120 ghế năm 1959 được 47 ghế, 1961 được 41 ghế. Đường lối của đảng ấy tựa đường lối đảng Lao-dộng Anh, chỉ khác là không chủ trương quốc hữu hóa các xí nghiệp lớn.

Đảng thứ nhì là đảng Herouth được từ 15 đến 20 ghế, chủ trương quốc gia và đối lập với đảng Mapai. Còn những đảng khác chỉ được mười ghế hoặc ba bốn ghế.

«Kiều dân» Ả-Rập bằng 1 phần 10 dân số, tức khoảng 200 000 người. Tỷ số đó không xuống mặc dầu năm nào cũng có nhiều Do-Thái hồi hương, vì người Ả-Rập sinh sản nhiều hơn Do-Thái.

Dù theo đạo Gia-Tô hay đạo Hồi-Hồi, người Ả-Rập cũng được hưởng mọi quyền lợi như người Do-Thái, mà có phần lại được ưu đãi nữa : không phải nhập ngũ — lẽ ấy tất nhiên — mà chịu thuế lại nhẹ, mặc dầu vẫn được bầu vào Quốc Hội (họ có 5 ghế ở Quốc Hội). Chính phủ Israël thẳng thắn tuyên bố rằng dân tộc Do-Thái đã chịu biết bao nỗi cực nhục vì tình thần bài xích ngoại đạo và dị chủng của tụi Đức Quốc-xã, nên không khi nào tỏ ra bất công với các dân tộc khác.

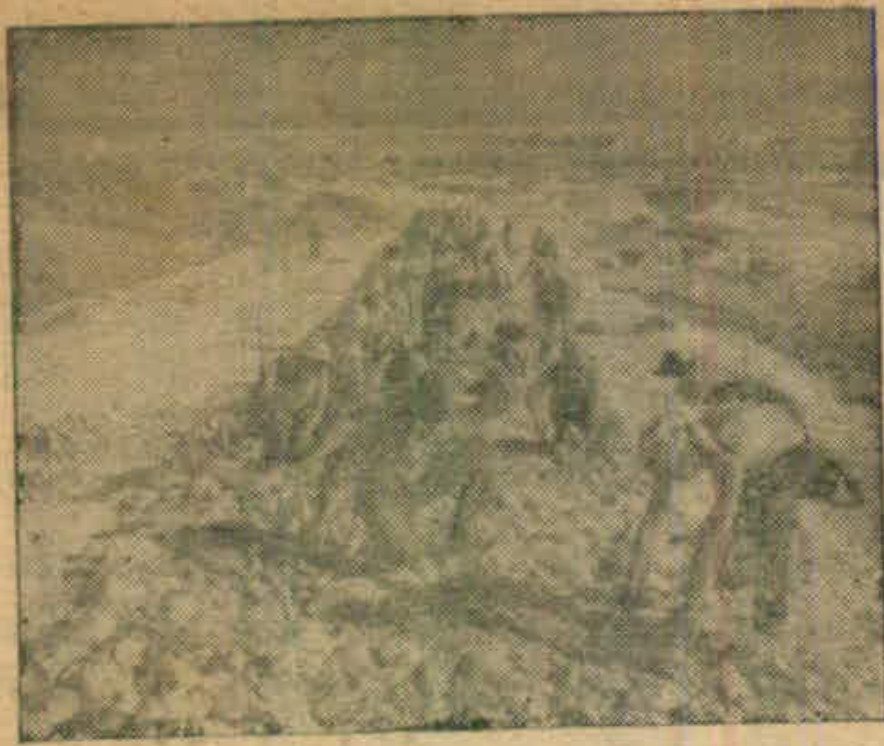
Chính sách đó rất khôn, nhưng luật pháp là một chuyện mà lòng dân lại là một chuyện khác.

Ta tự đặt ta vào địa vị những «kiều dân» Ả-Rập, sẽ thấy tình cảnh của họ thật là khó xử.

Khi chiến tranh Do-Thái Ả-Rập mới phát vào năm 1948, họ không phải chỉ vì hốt hoảng mà vội trốn đi, như người Do-Thái nói đâu, thực ra một phần lớn cũng vì họ bị người Do-Thái giết một cách tàn nhẫn, nhất là ở miền Deir Yassine, gần Jérusalem ; rồi những người Ả-Rập ở các nơi khác thấy vậy không dám ở nữa, phải bỏ của cải, đất đai mà qua Jordanie, Liban,... Hết chiến tranh, chính - phủ Israël chỉ cho một số ít Ả-Rập theo đạo Ki Tô trở về, còn những người theo đạo Hồi Hồi thì cấm ngặt. Họ cấm là phải. Chính-phủ nào mà muốn có kẻ địch ở trong nước ? Nhưng cũng còn một số người Ả-Rập theo đạo Hồi-Hồi không chịu trốn trong khi chiến-tranh mà cố bám lấy đất đai, nhà cửa của họ, mặc dầu bị nhiều nỗi tủi nhục, nguy - hiểm. Bọn đó, chính - phủ Israël không thể lấy cớ gì mà đuổi họ đi được.

Họ phải tuân luật-lệ của Israël, nhưng tất nhiên, bao giờ cũng hướng về những đồng bào của họ ở bên kia biên-giới, ở Jordanie, Liban, Syrie, Ai-Cập... Có nhiều gia đình một nửa ở Israël một nửa phiêu bạt ở các quốc-gia Ả-Rập. Họ lại nhìn những đất đai của đồng-bào, bà con họ, vì tị nạn, bỏ lại mà

(1) Ông đã mất. Hiện nay chức đó về ông Ben Zvi.



Những bàn tay xây dựng đất nước Do-Thái

bị Israel chiếm cứ, khai khẩn, nhìn những giáo - đường của họ bỏ hoang hoặc bị tàn phá, thì lòng nào mà không chua xót.

Có một số người Do-Thái biết điều, nhân-tử, che chở, thương hại họ, nhưng số đó rất ít, đa số là căm hờn họ, oán ghét họ, nghi ngờ họ, khinh-bĩ họ. Chính-phủ Israel tuy khoan-hồng đối với họ, mà cuộc sống của họ được cao hơn mức sống đồng bào của họ ở các xứ láng giềng, nhưng người ta đâu phải chỉ sống nhờ cơm gạo.

Mà ngay đến chính - phủ Israel cũng chưa bỏ được tinh-thần kỳ-thị chủng-tộc. Độc-giả còn nhớ rằng ở Israel hôn-lễ phải làm ở nhà thờ, vậy thì có khác gì căm Do-Thái kết-hôn với Ả-Rập không, có khác gì kỳ-thị chủng-tộc không? Lại thay, Do-Thái và Ả-Rập đều cùng một giòng giống, giòng giống Sémite, mà Do-Thái sau bao nhiêu thế-kỷ, bị các dân-tộc khác kỳ-thị, bây giờ lại kỳ-thị những người Ả-Rập cùng giòng-giống với họ.

*
* *

18. — Sự phát-triển của Israel.

Trong mười mấy năm nay, Israel đã phát triển rất mau; mấy trăm ngàn người hồi hương đều được định cư, có công ăn việc làm, mức sinh hoạt tăng cao, cao hơn mức sinh hoạt của Ý, công việc kiến thiết tiến rất mạnh và đều đều. Từ Bắc tới Nam, từ những thung lũng ở Galilée tới sa mạc ở Néguev, tới miền hoang vu ở bên bờ Tử Hải, đâu đâu cũng nổi lên những châu thành đông đúc, những trại lớn, xưởng lớn. Trai gái, già trẻ bận áo hở tay, mặt rạm nắng vui vẻ làm việc cho xứ sở. Có người đã bảo Israel là một ổ ong vĩ đại.

Từ 1948 đến 1958, điện lực đã tăng lên gấp bốn, sức sản xuất xi măng từ 160 000 tấn lên tới 620.000 tấn, thương thuyền trước chỉ có 4 chiếc, bây giờ được 34 chiếc, trọng tải tăng lên gần 70 lần.

Đặc biệt nhất là những gắng sức về nông lâm. Họ gặp một trở ngại rất lớn lao là thiếu nước. Già nửa đất đai là sa mạc.

Họ chỉ có mỗi một con sông lớn ở miền Bắc, sông Jourdain, từ khi chia đôi đất nước thì một khúc dài của con sông này nằm trên địa phận Jordanie. Ở miền trung có một con sông nhỏ, sông Yarkon, đổ ra biển ở gần Tel Aviv. Vậy miền Bắc có dư nước mà miền Nam thì thiếu.

Họ phải đào rất nhiều giếng trên sa mạc. Các nhà khảo cổ của họ đã tìm thấy nhiều di tích những hồ chứa nước thời thượng cổ ở phía Nam Beersheba, và họ noi gương tổ tiên, trùng tu lại những hồ đó, xây thêm

nhiều hồ nữa, hết thấy được 37 hồ, mỗi hồ chứa được 75 000 lít.

Họ lại đề nghị với các quốc gia Ả Rập một dự án xây đập trên sông Jourdain và sông Litani (ở Liban) để dẫn nước vào ruộng, dùng chung với nhau, đừng để nước sông Jourdain chảy hết vào Tử Hải, nước sông Litani chảy hết vào Địa Trung Hải nữa. Liên-Hiệp quốc hoan nghênh dự án đó, nhưng các quốc gia Ả-Rập không chịu.

Hiện nay họ đang tìm cách gây những đám mưa nhân tạo và làm sao cho nước biển bớt mặn để có thể dùng được. Và họ trồng rất nhiều cây, một là để thu hút các đám mây, hai là để che chở mùa màng cho khỏi bị cát ở sa mạc vùi, bị gió biển tàn phá. Họ đã trồng được 50 triệu cây và còn dự định trồng thêm 150 triệu cây nữa.

Họ đã xây những ống rất lớn, dài 108 cây số để dẫn nước sông Yarkon xuống Néguev mà khai phá thêm 60.000 mẫu đất trên sa-mạc.

Họ không có dư đất để bỏ phí, và chắc chắn không bao lâu nữa, xứ Israël sẽ thành ra nơi mà « sữa và mật tuôn ra » như trong Thánh-kinh đã nói. Mà hiện nay sữa và mật cũng đã bắt đầu chảy rồi.

Năm 1958 họ đã xuất cảng được :

- 48 triệu Mỹ kim cam, quýt, chanh.
- 3 triệu Mỹ kim nước trái cây.
- nửa triệu Mỹ kim sôc cô la, kẹo...

Họ còn phải nhập cảng nhiều gấp hai số xuất cảng, nhưng các xưởng hóa học của họ trên bờ biển Tử-Hải và các nhà

máy xe hơi, máy xi-măng mỗi ngày một phát triển rất mạnh, cho nên nền kinh tế của họ sẽ vững được. Cũng trong năm 1958 họ đã xuất cảng.

- 33 triệu Mỹ kim hột xoàn.
- 1 triệu rưỡi Mỹ kim xe hơi.
- 3 triệu rưỡi Mỹ kim xi măng...

Sự thịnh vượng đó rất dễ hiểu, Tiền bạc họ không thiếu : những nhà triệu phú Do-Thái ở khắp nơi, nhất là ở Mỹ gọi tiền về đầu tư ; chính phủ Mỹ cũng trợ cấp (nghe đâu như mỗi năm 75 triệu Mỹ kim) ; họ lại nhận được số tiền của Tây Đức bồi thường những thiệt hại mà người Do-Thái phải chịu dưới chế độ Hitler : 325 triệu Mỹ-kim trong 5 năm. Mà nhân công của họ thì có dư : hàng vạn thanh niên nam nữ ganh nhau xây dựng tổ quốc, miễn có cơm ăn áo mặc là vui chứ không cần tiền.

Người Ả-Rập lánh nạn ở Jordanie, nhìn về cổ hương, thấy đất đai trước kia cần cỗi nay hóa ra phì nhiêu, càng tức tối, hối hận. Người Do-Thái bảo họ :

— Các chú làm biếng, suốt mười mấy thế kỷ không chịu khai phá còn nói gì nữa ?

Họ cãi lại :

— Tội tôi mà có đủ phương tiện như các anh thì chắc chắn còn làm hơn vậy nữa. Tội tôi không có tiền, không có máy cày, không có phân bón.

Nhưng cứ công tâm mà xét thì ta phải nhận rằng người Do-Thái thành công là nhờ khả năng và tinh thần rất cao của họ.

* * *

19. — Trên làm gương cho dưới

Tinh thần đó người trên làm gương cho người dưới. Các nhà cầm quyền đều làm việc rất nhiều, sống rất giản dị và bình dân.

Tổng thống Ben Zvi chỉ sống trong một biệt thự như những biệt thự trung bình ở Saigon, chỉ có mỗi một người gác cửa, và những ngày nghỉ đôi khi ông đi dạo phố mà không cần lính hộ vệ (ta nhớ tại Israel còn 180.000 người Ả-Rập), có ai chào ông thì ông chào lại, y như một thường dân vậy.

Thủ tướng Ben Gourion đã ngoài bảy chục tuổi, mớ tóc bạc phơ mà làm việc suốt ngày, nhà cũng chỉ có mỗi một người gác cửa, và khi nào có khách khứa mới mượn thêm một người ở gái để giúp việc. Bà vợ phải làm mọi việc nội trợ, và có lần một ký giả Pháp thấy ông quàng tấm khăn lá đắp, rửa li tách giùm cho vợ.

Ký giả đó kể chuyện rằng bà Gourion thường sai người lính gác cửa đi lại tiệm lấy giùm sữa. Rồi một hôm một người lính khác tới thay phiên. Người này từ chối, bảo :

— Thưa chị, tôi được phái lại đây để canh cửa cho anh chị chứ không phải để giúp việc nhà.

(Dân tộc Do-Thái có tục gọi nhau bằng anh chị)

Bà cho như vậy là vô lễ, nổi giận, dọa nạt, người gác vẫn thản nhiên một cách lễ phép. Sau bà kêu điện thoại lại ti Cảnh-sát. Trưởng ti đáp :

— Anh ấy có lý đó. Chúng tôi phái lại chỉ một người lính gác chứ không phải một chị ở.

Bà cần nhân. Viên cảnh sát trưởng nể nang bảo :

— Được, thôi để tôi hỏi lại anh Gourion xem, nếu anh bằng lòng thì tôi sẽ ra lệnh cho người đó làm theo ý chị.

Một lát sau, chính Gourion kêu điện thoại, giọng âu yếm nhưng nghiêm, khuyên vợ chịu khó làm việc nhà lấy đừng nhờ người lính gác nữa.

Lương Tổng Thống Israel chỉ được 100.000 quan mỗi tháng (khoảng 15.000 đồng Việt-Nam theo hối xuất tự-do); và ta nên nhớ điều này là quỹ đen của ông chỉ có 2.000 quan mỗi tháng để tiếp khách khứa; số tiền đó chỉ đủ để mua nửa ve Cognac.

Lương Moshé Dayan, một vị anh hùng Do-Thái, mới 40 tuổi đã lãnh chức tổng tham mưu quân đội, cũng là 100.000 quan, nhưng khi nào ăn ở trong trại thì bị trừ lương, chỉ còn được lãnh 18.000 quan mỗi tháng. Sau khi đại thắng quân đội Ai-Cập ở Sinai năm 1956, ông xin từ chức tổng tham mưu, trở về sống đời thường dân và cấp sách lại Đại học, học môn khảo cổ.

Tinh thần của nhà cầm quyền Israel như vậy, không trách gì thanh niên của họ làm 10 giờ một ngày mà không cần tiền công, và có những nhà trí thức, cử nhân triết học, tấn sĩ khoa-học... lái taxi ở ngoài phố hoặc lái

máy cày ở trong ruộng. Trên dưới đều giữ phép nước, cho nên cần rất ít canh sát mà ai cũng tôn trọng luật đi đường, không khi nào chạy quá 70 cây số một giờ, gần như không có tai nạn.

*
* *

19. — Công việc giáo dục. Một tấm gương cho ta soi.

Đáng làm gương cho chúng ta nhất là những gắng sức của họ về giáo dục. Một xứ non 2 triệu người mà có trên bảy chục giống người, có những giống người rất tân tiến (như Do-Thái, Pháp, Đức, Mỹ, Anh...) lại có giống người rất cổ lỗ (như Do-Thái Yemen, Mã-Lai...) mà nay sống chung với nhau, thì phải tìm cách thống nhất ngôn ngữ, tư tưởng, lối sống, mới mau đoàn kết mà mạnh được. Công việc đó là công việc của Bộ Quốc-gia Giáo-dục mà bộ mới cho sức tiến, từ năm 1953. Việc đầu tiên của Bộ là bắt buộc mọi người học tiếng hébreu. Tôi không biết tiếng hébreu ra sao, chỉ biết rằng nó có 22 mẫu tự, hết thấy đều là những phụ âm (consonne) không có nguyên âm (voyelle). Nó lại là một từ ngữ có từ khoảng 1.300 năm trước công nguyên. Vậy thì chắc nó không dễ học như tiếng Việt. Các nhà ngôn ngữ học Israél mới đầu phải lập một bảng khoảng một ngàn tiếng thường dùng nhất để dân chúng học cho mau có kết quả. Người nào mới hồi hương mà không biết tiếng đó thì cũng phải học ngay; tất cả các trẻ em đều phải học tiếng đó, mặc dầu cha mẹ chúng nói tiếng Anh, tiếng Đức. Và chỉ trong

năm sáu năm, họ có đủ sách giáo khoa từ tiểu học tới đại học viết bằng tiếng hébreu. Mà kết quả như vậy thực là họ giỏi hơn chúng ta nhiều. Viện Đại học của chúng ta có lẽ cũng nên phái người qua bên đó mà rút kinh nghiệm của họ rồi về nhà dịch những danh từ khoa học và soạn sách cho sinh viên đại-học. Người ta đã thực hiện được rồi đó, không có lý gì mình không thực hiện được, mặc dầu là vấn đề có «khó khăn vô cùng» đi nữa, như một giáo sư đại học đã tuyên bố trước quốc dân.

Năm 1948, khi mới thoát khỏi ách của người Anh, cả Palestine mới chỉ có 100.000 học-sinh; mười năm sau số đó tăng lên nửa triệu, nghĩa là một phần-tư của dân-số toàn cõi; tỉ-số đó không kém tỉ số của Pháp. Vậy là về giáo-dục, chỉ trong 10 năm đã theo kịp các nước tân-tiến nhất.

Mới đầu thiếu lớp học, thiếu thầy, một số trẻ em phải ngồi học dưới đất trong những lều; ngày nay tình-trạng đã thay đổi hẳn; có 10.000 lớp kiến trúc mới mẻ và 20.000 giáo-viên, mỗi lớp trung-bình nhận 25 trò.

Đó là ban tiểu học. Ban Trung-học năm 1956 có 15.000 học-sinh (ta nhớ dân-số Do-Thái ở Israél chỉ có 1.800.000) và 1.157 giáo-sư. Ban Đại-học gồm 3.150 sinh viên, và các trường Cao-đẳng gồm 1.410 sinh viên nữa.

Israél lại có một viện nghiên-cứu lý-hóa, viện Chaim Weizman, và các nhà khoa-học của họ nổi tiếng khắp thế-giới chẳng bao lâu nữa có thể cống-hiến cho nhân loại nhiều phát-minh quan-trọng.

Ta nên nhận thêm điều này nữa là họ sẵn sóc sự học của kiều dân Ả-Rập cũng y như thanh-niên của họ vậy. Số kiều dân đó chỉ có 180.000 mà Israel lập cho họ 116 trường tiểu học để nhận 27.000 học - sinh do 900 giáo-viên dạy ; và 6 trường trung - học để nhận 900 học-sinh do 50 giáo-sư dạy.

Chính sách đó rất khôn khéo : họ được tiếng với thế - giới, họ lại được lòng một số người Ả-Rập có thể thành kẻ thù của họ ; nhưng như vậy chưa chắc là họ đã không kỳ - thị Dân - tộc Ả-Rập.

* *

20. — Ảnh-hưởng của Israel ở Châu - Phi.

Nhờ phát - triển rất mau mà Israel chỉ có hai triệu dân, lập quốc mới được mười hai năm, đã bắt đầu có ảnh-hưởng ở châu Phi.

Các cựu thuộc-địa Pháp, Anh ở châu Phi đều hướng về Israel, coi Israel như một nước đàn anh đáng làm gương cho mình, cũng như trên nửa thế-kỷ trước, các dân-tộc ở phương Đông chúng ta hướng thẳng về Nhật-Bản vậy. Chính-quyền Israel khôn khéo lợi dụng ngay sự trạng đó để gây uy-thế.

Họ lập một bảng 500 dụng-ngữ Hébreu thật cần thiết, làm thành một thứ Hébreu căn bản để dạy người ngoại quốc, nhất là các dân-tộc châu Phi. Họ mời các chính khách Phi thăm xứ họ, cấp học bổng cho các sinh-viên Phi lại học ở xứ họ. Họ giúp các xứ Nigeria, Libéria, Ethiopie, Ghana trong các công việc dẫn thủy nhập điền, nông lâm, mục

súc ; dựng trường, đóng tàu. gởi các chuyên-viên qua. Tới xứ Miến-Điện cũng phái người sang Israel học cách tổ-chức các Kibboutz. Mới năm ngoái, nhiều xứ khác ở châu Phi như Tchad, Congo đã ký những hiệp ước văn-bóa và kinh tế với Israel. Năm 1959 có 450 nhân viên Á-Phi qua tu nghiệp ở Israel, năm 1960, số đó tăng lên tới 1.000 !

Một nhân-viên Phi qua học tại Viện Á-Phi tại Tel Aviv sáu tháng, tuyên-bố :

« Thí-nghiệm Do-Thái là một bài học cho người Phi chúng ta. Nhờ tận lực làm việc mà xứ đó đã giành được độc-lập về chính-trị rồi độc-lập về kinh-tế. » Một vị Bộ-Trưởng Ghana cũng bảo : « Nhờ lòng can-đảm, lòng kiên-nhẫn, mà dân-tộc Do-Thái đã tìm được một giải-pháp cho những vấn-đề đương làm cho người Phi chúng tôi bối rối, Chúng tôi bắt đầu áp - dụng những phương-pháp của họ. »

Khi chúng ta nhớ lại rằng năm 1898, Th. Herzl, tác-giả cuốn *L'Etat Juif* viết : « Khi dân-tộc của tôi đã được cứu độ rồi, tôi còn muốn cho các dân-tộc châu Phi cũng được cứu-độ nữa » thì phải phục tinh-thần bác-ái và sáng suốt ghê gớm của vị sáng lập ra quốc-gia Israel đó.

* *

21. — Tương-lai của Israel. Còn đồ máu nữa ?

Nhưng đình-chiến chưa phải là hòa bình và bi kịch Do-Thái chưa phải là chấm

dứt hẳn. Người Ả-Rập không chịu nhận biên-giới hiện thời mà cũng không ai tin rằng biên-giới đó sẽ vĩnh-viễn như vậy. Nó kỳ dị quá, không thể có trường-cửu được. Chính một số người Do-Thái cũng tuyên-bố thẳng rằng đất-đai của họ chật hẹp quá; một ngày kia họ sẽ lớn lên — mà họ mau lớn làm sao! — thì cái áo Liên-Hiệp quốc may cho họ năm 1949 sẽ phải nứt ra Họ thường nhắc nhau lời Chúa hứa với Abraham trong Thánh-kinh: «Ta ban cho con cháu người giải đất nằm từ sông Ai-Cập (tức sông Nil) tới sông Euphrate», và họ nhất định đòi mở mang bờ cõi từ núi Taurus (ở Tiểu Á) tới kinh Suez, nghĩa là nuốt trọn xứ Syrie, xứ Liban, một phần xứ Irak, xứ Jordanie, xứ Ả-Rập của giòng Séoud, và xứ Ai-Cập. Mà năm 1956, chính-phủ Israël cũng đã tỏ cho thế giới thấy tinh thần xâm lăng của họ rồi. Lúc đó, Ai-Cập mới tuyên bố quốc hữu-hóa kinh Suez, Liên-Hiệp quốc còn đương tìm cách giải quyết vấn đề rắc rối đó thì Israël đã âm mưu với Pháp và Anh, xuất kỳ bất ý tấn công Ai-Cập trên bán đảo Sinai. Nhờ chuẩn bị chiến tranh rất kỹ lưỡng, nhờ có một viên tổng tham mưu đại tài, Moshé Dayan, nhất là nhờ được Anh, Pháp ủng hộ, trong có mấy ngày họ toàn thắng Ai-Cập, chiếm trọn bán đảo, nhưng Liên-Hiệp quốc đã lên án họ kịch liệt họ phải bỏ hết những đất đã chiếm được mà trở về biên giới cũ. Trong vụ đó, tất nhiên Anh và Pháp là thủ-phạm vì đã chủ mưu, nhưng Israël cũng phải lãnh một phần trách nhiệm (chúng tôi sẽ có dịp trở lại vấn đề đó trong một bài khác) Thái độ đó càng làm cho Ả-Rập căm

thù họ. Và những nước đã miễn cưỡng ký hiệp ước đình chiến với Israël có coi hiệp ước đó như một tờ giấy lộn cũng là điều dễ hiểu. Thủ tướng Syrie tuyên bố trước quốc-hội Damas: «Không thể quan-niệm rằng có hòa bình với Israël. Người Ả-Rập không khi nào chịu hòa bình. Chúng ta đã thua keo đầu. Chắc chắn là chúng ta tận lực sửa soạn keo thứ nhì».

Quốc vương Jordanie là Hussein cũng nói: «Không khi nào có hòa bình, mà cũng không thể thương thuyết gì với Israël được».

Bộ trưởng Bộ Ngoại-giao Ai-Cập cũng bảo: «Chúng ta đã ngưng chiến, nhưng luôn luôn chúng ta vẫn ở trong tình trạng chiến tranh với Israël», Abel Nasser còn cương quyết hơn: «Israël là một quốc gia nhân tạo, thế nào cũng phải bị tiêu diệt».

Và quốc vương Ả-Rập là Saud, cũng hô-hào dân chúng: «Phải bưng Israël cho hết rễ đi. Chúng ta hết thấy là 50 triệu người Ả-Rập; nếu cần thì hy sinh 10 triệu người để sống yên ổn trong danh dự».

Vậy thì thế nào cũng còn phải đổ máu nữa.

Nhưng đổ máu là chuyện sau này, ngay bây giờ đây cũng có hai vấn-đề gay-go, hai mầm xích-mích.

Vấn đề thứ nhất là vấn đề Jérusalem. Châu thành chia đôi, ở giữa là một khu phi chiến. Hai bên khu phi chiến đó, quân đội Do-Thái và Ả-Rập đi tuần suốt ngày đêm. Từ 1949 đến 1954, các nhà cầm quyền Do-Thái đã tố cáo Ả-Rập là vi phạm hiệp ước

đình chiến 1612 lần; Ả-Rập cũng tố cáo Do-Thái là vi phạm hiệp ước 1.348 lần, hoặc là vượt biên giới, hoặc là ở bên này bắn qua bên kia, hoặc là phi cơ bay trên không phận của nhau, lại có cả những vụ đốt phá lẫn nhau nữa. Không có ngày nào là trên biên giới Israel, Jordanie không có vụ lộn xộn; nhiều vụ đổ máu xảy ngay gần mộ đức Giê-Su.

Liên-Hiệp quốc đã đề nghị quốc tế hóa châu thành đó, song cả Israel lẫn Jordanie đều không bằng lòng vì nước nào cũng ngờ rằng Liên-Hiệp-quốc không sao kiểm soát cho kỹ được, thế nào cũng có sự lén lút đưa người và khí giới vô, như vậy thà cứ giữ hiện trạng và Israel cùng Jordanie tự kiểm soát lấy khu vực của mình còn hơn.

Vấn đề thứ nhì là vấn đề định cư nửa triệu người Ả Rập tản cư ở Jordanie, 220.000 người tản cư ở miền Gaza, 100 000 người ở Liban, 90 000 người ở Syrie, tổng cộng non 1.000.000 người. Hiện nay họ ở tạm gần biên giới, mà ngày nào cũng đăm chiêu nhìn về cố hương. Những gia đình từ 15 đến 20 người chui rúc dưới những tấm bố căng lên che nắng và mưa, ở bên cạnh những đồng rác. Không có trường học, không có nhà thương. Trẻ em thì đánh giày ở Amman mà người lớn thì ở không vì không có công việc gì để làm. Họ sống hoàn toàn nhờ sự trợ cấp của Liên-hiệp-Quốc may lắm là không chết đói (1).

Nhưng họ có một lòng tự ái rất cao, tới những trẻ em cũng ăn mặc sạch sẽ, áo vá chứ không rách, và không

bao giờ chúng chịu đi ăn xin, chúng đánh giày cho khách ngoại quốc, mà có ai thương hại trả cao hơn cái giá nhất định, là chúng liệng tiền đi, không thèm nhận.

Người ta đề nghị cho họ di cư lại những nơi phong phú, có công ăn việc làm, như lại Irak, lại Darhan, lại Koweit, họ nhất định không chịu, cứ ăn và ở đó, khẳng khẳng đòi về cố hương. Họ oán bốn xứ Ả-Rập: Liban, Jordanie, Syrie, Ai-cập đã phản bội họ mà đầu hàng Israel; họ oán Liên-hiệp quốc đã hy sinh họ cho Israel.

Không ai có thể trách họ được. Lòng nhớ cố hương là một tình cảm mãnh liệt, lý trí không thể thắng nổi. Bảo họ đi nơi khác ở có sướng hơn không họ đáp:

— Ở đây còn có hy vọng về xứ được, chứ đi nơi khác là bỏ luôn quê cha đất tổ ư? Chúng tôi sống được là nhờ hy vọng. Người Do-Thái mất quê hương, phiêu bạt từ mười mấy thế kỷ rồi mà vẫn hướng về Jérusalem thì tại sao các ông lại bảo chúng tôi quên quê hương được khi chúng tôi tản cư khỏi Palestine mới có mười năm nay?

Ngày nào mà các quốc gia Ả-Rập mạnh lên, biết đoàn kết chặt chẽ, không bị Âu, Mỹ chi phối nữa, có đủ khí giới tối tân để phân phát cho non

(1) Theo tài liệu mới nhất đăng trong tạp chí Missi số Juillet 1961, thì tình trạng của họ nay đã khá một chút; nhưng 40% vẫn phải sống nhờ sự trợ cấp của Liên-hiệp-Quốc, mà họ sinh sản rất mau, mỗi năm có tới 37 000 trẻ em ra đời, thành thử Liên-hiệp-Quốc vẫn phải chịu một gánh rất nặng.

một triệu người đó thì Israel cũng khó mà yên được. Cho nên tôi nói rằng bị kịch Israel thế nào cũng còn tái diễn.

*
* *

V. — KẾT LUẬN: LỖI VỀ AI?

Chúng ta là người ngoại cuộc thử xét xem lỗi về ai trong thảm kịch truyền kiếp đó?

Lỗi tất nhiên không về Do-Thái rồi, Mà cũng không về Ả-Rập. Khắp thế giới hiện nay có khoảng 20 triệu Do-Thái. Nếu chỉ một nửa số đó về Israel thì cũng đáng ngại cho Ả-Rập lắm vì dân tộc đó thông minh, tài giỏi, kiên nhẫn, chịu hy sinh, tinh thần đã cao, mà tổ chức lại tài. Hồi xưa, Do-Thái chỉ có vài vạn người ở Palestine, Ả-Rập đâu có bài xích họ. Bây giờ họ đông quá thì về chính trị, về kinh tế, Ả-Rập tất nhiên không thể hòa thuận với họ được nữa, nhất là khi họ tuyên bố sẽ mở mang bờ cõi từ Irak tới Ai-Cập.

Anh mới đầu có cảm tình với Do-Thái, rồi sau vì quyền lợi dầu lửa phải nuốt lời hứa, như vậy quả thực là không «gentleman»; nhưng quốc gia nào trước khi chỉ trích Anh cũng nên nhớ lại lời đức Giê-Su bảo quần chúng ở trước đền Jérusalem, khi họ nhao nhao lên đòi đập chết Marie Madeleine «Ai chưa từng phạm lỗi lầm nào thì hãy ném viên đá đầu tiên vào cô ấy đi». Một chính khách Anh đã nói câu sâu sắc này: «Người Mỹ mạnh miệng chửi chúng tôi vì Palestine không nằm

trên miền Pensylvanie (1) của họ». Còn Pháp thì hiện nay đã có mỏ dầu lửa ở Sahara, rồi đây ta sẽ được biết thái độ quân tử của họ ra sao.

Đức-Quốc-Xã có tội nặng, không còn chối cãi gì được nữa, nhưng nếu xét cho cùng thì bọn Hitler không thể bỗng dưng dựng đứng lên thuyết chủng tộc để tàn sát Do-Thái, nếu tinh thần bài xích, kỳ thị Do-Thái không có sẵn trong lòng một số đông dân chúng ở châu Âu, nhất là ở Ba-Lan và Nga.

Vậy thì lỗi ở một số người Ki-tô giáo đó, hạng người thờ đức Giê-Su mà không nhớ lời của Ngài khi sắp tắt thở trên thánh giá: «Xin Cha tha thứ cho họ vì họ không biết họ làm gì».

Lại truy nguyên ngược lên nữa, thì ta phải nhận như Linh-mục Congar trong bài *Les Chretiens et l'antisemitisme* rằng chỉ tại người Do-Thái hồi đầu kỷ nguyên đã giết đức Giê-Su và tố cáo những người Ki-tô giáo khi mà đạo Ki-tô còn bị bài xích.

Nhưng nếu ta nhận rằng con người có quyền thù dai tới mức trên một ngàn rưỡi năm vẫn chưa nguôi, thì khắp thế giới này sẽ chỉ là một Auschwitz mệnh mông bất diệt. Vì không có một dân tộc nào không có cơ để thù một dân tộc khác, và như vậy thì có nên cho mấy vạn trái bom nguyên tử và khinh khí ở trời Âu nổ luôn một lúc cho địa cầu tan tành ngay bây giờ đi không?

(1) Nơi mà người Mỹ tìm ra được mỏ dầu lửa đầu tiên.

Phục lục.

Một học giả và chính khách Pháp, ông Georges Vaucher, cựu Thư-ký Ủy ban Quốc-tế Hồng Thập Tự, cựu Cao ủy trong Hoạt động quốc tế cứu trợ nạn đói ở Nga năm 1921 — 1922, sống ở Ai-Cập 25 năm, trong thế chiến vừa rồi, làm đại biểu cho hội Hồng Thập Tự quốc tế ở Tây Á, cho rằng bi kịch Do-Thái — Ả-Rập khó mà chấm dứt được, nguyên nhân không phải chỉ tại cái thế của Israel — đất hẹp mà người nhiều — mà còn do tín ngưỡng của hai dân tộc đó nữa. Người Do-Thái nào cũng đọc kinh Cựu ước, người Ả-Rập nào cũng đọc kinh Coran mà trong hai kinh đó có nhiều đoạn làm cho hai dân tộc hiểm thù với nhau.

Ai cũng biết rằng khi đắc đạo rồi, muốn truyền bá «Chính đạo», Mohamet gom đồ đệ lại mà bảo: «Từ nay ta sẽ sống và chết với các người, đời ta là đời của các người, máu các người là máu của ta, các người thua là ta thua, các người thắng là ta thắng» và «Hễ tội dị giáo tấn công các người thì các người sẽ tắm trong máu của chúng». Hiện nay, các dân tộc theo đạo Hồi-Hồi vẫn chưa bỏ cái quan niệm «thánh chiến» nguy hiểm đó (1)

Đó là trong kinh Coran. Trong kinh Cựu ước, ông Georges Vaucher đã trích dẫn nhiều đoạn rất có thể làm cho người Ả-Rập hiểu lầm, mà tôi xin dịch ra dưới đây: (2)

«Ngày đó, đức Jahvé giao ước với Abraham rằng: «Ta cho giòng dõi người xê này, từ sông Ai-Cập (Nil) tới sông cái kia, sông Euphrate, tức đất đai

của dân tộc Ki-nít, Kê-ne-sít, Ca-mô-nít, Rê-pha-im, A-mô-nít, Ca-na-an, Cohi-rê-ga-rít và Giê-bu-nít».

(Sách Sáng thế kỷ (Genèse) Ch. 15 tiết 18-21)

Khu đất đó vì vậy mà có tên là Đất hứa (Terre promise). Dân Do-Thái được đức Jahvé cho lại sống ở đó, và đức Jahvé còn hứa đuổi những giống thổ dân để cho Do-Thái được sống một mình:

«Ta sẽ không đuổi chúng đi hết trong một năm đâu, e rằng đất đó thành đất hoang mất mà loài thú rừng sẽ sinh sản làm hại người (người đây chỉ dân tộc Do Thái); nhưng ta sẽ đuổi chúng lần lần cho tới khi dân số người đông đúc rồi mà có thể làm chủ đất đó được. Ta sẽ phân định bờ cõi cho người từ Hồng Hải tới biển Philistin, từ sa mạc tới sông cái và ta sẽ giao phó dân bản xứ cho người và người sẽ đuổi chúng đi».

(Sách Ai-Cập phát trình kỷ (Exode) chương 23, tiết 29-31).

Biển Philistin tức là Địa Trung Hải, sông cái tức là sông Euphrate, miền nói trong đoạn đó gồm Sinai, Syrie và một phần sa mạc Ai-Cập.

Sách Luật-lệ-kỷ (Deutéronome) chương 17, tiết 16 cũng có câu:

«Người phải diệt tất cả các dân tộc mà Jahvé, Đức Chúa Trời sắp giao cho người, mất người đừng đoái thương chúng và người đừng phụng sự các thần của chúng».

(1) Pierre Gerbet. — Les Organisations internationales, (PUF)

(2) Cui Gamal Abdel Nasser et son équipe-Julliard.

Đầu chương đó, giọng còn mạnh hơn nhiều :

« Khi Jahve, Đức Chúa Trời của người đã dẫn người vô cái xé mà người sẽ làm chủ, và đuổi khỏi trước mặt người nhiều dân tộc, tức những dân tộc Hê-tít, Ghi-rê-ga-sít, A-mô-nít, Oa-na-an, Phê-rê-sít, Hê-vít và Giê-bu-sít, hết thảy là bảy dân tộc đồng và mạnh hơn người, khi Jahve, Đức Chúa Trời đã giao phó những dân tộc đó cho người và người đã đánh bại chúng, thì người phải diệt chúng hết đi, đừng kết liên với chúng mà cũng đừng thương xót chúng. Người đừng kết sui với chúng, đừng gả con gái cho con trai chúng, đừng cưới con gái chúng cho con trai mình, vì chúng sẽ dụ con trai người là bỏ ta, mà phụng sự các thần khác, mà cơn thịnh nộ của Chúa Trời sẽ bùng lên mà diệt người trong nháy mắt đấy. Trái lại, người phải đối với bọn chúng như vậy : lật đổ bàn thờ của chúng đi, đập bể tượng thần của chúng đi, hạ các ngẫu tượng của chúng xuống, đốt những hình chạm của chúng đi.

« Vì đối với Jahve, Đức Chúa Trời, thì người là một dân tộc thánh ; Ngài đã lựa người làm một dân tộc thuộc riêng về Ngài trong số tất cả các dân tộc trên mặt đất (...)

Trong sách *Dân số ký* (Livre des nombres) chương 33, tiết 50 cũng dặn phải đuổi dân bản xứ đi, như « nhổ gai trong mắt » « rút chông trong hông ».

Rồi suốt cho tới sách các *Tiên Tri* (Prophète) ở cuối Cựu ước, còn nhiều đoạn làm cho người Á-Rập phải suy nghĩ :

« Người sẽ chiếm được những thành lớn và đẹp mà người không tốn công kiến thiết; sẽ chiếm được những nhà cửa đầy những của cải mà người không mất công mua sắm; sẽ chiếm được những hồ đất mà người không phải đào; sẽ chiếm được những cây nho và cây ô-liu mà người không phải trồng».

(Sách Luật lệ ký chương 6, tiết 10, 11)

Tôi ngờ rằng, ông Vaucher đã sống 25 năm ở Ai-cập thì có thể hơi thiên vị với Á-Rập được. Ông quên rằng kinh Cựu ước không chứa những tài liệu lịch sử, mà những người Ki-tô giáo chỉ coi những sự kiện chép trong kinh là những hình ảnh ám chỉ những thực thể siêu việt xảy ra ở trong thế-giới tâm linh giữa Thiên và Ác, giữa Ánh sáng và Bóng tối... và những đoạn ông trích dẫn đó phải hiểu theo một nghĩa khác — chẳng hạn không phải là diệt các dân bản xứ mà là diệt cái Ác, không phải là chiếm nhà cửa, vườn tược mà là tìm được Hạnh-phúc về tinh thần... Tuy nhiên đã được nhận nhiều nhiệm vụ quốc tế, thì đứng về phương diện hòa bình của thế giới, làm sao ông khỏi ngại rằng để cho thanh niên Do-Thái đọc hoài những cuốn đầu trong Thánh Kinh mà cái thi vị văn chương kích thích mạnh mẽ như vậy, sẽ không khỏi gây một ảnh hưởng tai hại tới sự đào luyện tâm lý của Israel.

Sự xác định đi xác định lại rằng Israel là « dân tộc được lựa chọn », rằng xứ Palestine và tất cả tài nguyên của nó là thuộc quyền của dân tộc Israel, đã làm cho một số người Israel khoáng đạt không ngăn cản nổi, năm

1948, những hành động của hạng người Israel quá khích».

(Sách đã dẫn — trang 165)

Hiện nay ở Israel còn một số người A-Rập sống chung với người Do-Thái. Khi đi qua những giáo đường của nhau người A-Rập nghe người Do-Thái tụng những đoạn ở trên, mà người Do-Thái cũng nghe người A-Rập tụng những câu ca ngợi thánh chiến của Mahomet thì tâm lý họ ra sao? Như vậy cái bi kịch Do-Thái — A-Rập làm sao mà dứt được?

Tôi chắc rằng có vô số người Do-Thái không hiểu ý nghĩa thần bí trong Thánh Kinh, cứ tin theo nghĩa từng chữ và cho rằng nhiều đoạn tiên tri trong đó đã ứng nghiệm, chẳng hạn như những đoạn :

«Đức Jahvé sẽ bắt con cháu người (tức Jacob, một trưởng lão Israel, sinh 12 con trai, thủy tổ của 12 bộ tộc Israel) phiêu bạt, sống chung với các dân tộc khác trên thế giới... Mà sống với các dân tộc đó, chúng sẽ không được yên ổn, không có chỗ để đặt chân, sống giữa kẻ lạ, lòng chúng sẽ ưu tư. Đời sống của chúng sẽ chấp chờn vô định và chúng sẽ run sợ ngày rồi tới đêm. (1)

Nhưng rồi Đức Jahvé cũng sẽ tha thứ con cứng của Ngài :

«Ta sẽ gom dân tộc người lại, hồi Jacob, sẽ gom những con dân còn lại của Israel ».

(Sách Michéo — chương 2 tiết 12)

«Ta sẽ đem phu tù của dân Israel ta trở về; chúng sẽ lập lại các thành bị phá và ở đó, chúng sẽ lập vườn nho và uống rượu nho, sẽ làm vườn và ăn trái. Ta sẽ thấy chúng nó trên đất của chúng nó và chúng nó sẽ không bị nhổ khỏi đất mà ta ban cho»

(Sách Amos — chương 8, tiết 14,15)

Chính François Musard một người Do Thái lai Pháp, tác giả cuốn *Israel, miracle du XX^e siècle* còn tin vậy, thì trách gì những người Do Thái ít học hơn, như hạng Do Thái ở Yemen, ở Nga, ở Ấn... mới hồi hương.

Mà một khi người ta đã tin những lời « tiên tri » đó là linh ứng thì làm sao người ta không khỏi nghĩ rằng «muốn không bị nhổ khỏi» đất mà Đức Jahvé đã ban cho thì hai triệu dân Do-Thái ở Israel phải tận diệt 50 triệu dân A-Rập ở chung quanh. Nhưng 50 triệu dân A-Rập ở chung quanh tất cũng phải thế với nhau tận diệt 2 triệu dân Do-Thái ở Israel để trung thành với Chúa Mahomet.

Đó không phải chỉ là vấn đề giữa hai dân tộc đó với nhau mà là vấn đề liên quan tới cả thế giới. Miền Tây-Á là tiền tuyến của châu Âu, lại là kho dầu lửa lớn nhất thế giới. Tất cả các cường quốc đều tranh giành nhau từng chút ảnh hưởng ở đó, có nước đứng về phe Do-Thái thì tất có nước đứng về phe A-Rập, và chiến tranh giữa A-Rập và Do-Thái có thể làm cho cả nhân loại lâm nguy. Các nhà tôn giáo của Do-Thái và A-rập có nghĩ tới cái trách-nhiệm ghê gớm của họ trước lịch sử không? Và các chính khách của họ nữa. Những giao thiệp quốc tế đã phát triển rất mạnh, chỉ vào khoảng cuối thế kỷ này thôi là nhân loại sẽ bước qua một giai đoạn mới, giai đoạn sống chung hòa bình. Thế thì có nên ngay từ bây giờ dẹp bớt những tư tưởng nào có hại cho tinh thần huynh đệ trong năm châu không?

Nguyễn-Hiến-Lê

(1) Theo bản dịch của François Musard trong *Israel, miracle du XX^e siècle*.

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm-Nghị

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

UYÊN NGUYÊN

ĐỜI SỐNG

CỔ-LIÊU

MỘT trong những hoài bão của khoa-học là tìm hiểu nguyên ủy của sự sống sinh vật trên trái đất. Công cuộc nghiên-cứu theo đuổi trong các phòng thí-nghiệm trên hoàn cầu từ bao thế-kỷ nay, bây giờ đã đem lại chút ánh sáng. Căn cứ vào những kết quả thu lượm được, các bác học cho rằng sự sống xuất hiện từ một thứ bột trong các đại dương thuở ban sơ.

Thuở hỗn-mang và những
yếu tố nguyên thủy để
cấu tạo sự sống

Trái đất bắt đầu là một khối lửa. Khối lửa ấy nguội dần, và cách đây 3 tỷ năm thì ngoài vỏ đã không còn sức nóng nữa. Mặt trời cung cấp nhiệt độ cho mặt trái đất. Cái vỏ nguyên thủy của trái đất là phún thạch, quặng kim-khí và đá hoa cương, luôn luôn bị rung chuyển vì động đất. Từ những kẽ

nứt nước nóng phun ra thành những giếng phun khổng lồ. Sau cùng không trung đầy đặc những hơi, và từng đám mây đen lớn che khuất ánh sáng mặt trời.

Kể đến những trận mưa khổng lồ, những trận mưa lâu hàng mấy thế kỷ, mưa nhiều đến nỗi các chỗ đất thấp đều thành ra những hồ nước ngọt lớn. Khi mây tan, ánh sáng mặt trời chói lọi trên các biển cả trịnh trảng chưa có dấu vết sinh vật, thì những yếu tố cần thiết cho sự sống đã có đủ : khinh khí, thán khí, đạm khí và dưỡng khí.

Tuy nhiên các nguyên chất đó không có trong không khí dưới hình thức đơn thuần. Không khí còn là một hỗn hợp hơi nước với am-mô-niắc, mê-tan. Tất cả dưỡng khí ở trái đất chỉ mới có dưới hình thức hóa hợp với khinh khí (H_2O), quặng sắt hay chứa trong một vài thứ đá

khác. Đạm khí, các-bon cũng chỉ có nằm trong các hợp chất.

Những yếu tố nguyên thủy để cấu tạo sự sống đã có đủ, chỉ đợi xảy đến những hiện tượng ngẫu nhiên và hữu hiệu là sự sống cấu thành.

Những phần tử hydrocarbone đầu tiên.

Trên mặt đất vẫn chưa một dấu vết sinh vật, những hiện tượng thiên nhiên vẫn xảy ra liên tiếp: hỏa diệm sơn phun lửa lên không trung, tia tử-ngoại rọi xuống mặt đất và mặt biển, gió lốc cuốn bụi và khuấy lộn nước. Nước mưa kéo những chất hóa học trong không trung xuống đất. Sông ngòi đào giữa dần mặt đất, các chất diệm muối tan trong nước. Tất cả những chất hóa học đó dần dần bị dồn xuống biển, làm cho biển sau này sẽ là nơi phát sinh sinh-vật trước nhất.

Ban ngày, ánh nắng chang chang làm cho mặt đất nóng như lò, nhưng mặt biển tương đối mát hơn, vì có những nguồn nước lạnh từ các khe đất chảy vào. Trong nước biển, các hóa chất do mưa kéo từ không trung xuống, hòa hợp với các thứ muối ở nham thạch tan ra nước. Do đó xuất hiện những chất hydrocarbone đầu tiên, chẳng tiến hóa đâu để dẫn tới sự hình thành của đầu tế bào sống sau này. Những chất hydrocarbone ấy có khả năng phát triển, tương tự như chất sống sinh vật. Trước kia người ta tưởng rằng chất hydrocarbone cũng như các chất hữu cơ khác, chỉ có thể do các tế bào sống cấu tạo ra. Hiểu như thế thì người ta phải cho rằng không có chất

hữu cơ nếu không có đời sống và ngược lại sẽ không có đời sống nếu không có chất hữu cơ. Nhưng ngày nay những cuộc thí nghiệm chứng minh rằng trong thời kỳ nguyên thủy, không khí còn là mê-tan và hơi nước, nhiều loại hydrocarbone đã có thể cấu thành nhờ ảnh hưởng của vũ trụ tuyến và sấm sét (phóng điện).

Những giọt đặc quánh

Những yếu tố của chất hữu cơ đã cấu thành, bây giờ ta muốn biết những chất ấy tự tổ chức cách nào để có một hình thức nhất định, vì cái gì sống phải có một thể chất. Một đám phân tử hữu cơ lơ lửng trong nước bỗng nhiên kết tập lại thành một chất đặc quánh, hóa học gọi tên là colloïde, một thể lửng chừng giữa thể lỏng và thể đặc, như lòng trắng trứng, chất dầu, chất keo. Một chất collolde ở trong nước bị khuấy động, không bị hòa tan trong nước mà phân tán thành từng giọt thực nhỏ. Như vậy những chất hydrocarbone trong nước biển bị sóng gió dầm dập sẽ hợp thành những giọt nhỏ đặc quánh.

Nhờ có dụng cụ đo lường thực bên này người ta biết được những giọt đặc quánh đó có những đặc tính kỳ lạ. Trên mặt nó có một luồng từ điện rất nhẹ hút nước dính vào làm thành một làn vỏ bằng nước. Qua cái vỏ ấy những chất tan trong nước có thể vào ra được. Như vậy giọt đặc quánh với khả năng tự bảo tồn, có một đời sống biệt lập.

Hàng hà sa số những giọt đó trong nước biển bây giờ là ảnh tượng của chất

protoplasme trong tế bào sinh vật. Tuy sống trong sự chuyển động vĩ đại không ngừng của biển cả, mỗi giọt đặc quánh vẫn giữ riêng biệt một phần vô cùng nhỏ bé của nước biển trong đó những phản ứng hóa học vẫn biệt lập tiếp diễn theo một chiều hướng nhất định.

Vô ngoài bằng nước của giọt đặc quánh cong và bong tác động như một thứ thấu kính, tụ ánh sáng mặt trời vào chất đặc quánh. Ánh sáng mặt trời bây giờ có nhiều tia tử ngoại vì trên thượng tầng không khí không có chất Ozone ngăn cản tia tử ngoại như bây giờ. Ánh sáng chứa nhiều tia tử ngoại gây ra những phản ứng hóa học sáng tạo.

Chưa ai có thể biết được trong bao lâu và lúc nào thì phát sinh tia lửa sống đầu tiên. Chắc rằng những giọt đặc quánh vẫn lửng lơ trong nước ấm của biển cả trong thời gian vô tận. Rất nhiều hóa hợp nguyên tử đã diễn ra nhưng không tạo thành được gì, lại trở về hư vô. Những giọt mạnh mẽ hơn còn lại, những giọt yếu ớt tan rã. Như vậy đã phác họa một hình ảnh đầu tiên của luật đào thải. Yếu tố hữu cơ đã âm thầm lặng lẽ tranh đấu để cấu tạo đời sống.

Phân tử protéine đầu tiên

Đến một thời kỳ mà các đại dương đã già đi. Bọt nước biển nổi lên trên mặt nước làm cho nước có vị đắng của những muối kim loại; từ bọt biển đó sẽ thoát ra sự sống đầu tiên. Cách đây chừng vài triệu năm sự tiến hóa đã tăng lên một nhịp gấp rút hơn nhờ sự xuất hiện những chất xúc tác (catalyseur). Chất xúc tác đầu tiên có lẽ là đất thó các sông

ngòi cuốn xuống biển. Chất đất thó thu hút nhiều phân tử dị biệt làm cho chúng tiếp xúc chặt chẽ với nhau khiến phát sinh những phản ứng hóa học tạo ra những hợp chất hóa học mới.

Bắt nguồn từ những giọt đặc quánh đơn giản bé nhỏ, dần dần trở thành những phân tử khổng lồ, rồi những chuỗi phân tử cho tới khi, sau muôn ngàn hóa-hợp gần như bất tận, nảy sinh một loại phân tử mà ta gọi là protéine. Thực ra ta chỉ biết chất protéine cấu thành bởi một vài nguyên tử xếp đặt theo một vài hàng lối nào đó, nhưng ta chưa thể biết nó cấu thành với điều kiện nào, vào thời kỳ nào.

Trường hợp ngẫu nhiên quy tụ những nguyên tử các-bon, oc-xy, ni-tơ và hyt rô v.v... cũng khó tưởng tượng như trường hợp ta tung cả cỗ bài cào lên không mà các quân bài lúc rớt xuống mặt bàn, lại ngẫu nhiên sắp theo thứ tự từng hoa một. Cho rằng ta cứ tung cỗ bài như vậy mỗi giây một lần thì suốt đời người chưa chắc ta đã gặp được trường hợp ngẫu nhiên đó. Nhưng trong thiên nhiên các phân tử chuyển động theo mọi chiều mỗi lúc mỗi phức tạp và va chạm nhau với một tốc độ điện tử trong khoảng thời gian vô tận. Tất nhiên với những điều kiện đó, sự ngẫu nhiên vô lý nhất cũng có thể gặp được, và phân tử protéine do đó đã được tạo thành.

Protéine là một hợp chất mới khác hẳn kim khí, á-kim và các hợp chất nọ tính. Có lẽ trước kia chưa từng có hợp chất nào tương tự trong nhậ

thống hệ. Phân tử protéine là một phân tử khổng lồ so với những phân tử khác vì nó gồm hàng trăm nguyên tử, kiến trúc đặc biệt của nó lại có nhiều đặc tính kỳ lạ.

Trong một phân tử protéine có nhiều luồng điện xung kích nhau, a-xít và ba-zơ (base) phản ứng với nhau, hợp chất này tạo thành, hợp chất kia tan rã. Phân tử protéine phức tạp ấy có thể lớn lên theo đủ mọi chiều hướng, dãn ra, co lại, uốn cong, duỗi thẳng, vo tròn. Protéine và acide nucléique (cũng cấu tạo trong nước biển) là nguồn gốc của sự sống. Trải qua hàng vạn niên kỷ, chúng tạo ra chất protoplasme, chất enzyme, hạt truyền giống (gène), chất insuline, chất hémoglobine của huyết cầu; chúng tạo ra xương thịt, cơ thể sinh vật phối trí tác động các cơ thể như trái tim đập, phổi hô hấp, cân não rung chuyển sau cùng tư tưởng phát sinh.

Chất xanh lá cây

Nhưng trước tiên từ những hạt bụi nổi trôi trên mặt biển nguyên thủy phải được hình thành một tế bào sống. Vì những phân tử nói trên đây mặc dầu đã tiến hóa đến cực độ vẫn chưa chứa đựng sự sống. Những chất xúc tác nhậy hơn, chất siêu xúc tác, làm tăng tiến sự dinh dưỡng. Những chất xúc tác đặc biệt cho sự sống là những loại phân tử protéine gọi là enzyme. Enzyme làm cho các phân tử sinh điện để tăng sự dịch hóa lên một nhịp gấp. Nhờ vậy những sự hóa hợp trước đó phải hàng triệu năm mới thành thì nay đi tới kết quả mau chóng gấp bội phần.

Sau hàng triệu năm hóa hợp theo quá trình như trên, những phân tử ấy

đạt được thành quả là cấu tạo nên chất xanh lá cây (lục diệp tố : chlorophylle). Chất xanh lá cây là một trung tâm tự túc chế biến lấy đồ ăn từ những nguyên liệu thiên nhiên là ánh sáng, không khí và nước, nhờ phương pháp quang tổng hợp (photosynthèse).

Sự cấu tạo trên đây đã dẫn tới ngưỡng cửa sự sống rồi.

Chất protoplasme

Trên kia đã nói chất protéine có một kiến trúc phức tạp và có nhiều khả năng tạo tác, dịch hóa, để bảo vệ nguồn sống, bây giờ nó phải tổ chức lấy một cơ cấu nhiệm mầu để di truyền những khả năng ấy nếu không nó lại sẽ bị chìm vào hư vô, để giọt đặc quánh tìm đường lối hữu hiệu khác mà tiến hóa. Nó kết hợp với a-xít nucléique để cấu thành chất protoplasme đầu tiên. Chất protoplasme chứa đựng cơ cấu di truyền và sự sống bắt đầu.

Ngày nay trong phòng thí nghiệm người ta đã thực hiện được những chất protéine giản dị nhất, nhưng còn hàng ngàn chất protéine khác phức tạp hơn. Tuy công việc nghiên cứu đã vén được cánh màn đầu tiên bao phủ sự sống sinh vật, nhưng ở trong còn nhiều tấm màn dày đặc hơn.

Đời sống được cấu tạo lần hồi từ những yếu tố nguyên thủy rất đơn sơ dưới sự hướng dẫn của những năng lực tiềm tàng trong lòng vạn vật. Điều ấy chứng tỏ khả năng sáng tác khôn cùng của một quyền năng tối thượng, nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

CƠ-LIỆU

thuật theo Rutherford Platt.

JASPERS,

Trần-Hương-Tiê

Hiện-sinh và Siêu-việt

(xem tiếp B.K. số 123)

B. — Triết - gia | Trước hết
và Hiện-sinh. | nên nhận -

định rõ ràng về ý-nghĩa chữ « hiện-sinh ». Điều này tuy chúng tôi đã bàn tới ít nhiều trong hai bài đầu (Bách Khoa số 114 và 115), nhưng có lẽ bây giờ chúng ta mới thấy ý-nghĩa đó hiện ra sáng sủa : hiện-sinh khác với sinh-tồn và thường chống với chủ-nghĩa sinh-tồn. Bám vào sự sống như rễ cây bám chặt vào đất : đó là sinh-tồn, chưa phải là hiện-sinh. Chỉ ham những cảnh dễ dàng và chạy theo những thú vui ào ạt : đó là sinh-tồn, không phải hiện-sinh. Chỉ mong được chăm lo cho thân mình như con kiki mong được bà chủ cưng chiều, hoặc đôi bạch-yến mong được ông chủ săn sóc, đó càng là chủ-nghĩa sinh-tồn. Chủ-nghĩa sinh-tồn làm con người coi sự sống như của báu duy-nhất và như tất cả ý-nghĩa cuộc đời. Trái

lại hiện-sinh là vươn lên trên mức sống của sinh-vật, vì hiện-sinh là cuộc sống tinh-thần. Nhớ lại câu nói của Nietzsche trên kia : « Người ta chỉ yêu cuộc sống khi người ta biết ghét nó. Và muốn thu hoạch một mùa sống phong-phú và ý-nghĩa, thì phải dám sống một cách nguy-hiểm ». Nói giản-dị : hiện-sinh là ý-nghĩa của đời sống ; người ta chỉ vươn tới hiện-sinh khi nào người ta đã ý-thức được rằng mình sống để làm gì : Sống để thể-hiện cái định-mệnh cao-quý và độc-đáo của mình, không sống để mà sống : đó là hiện-sinh.

Nói theo Jaspers, thì hiện-sinh bắt đầu xuất-hiện khi con người ý-thức sâu xa rằng mình là một chủ-thể. Là chủ-thể có nghĩa là chủ-động để tự gây lấy nhân-cách và bản-lãnh của mình. Là chủ-thể,

tôi đã nhảy một cái thực xa từ bình-diện *đồ-vật* (être objet) lên tới bình-diện *ngã-vị* (être-moi). Khoa-học thực-nghiệm không thể giúp ta chút chi nữa, vì phương-pháp thực-nghiệm tỏ ra hoàn toàn bất-lực đối với hiện-sinh. Phương-pháp thực-nghiệm xây bằng những định-luật có tính-chất tất-định và phổ-quát: hiện-sinh thì tự-do và độc-đáo. Phương-pháp thực-nghiệm chỉ ứng-nghiệm cho những cái gì khả-nghiệm; mà hiện-sinh là một thực-tại tinh-thần, không máy nào đo được và không công-thức nào diễn-tả được.

Tất cả những điều trên đây được gói gọn trong chữ hiện sinh, vì hiện-sinh là sinh-hoạt tinh-thần của một chủ-thể đã giác ngộ và ý-thức sâu xa về chủ-thể-tính của mình, đồng thời đã ý-thức về quyền-lợi và nhiệm-vụ lớn lao của chủ-thể-tính đó. Cho nên Jaspers thường gọi hiện-sinh là *hiện-sinh khả-hữu* (existence possible) để nói lên vai trò chủ-động của tôi trong việc tự xây dựng nhân-cách và định-mệnh của tôi. Tư-tưởng của Jaspers về hiện-sinh khả-hữu được trình bày khá đầy đủ trong câu: «Tôi chỉ là cái tôi do chính tôi tạo nên, nhưng tôi chỉ tạo nên cái tôi chính-thực là tôi... Cái tôi chính-thực đó không ở sau lưng tôi, nhưng ở trước mặt tôi; không phải là cái tôi hiện nay, nhưng là cái tôi đang trở thành, tức là cái mà tôi đã quyết tâm và đang lo-tính để trở nên». (*Dufrenne et Ricoeur* op.cit., p.121: Je suis ce que je me fais, mais je me fais ce que je suis... Mon être véritable est en avant de moi, non en arrière; il n'est pas défini par ce que je suis, mais par ce que je deviens, ce que je décide et entreprends d'être).

Nghe câu trên đây, chúng ta không thể không nhớ đến câu của Nietzsche: *Deviens ce que tu es*, *Hãy trở thành con người chính-thực mà anh đang mang sẵn trong người*. Người hiện-sinh đã giác-ngộ về tính-chất cao-quý và độc-đáo của mình. Chỉ mình ta biết rõ những khả-năng của mình ta. Và ta phải biết những khả-năng đó để khai-thác cho kỳ cùng. Không biết và không khai-thác những khả-năng đó, tức là bỏ uổng cuộc nhân-sinh. Mà không đạt tới mức hiện-sinh, thì con người chưa đáng gọi là người, vì con người đó mới chỉ sinh-tồn như cây cỏ và cầm-thú mà thôi.

Trên bình-diện hiện-sinh, con người tự nhận mình là một chủ-thể tự-do, đồng thời con người cũng truy-nhận chủ-thể-tính của những người khác sống quanh nó và cũng tự-do và tự-chủ như nó. Do đấy, hai vấn-đề được Jaspers nghiên-cứu rất tỉ mỉ trong cuốn thứ II bộ *Philosophie* là: tự-do-tính và thông-giao.

1) *Tự-do-tính*.— Khi nói tự-do người ta thấy nổi bật lên cái ý-nghĩa của sự tự-quyết: tự-do là hành-động phát xuất tự trong chỗ úc-phục nhất của ta. Tự-do là do tự chính mình ta đã quyết-định như thế, và ta hoàn toàn chịu trách-nhiệm về sự quyết-định đó. Jaspers thường chỉ chú-trọng đến nghĩa tự-do là tự-quyết và tự chọn mà thôi. Và thực ra đó mới là ý-nghĩa sâu xa và ý-nghĩa hiện-sinh.

Tự-do là gì? Jaspers cho câu hỏi này là một câu hỏi ngây ngô. Theo ông, tự-do là đặc-tính của hiện-sinh, và cũng

như hiện - sinh, tự-do là cái chúng ta chỉ có thể chứng-nghiệm và không có thể giải - nghĩa cho người chưa tự-do. Nói cách khác, cũng như tự sinh-tồn lên tới hiện-sinh, có một cái nhảy, nghĩa là có một sự vượt bậc ; cũng một lẽ, tự chỗ có quan-niệm về tự-do đến chỗ thấu-hiểu thế nào là tự - do, cũng có một cái nhảy, một sự vượt bậc. Trong ý đó, chúng ta dễ hiểu tại sao Jaspers đã nghĩ rằng : « Tri-thức khách-quan chỉ đạt được những sự vật của vũ-trụ khả-nghiệm tức vũ-trụ đặt dưới những định - luật, cho nên khi dùng tri-thức để bàn giải về tự - do, chúng ta chỉ đạt được một thứ tự-do giả-tạo ». (*Dufrenne et Ricoeur*, op. cit, p. 137).

Tránh không định - nghĩa chữ tự-do, thì làm sao hiểu được thế nào là tự-do ? Đây là lần đầu tiên chúng ta thấy Jaspers áp-dụng phương-pháp của hiện-sinh : ông gọi phương-pháp đó là « Soi vào hiện - sinh ». Khi nghiên - cứu về những sự vật khả - nghiệm của vũ-trụ vật-lý, người ta có thể đo lường rồi diễn-tả những đo-lường đó bằng những công-thức ; phương-pháp đó không thể áp dụng cho hiện - sinh là một thực-tại linh-động và tự - do. Chúng ta đã biết điều đó. Vậy chỉ còn cách là dùng phương-pháp đặc-biệt : đó là quan - sát từng bước đi của hiện-sinh, cũng như ta soi vào một người đi trong bóng tối để xem họ đi thế nào ; nói đúng hơn, ta soi vào họ để giúp họ tìm ra đường mà đi. Thực ra ta không soi vào « họ » nào hết, nhưng soi vào con người mà ta muốn trở thành. « Soi vào hiện-sinh là cố gắng tìm ra một triết - lý

nhân-sinh. Đó chính là lo-tính để tìm ra một phương-diện đặc-biệt của con người, phương-diện mà các khoa-học thực-nghiệm không đạt tới được ». Gọi phương-pháp này là soi vào, vì ta không thể suy-diễn và cũng không thể tự tạo ra những hiện-tượng để mà quan - sát như người ta thấy trong khoa-học thực-nghiệm ; cho nên nói « soi vào » là có ý nói rằng triết-gia phải nhẫn-nại theo dõi từng bước sinh - hoạt của con người để nhận ra những khả-năng hầu như vô tận của con người hòng hướng dẫn con người đi tới chỗ thể-hiện định-mệnh cao-cả của mình.

Khi soi vào hiện-sinh, người ta thấy tự - do thoát tiền hiện ra dưới hình-thức của « tự-tiện » (*libre-arbitre*), một thứ tự-do bừa bãi của những kẻ sống theo nhịp thúc đẩy của dục vọng. Nhớ lại chủ-trương của Schopenhauer, ông thầy tư - tưởng của Nietzsche, chúng ta đã thấy ham muốn (dục) được coi là chủ-động của hành-vi con người. Sau này khi chúng ta nghiên-cứu về Sartre, chúng ta càng thấy cái ham muốn được đề cao, và ham muốn thường được coi là hình-thức tự phát và nguyên-thủy của mỗi hành - vi con người : trong ý đó, Sartre đã nói rằng khi con người suy-ngĩ để quyết-định, thì sự quyết-định thực sự đã tàng-ẩn trong những suy-tính kia ; thành thử suy thì suy, chớ thực sự « nước cờ đã rành rành ra đấy rồi ». Xem như thế, tự-tiện là một sức thúc đẩy gần như mù quáng ; nó chưa đáng gọi là tự - do, vì tự - do bao giờ cũng là một hành-động đầy ý-thức và suy-ngĩ. Tuy-nhiên, theo Jaspers, tự - do phải bắt nguồn trong cái sức sống mãnh-

1
 iệt đó; nếu không, không thể có tự-do xét như một hành-động hiện-sinh, mà chỉ có thể có những tự-do trừu-tượng và lý thuyết mà thôi. Tóm lại tự-do bắt nguồn từ trong cái mạch vẫn đục và hùng hổ là dục vọng và ý-hướng cạnh tranh sinh-tồn: thiếu sức thúc đẩy đó, con người không thể thành người chí-khí, không thể đạt tới tự-do hiện-sinh. Thành thử những người hiền như cừu và lành như nắm bông không thể trở thành những nhân-vị phong-phú và giúp ích cho xã-hội. Fénelon đã kinh-nghiệm rằng những đứa trẻ thiếu ham-mê và thiếu tính-khí sẽ không trở nên người; giáo dục chúng vừa mệt vừa buồn vừa uổng công. Gõ mục thì tác làm sao? Cổ nhân nói « hủ mục bất khả điều » thực là chí lý. Vậy khi ta thấy con em ngang ngược, tính tình hiếu động, hiếu thắng, « rắn mảy, rắn mặt », chúng ta chớ vội buồn cho rằng nhà mình không có phúc, sinh ra toàn hạng giặc. Dưới con mắt nhà giáo-dục lành-nghề, những đứa trẻ ấy tuy khó bảo, nhưng có triển-vọng gấp trăm những đứa bé hiền như bụt, ruồi bậu mép không buồn đuổi. Chỉ cần lưu tâm giáo-dục chúng một cách thận trọng và nhẫn nại.

Nói tự-do bắt nguồn nơi mạch nước đục ngầu và hăm hở của tự-tiện là nói « soi vào » chỗ phát-sinh của tự-do. Nhưng tự-tiện chưa phải là tự-do. Tự-tiện không phải là tự-do. Tự-do là tự ý-thức về hành-vi của mình, mà điểm này không có nơi tự-tiện. Tâm trí con người có thể sống lâu hay chóng trong tình-trạng vô-thức của tự-tiện: nhưng thế nào cũng có ngày

con người giật mình về hành-vi của mình, tự vấn về hành-vi của mình. Khi đó con người vấp phải tòa án của lương-tâm: ý-thức luân-lý nổi dậy và không bao giờ bỏ con người nữa. Tự đây con người từ tạ cảnh sống vô-tâm của tự-tiện để bước sang đời sống có suy-nghĩ. Và đây cũng là những bước đầu tiên tiến lên tự-do hiện-sinh.

Đến đây, sự suy-nghĩ thường đặt con người trong một tình-trạng khó ở: vì suy-nghĩ nhiều, con người thấy mờ ra trước mắt mình hai ba con đường cùng có vẻ dẫn tới chủ-đích cuộc đời mình, hoặc dẫn tới chỗ thành-đạt một quăng đời mình. Giả như chỉ có một con đường, tất con người không phải chọn. Hoặc giả có nhiều đường, nhưng một con đường hiện ra sáng sủa và chắc chắn hơn, thì sự chọn của con người đỡ băn khoăn biết mấy! Triết cổ truyền, nhất là học-thuyết của Aristote thời thượng-cổ và thuyết mệnh-lệnh tuyệt-đối của Kant ở thời cận-đại, thường giải-quyết vấn-đề quyết-định này một cách giản-dị: theo các ngài, thì sau khi suy-nghĩ rồi, con người sẽ thấy rõ ràng phải chọn phía nào và bỏ phía nào, vì thế nào cũng có một kết-luận phân-minh, và chỉ có một kết-luận mà thôi. Nếu chỉ có một kết-luận, thì cũng không có vấn đề chọn, tức quyết-định. Jaspers vạch cho thấy tính-cách giả-tạo của cách giải-nghĩa cổ-truyền đó. Jaspers không chối có một luật Luân-lý căn-bản, in trong thâm-tâm mỗi người và mỗi người đều nhìn nhận là thước của Lương-tri; nhưng ông nói thêm ngay rằng mỗi người tự-do phải đảm-

nhận lấy luật đó như một luật do chính mình lập ra cho mình; không làm như thế, con người không còn tự-do nữa, nhưng là nô - lệ cho luật kia. Tất cả vấn-đề ở chỗ làm cho luật kia trở thành luật của mình, nghĩa là làm sao cho trong sự quyết-định, con người không còn cảm thấy áp-lực ngoại lai do Luật kia bắt mình phải quyết như thế này thế nọ. Để giải-đáp, Jaspers không luận lý xuông; ông muốn dùng phương-pháp « soi vào » để dẫn ta vào hiện-sinh. Hiện-sinh cho thấy tự-do chỉ xuất-hiện với tất cả ý - nghĩa của nó trong những hành-vi nhân - bản mà thôi. Nghĩa là những quyết-định của tự-do hiện-sinh chỉ có giá-trị đích-thực và đầy-đủ khi con người phải *tự quyết* thực sự. Nói theo đúng danh-từ của Jaspers, tự quyết đây là *tự-chọn* (choix de soi-même).

Nói tự-chọn, nhưng Jaspers lại thêm ngay rằng: sự tự-chọn này là tự chọn *gián-tiếp*, tự chọn qua những hành-vi mà tôi chọn. Thí-dụ tôi có thể nói dối để tránh một chuỗi những rầy rà: để chối *hay* nhận bị gọi đến làm chứng, mà làm chứng thì tôi sẽ khó biết nên nói thế nào, nói thực thì khổ cho bên này và nói dối thì khổ cho bên kia vì cả hai bên cùng là chỗ bà con thân thuộc. Cả những hành-vi xem ra tầm thường hơn cũng mang tính chất tự-chọn đó: thí-dụ có nên cứ làm việc cẩu thả như tôi đã quen tự mấy năm nay chăng? có nên sống theo đà theo dóm, gặp đâu hay đấy chăng... Những quyết-định này có tính-chất hiện-sinh rõ rệt, vì chọn đây là tự chọn, chọn con người danh-dự *hay* con người hèn hạ, chọn con người biết thắng mình để hướng

lên *hay* là chọn con người buông mình để trôi xuông. Tuy nhiên, khi bàn luận, chúng ta thường thấy giản-dị và rõ ràng; trong thực-tế khác hẳn, vì trong thực-tế ta không thấy bên nào đáng chọn hơn bên nào hết (vì nói cho cùng, *hai bên cùng là ta cả*, vì chọn là tự chọn). Cho nên Jaspers mới quả quyết rằng « *tự-do là nguồn mạch* » (Ursprung) và « *chọn là một sự nhảy* » (Dufrenne et Ricoeur, p. 143). Nói thế có nghĩa là sự quyết-định của ta không bao giờ hoàn-toàn « hợp lý » như chủ-trương của triết-học cổ - truyền, nhưng luôn luôn bao hàm một sự *liều*. Liều đây chỉ có nghĩa là tự quyết và tự trách-nhiệm. Trong ý đó, Jaspers đã nghĩ rằng: Khi tôi chọn, tôi đã làm một việc gì mới mẻ hoàn-toàn, và hoàn toàn do tự-quyết; không có sự tự-quyết này, những so-đo và và suy-tính còn có thể kéo dài vô tận » (Ibid.). Như vậy, suy - tính không-thể tự nó đưa tới kết-luận, suy-tính không thể *làm* cho tôi quyết-định. Quyết-định là một cái nhảy, một cái gì hoàn-toàn mới, một nguồn mạch phát-sinh cả một chuỗi những hậu - quả mà tôi tự đảm-nhiệm ngay từ lúc quyết-định. Bây giờ chúng ta mới hiểu tại sao Jaspers coi tự-do là căn-bản của con người hiện-sinh. Hơn nữa ông còn coi tự-do là như chính hiện-sinh: « Khi tôi tự-quyết, đã thực sự nghiệm thấy sự tự-do của tôi: tôi không quyết-định về một sự vật nào hết, nhưng quyết-định về chính mình tôi. Tôi hoàn toàn là *tôi* trong sự quyết-định đó. Cho nên tự-do đồng-nghĩa với tự chọn ». (dẫn trong Ricoeur, *G. Marcel et K. Jaspers Temps présent* 1947, p. 242).

Ta thấy tự-do hiện-sinh của Jaspers khác với tự-do sinh-tồn, khác với tự-do bừa bãi, khác với tự-do tiêu-cực của quần chúng chừng nào ! Tự-do hiện-sinh là một trách-nhiệm và một lo-âu của một nhân-vị đã tự-giác và dám tự-quyết.

2) *Thông-giao* — Mặc dầu nhiều tác-giả ở Việt-Nam viết về Jaspers đã dịch chữ *Kommunikation* của Jaspers là *thông-cảm*, chúng tôi vẫn chưa thỏa mãn. Nếu phải nói *thông-cảm*, chắc Jaspers đã dùng danh-từ *Kommunion* hoặc *Uebereinstimmung*. Bởi vậy, sợ rằng chữ *thông-cảm* nguyên nó không diễn đạt được tư-tưởng của Jaspers, cho nên chúng tôi đánh bạo dùng chữ *thông-giao* (giao-thông).

Đây là một đề-tài lớn và quan-trọng trong triết Jaspers. Viết về *thông-giao*, P. Ricoeur khởi đầu bằng câu : «*Thông-giao là điều-kiện hiện-sinh của một sự nhảy vọt đích-thực, một cô-đơn đích-thực và một bản-ngã đích-thực*». (Ricoeur, *Marcel et Jaspers*, p.185). Như vậy *Thông-giao* là điều-kiện của hiện-sinh : thiếu *Thông-giao* đích-thực, không thể có hiện-sinh đích-thực.

Nhưng *Thông-giao* là gì ? Ở đây cũng như ở trường hợp trên kia của Tự-do, chúng ta không thể dùng định-nghĩa, nhưng chỉ nên dùng phương-pháp «*Soi vào*». Nhìn vào xã-hội, chúng ta thường nhận thấy những hình-thức giả-tạo của *Thông-giao*. Trước hết xã-hội như xã-hội cộng-sản, trong đó mỗi người chỉ là đơn-vị giống hệt những đơn-vị khác ; đó cũng là hình-ảnh những xã-hội chưa trưởng thành, những xã-hội bộ-lạc chẳng hạn. Đặc-tính của những xã-hội này là :

«*Mỗi người làm cái mà mọi người khác làm, tin những điều mà mọi người đều tin, và suy-tưởng đúng như mọi người cùng suy - tưởng*». (Dẫn trong *Dufrenne et Ricoeur*, p.155). Như thế làm gì có *Thông-giao* ? Mỗi người có chỉ để thông cho người khác đâu ? Mà làm gì có con người trong những xã-hội đó ? Chỉ có những người chưa thành người, những người chưa vươn tới hiện-sinh tự-do. Tóm lại không có hiện-sinh chính-thực, thì cũng không thể có *Thông-giao* được. Những người sống trong các loại xã-hội coi người như những đơn-vị, thực ra chỉ là những sự vật : hai người đặt gần nhau cũng như hai sự vật được kê sát nhau. Kê sát nhau, nhưng không *Thông-giao* với nhau chút nào hết.

Một loại xã-hội khác là xã-hội gồm toàn những đơn-tử (monades). Đơn-tử khác đơn-vị (unités), vì đơn-vị thì đồng-đều giống nhau như đúc chung một khuôn, còn đơn-tử thì mỗi cái là một loại riêng, không cái nào giống cái nào hết. Trong xã-hội của những đơn-vị không thể có *Thông-giao* ; trong xã-hội của những đơn-tử càng không thể có *Thông-giao*. Mỗi đơn-tử là một thế-giới đóng kín, «*không có cửa ra vào và cũng không có cửa sổ để nhìn sang đơn-tử khác*». Đây không còn là xã-hội bộ-lạc của man-ri nữa, nhưng là xã-hội của những ông chúa độc-tài và của những triết-gia duy-tâm. Trong một nước độc-tài, chỉ duy có một tiếng nói : tiếng nói của nhà độc-tài. Có tiếng nói của dân, có tiếng nói của đoàn-thể cách mạng, có tiếng nói của văn-học : nhưng đó chỉ là tiếng vọng ại của tiếng nói nhà độc-tài. Nhà độc-tài say

mê và tin-tưởng vào tiếng nói của dân : thực ra cái tiếng nói muôn kiểu đó chỉ là tiếng vọng trung-thành của tiếng nói nhà độc-tài ; nhà độc-tài cũng chỉ thích và chỉ chịu nghe có một tiếng nói đó mà thôi. Y như chàng Narcisse mê man cái hình của chàng in trên làn nước phản-bội. Cô đơn mà không biết mình cô-đơn. Rồi trong gia-đình cũng thế, khi người cha độc-tài thì không thể hiểu người con : ông không muốn người con có cá-tính và đặc-tính của nó ; ông muốn đứa con của ông trở thành một ý-tưởng của ông, nghĩa là nó phải làm con theo quan-điểm ông nghĩ ; người cha đó không bao giờ thông-giao với người con của ông ; không bao giờ ông công-nhận đứa con ông là một nhân-vị với những điều kiện sinh-lý và tâm-lý độc-đáo của nó ; ông nghĩ đứa con ông phải hoàn toàn giống như ông ngày xưa khi còn nhỏ. — Nói rộng ra, chúng ta thấy nhiều người chung quanh ta, ta gặp mỗi ngày từ bao năm nay, nhưng ta chưa thông-giao với họ, vì ta chưa có « cửa ra vào và có lẽ cũng chưa có cửa sổ » để nhìn sang họ. Đối với ta, họ vẫn là những thế-giới xa lạ.

Vậy khi nào có Thông-giao ? Khi có đấu-tranh thương-yêu. Thiếu đấu tranh, không thể có tính-cách *khác* là nền-tảng của Thông-giao. Nhưng thiếu thương-yêu, thì lại không thể có sự thông-hiệp. Có thể nói đấu-tranh là yếu-tố « Giao », và thương yêu là yếu-tố « Thông » của sinh-hoạt Thông-giao. Đấu-tranh càng sâu cay, thì Thông-giao càng sâu xa và bền chặt ; những mối tình thiếu xung-khắc là những mối tình thiếu sâu sắc ; đó là « những bát cháo chưa bỏ muối ». Tuy nhiên nếu sự xung-khắc mà thắng thì còn chi những mối tình !

Jaspers nhấn mạnh đến cả hai yếu-tố « Thông » và « Giao » bằng nhau. Thường tình người ta chỉ nghĩ đến những mối thông-giao dễ-dàng, không đấu-tranh, không xung-khắc : đối với Jaspers, thì những thông-giao này còn thiếu tính-chất hiện-sinh, bởi vì những con người Thông-giao đó chưa vươn tới mức độc-đáo và tự-quyết của mình. Mà thiếu Cô-đơn đích-thực, thì không có Thông-giao đích-thực. Jaspers diễn tả sự trạng đó bằng cách gọi hiện-sinh thông-giao là *hiện-sinh với nhau* (Miteinandersein), hiện-sinh với một hiện-sinh *khác* : như thế cần thiết cả hai *cùng* là hiện-sinh cả, nghĩa là cùng đã tới mức hiện-sinh chính-thực Tự-do, và Độc-đáo.

Qua mấy lý lẽ trên đây của Jaspers, chúng ta thấy thông-giao khó chừng nào ! Thông-giao không cho phép một trong hai người, hoặc cả hai người thoái-vị làm người hiện-sinh. Như thế nghĩa là : nhường-nhịn chưa phải là Thông-giao ; nhường-nhịn thụ-động còn là phản Thông-giao nữa, vì người nhường-nhịn đã tỏ ra tiêu-cực, và người được nhường-nhịn chỉ đối-diện với một cái không, một thái-độ vắng mặt của người kia. Đúng như Ricoeur đã chú-giải : « Nếu tha-nhân vâng phục tôi, nếu tha-nhân chỉ là tiếng-vọng của tôi, thì tôi không thể trở thành tôi chính-thực được. Cần tha-nhân phải là nhân-vị thực thụ, tự-do và đầy tự-cách, thì tôi mới là tôi đích-thực, và sự Thông-giao mới có được ». (Ricoeur, *Marcel et Jaspers*, p. 191). Như thế có nghĩa là : chỉ có Thông-giao giữa những con người biết sống theo Hiện-sinh chính-thực, những con người biết trọng nhân-cách của tha-nhân. Trong ý đó, Jaspers cho rằng

những kẻ khinh người và độc-tài là những kẻ tự khinh mình : những hạng đó tỏ ra chưa vươn tới bình-diện của nhân-vị hiện-sinh ; họ coi tha-nhân là sự vật, không đáng cùng họ đối thoại, cho nên họ xử đối với tha-nhân như cư xử với sự vật ; tuy nhiên, họ không ý-thức rằng làm như vậy họ đã từ chối Thông-giao : bị coi như sự vật, *tha-nhân cũng là ra như sự vật cho họ coi*, và như vậy họ càng bị cô-đơn. Kinh nghiệm hằng ngày cho thấy : khi được tín-nhiệm thực-sự, người thanh-niên tỏ ra khác hẳn ; hôm trước đây, cũng người thanh-niên ấy, vì bị coi như bất tài, nên đã tỏ ra chán nản và thụ-động, đột nhiên có người biết tin dùng người thanh-niên đó, thì một biến-cổ xảy ra : người thanh-niên tỏ ra có ý-thức và tinh-thần trách-nhiệm, lại tài ba xuất sắc, trăm ngàn lần khác với người thanh-niên lù rù của trước đây.

Thông-giao quý lắm và cũng khó lắm. Nó còn khó hơn Hiện-sinh, vì nó là một toàn-hảo của Hiện-sinh và giả-thứ rằng đã có Hiện-sinh rồi mới có nó được. Hiện-sinh đặt nền trên Tự-do và Cô-đơn ; Thông-giao lại đặt nền trên Hiện-sinh và trên cuộc đấu-tranh thương-yêu của hai Hiện-sinh. Nếu trong khi tranh-đấu, một trong hai người bỏ bình-diện hiện-sinh để trụt xuống bình-diện sự vật, thì không thể có Thông-giao nữa. Thành thử Thông-giao là một thực-tại bị giằng co giữa Giao và Thông, giữa tình trạng « Hai mà Một, và Một mà Hai ». Nếu là Một (vì một bên dám coi bên kia là sự vật như trong trường hợp độc-tài ; hoặc một bên đã tự thoái-vị hiện-sinh, như trong trường hợp nhường-nhịn thụ-động),

phải, nếu chỉ là một thì không có Thông-giao. Nhưng nếu chỉ là Hai, thì cũng không có Thông-giao. Cho nên phải Hai mà Một, và Một mà Hai. « Ái-tình là hiệp-nhất, cho nên chỉ có ái-tình khi có hai. Ái-tình làm ta hy-vọng thể-hiện được mối hiệp-nhất, nhưng chúng ta chỉ thể-hiện sự hiệp-nhất khi nào chúng ta nhận thức tính-chất thực-tại là Hai của chúng ta ». (*Dufrenue et Ricoeur*, p. 166).

Vì Thông-giao là mức toàn-hảo của Hiện-sinh, cho nên nó đòi mỗi người của mỗi Thông-giao phải đứng vững trên bình-diện cao-quý của Hiện-sinh. Muốn đứng vững như thế, mỗi người phải giữ vững Tự-do và Độc-đáo của mình. Jaspers đã diễn tả điều đó bằng cách thêm vào câu mà tôi phải tự nhủ « *Deviens ce que tu es* » một câu thứ hai mà tôi nói bằng mắt với tha-nhân : « *Sois toi-même !* » (Anh hãy là anh). Như thế trong khi tôi tự nhủ phải « trở thành người mà tôi mang khả-năng trong mình tôi », thì tôi cũng chỉ có một ý-nguyện là thấy « anh trở nên chính mình anh ». Anh đừng bắt chước tôi ! Anh đừng làm như tôi ! Mỗi chúng ta là một Độc-đáo.

Tóm lại chỉ có Thông-giao khi tôi truy-nhận tính-chất tha-nhân của tha-nhân. Tha-nhân vừa là *tha* vừa là *nhân*. Thường người ta dễ công-nhận cho tha-nhân là *nhân*. Rất ít người chịu công-nhận cho tha-nhân là *tha*, nghĩa là người khác ; người nhưng không phải là người y như tôi. Tuy Jaspers không nghiên-cứu tỉ-mỉ về *tha-tính* (*altérité*) của tha-nhân như chúng ta thấy trong các tác-phẩm của Marcel, nhưng

ông cũng nhấn mạnh không kém. Chính những đặc-sắc của mỗi người làm cho mỗi người có *nhân - cách* khác nhau, nghĩa là cách làm người khác nhau. Thông-giao đòi buộc phải có sự truy-nhận tha-tính của tha-nhân. Thành thử những người độc-đoán, miệng nói tha-nhân mà bụng nghĩ tha-thể (*autre*), vì họ không coi tha-nhân là người khác, nhưng là sự vật khác; mà những ai không đề cao Thông-giao đều coi tha-nhân phải là *nhân* như mình nghĩ cho họ.

Thông-giao quý thay, mà hiếm thay ! Bao lâu con người chưa vươn tới Thông-giao, thì kiếp sống chưa xứng là kiếp con người, và xã-hội chưa phải là xã-hội loài người. Thế rồi còn phải nhớ : Thông-giao không phải là chuyện nhất thời, làm một lần là xong như truyện làm cái nhà, xây chiếc cầu. Thông-giao là sinh-hoạt tinh thần, cho nên, theo Jaspers, nếu Hiện-sinh là hiện-sinh khả-hữu thì Thông-giao cũng chỉ có thể là Thông-giao khả-hữu, nghĩa là nếu ta dừng lại nơi một hình-ảnh nào của Thông-giao, thì Thông-giao liền bị vật-thể-hóa và liền mất tính-chất hiện-sinh ngay.

C. — Triết - gia | Đây là chỗ
nhìn Siêu-việt | chúng ta
phải vươn tới cấp Hiện-sinh tối cao trong vũ-trụ của Jaspers, nhưng vì là một điểm quá quan trọng trong tư-tưởng Jaspers, cần phải bèn giải nhiều, nên chúng tôi dành làm đề-tài cho bài kỳ tới.

* *

Ngoảnh nhìn lại quăng đường Jaspers vừa dẫn chúng ta đi qua, chúng ta thấy triết-học của ông quả là một triết hướng lên Siêu-việt. Tất cả đường đi là ngược lên. Chúng ta có cảm tưởng như trèo núi, lúc nào cũng phải lên, lúc nào cũng căng thẳng. Có ba chỗ đứt đoạn, ba chỗ ta phải *nhảy*, vì đó là ba bình-diện khác hẳn nhau : bình-diện của sự vật, bình-diện của hiện-sinh, bình-diện của Siêu - Việt. Ngay trong bình-diện Hiện-sinh, ta cũng không được « thủng thẳng cái bước nhàn », vì lẽ tôi sống buông lỏng và ỷ lại vào những sở hữu của tôi, thì lập tức tôi bị sa lầy, lập tức tôi bị rơi xuống bình-diện sự vật. Những người tự cao tự đại, dầu đã có một quá khứ tranh đấu hiển hách, cũng không thoát ra ngoài công lệ này : ngày nào họ tự mãn, cho mình là đã hoàn thành được sự nghiệp, ngày nào họ bắt đầu thịch cho người ta ca tụng, thì ngày đó họ không còn là anh hùng dọc ngang nữa, nhưng chỉ là pho tượng cứng đờ. Bây giờ chúng ta mới hiểu câu nói hiếm hóc của Nietzsche mà thoát nghe ít người hiểu : « Tôi không nhận cho một ai có quyền ca tụng tôi ». Tôi không nhận ca tụng vì, theo Jaspers, tôi không phải là cái tôi trước đây hoặc cái tôi bây giờ, nhưng tôi chỉ là cái tôi mà tôi đang tính trở thành. Hiện-sinh chính-thực là hiện-sinh khả-hữu.

Trần-Hương-Tử

Ký sau : Siêu-việt-thề của Jaspers.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM

135. Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama Panama Trust Co Inc..

TÌM ĐẸP

Ở các nước tiền-tiền, giới nghệ-thuật mỗi ngày một đông và gồm nhiều hạng người :

— hạng hoạt động để sáng tác, nhạc - sỹ, họa - sỹ ... nói chung là nghệ-sỹ,

— hạng huấn luyện hoặc chỉ dẫn để sáng tác : các giáo-sư mỹ-thuật,

— hạng nghiên cứu sự tiền-triển và phát-huy nghệ-thuật, phân chia các ngành các phái, nhận xét các nguyên-nhân phương - hướng, tóm lại, viết sử nghệ - thuật (*Historiens d'Art*),

— hạng chuyên chú về kỹ-thuật, đường lối thực-hiện và đặc-tính của tác-phẩm, so sánh và cân nhắc giá-trị : các nhà phê-bình nghệ - thuật (*Critiques d'Art*),

— hạng đứng về phương - diện triết-lý, theo những phương - pháp thăm dò của nhà tâm-lý-học mà khám phá bí-quyết cầu tạo, cò tìm tiêu - chuẩn định nghĩa sự ĐẸP, hoặc xác định những quan-niệm về nghệ-thuật : các nhà thẩm-mỹ-học (*Esthéliciens*),

— hạng nhà văn, nhà báo, hoặc giáo - sư viết để phổ biến cho đại chúng những thường-thức về nghệ-thuật mà đa-số vì hoàn - cảnh hay trình-độ học-văn không thể tự mình thu lượm (*Vulgarisateurs*),

— hạng tích trữ nghệ-phẩm cò hay kim, vì sở-thích riêng hoặc mục-đích doanh lợi, để chơi hay bán lại (*Collectionneurs d'Art, Antiquaires, Courtiers, Marchands...*)

— hạng thường thức, mua hoặc không có tiền mua tác-phẩm, nhưng hiểu biết và yêu quý nghệ-thuật (*Amateurs d'Art*),

Mỗi hạng người đó góp phần tài-hoa, nỗ-lực và thiện-chí, nên nghệ-thuật mới tiến mạnh ở các xã-hội Âu Mỹ. Khi nói về văn-hóa (*culture*) hoặc khen ai có kiến-thức (*cultivé*) người phương Tây yên trí rằng kiến-vấn đó bao gồm cả sự huấn-luyện hay am-hiểu về họa, kịch, tượng... Nhà khoa-học Einstein rất ưa nhạc, chính-khách Churchill biết vẽ...

Cách đây khá lâu, nhân dịp đọc sách nghệ-thuật, tôi nhận ra mình chẳng thuộc hạng nào kể trên, mặc dầu có phương-tiện học hỏi: không sáng tác, không nghiên cứu, cũng không nghĩ đến thưởng thức. Nhưng giá thử bạn nào chê tôi thiếu hiểu biết, rất có thể lòng tự-ái của tôi trỗi dậy, và thân cũng hóa sơ. Dù sao, vấn-đề cần giải đáp, là tại sao tôi đã quá thờ ơ?

Khi học sử ở trường, tôi đã phải thuộc vanh vách từng ngày tháng năm chiến trận... song hề đến mục nghệ-thuật thê-kỷ này hay thê-kỷ khác, là nhiều bạn và tôi thấy tẻ ngắt, bỏ qua, mong rằng ra thi đừng bị hỏi về những Lenôtre hay Coysevox. Bởi vậy, tôi biết Nã-Phá-Luân I thắng trận Austerlitz ngày 5-12-1805, nhưng không hay rằng ở thời đó có họa-sỹ David và họa-phẩm *Le Serment des Horaces*. Chém giết thì tôi nhớ, làm đẹp cho đời

thì bị tôi quên, và tất cả công cuộc sáng tạo kiến-thiết từ cổ không được tôi chú trọng bằng sự gian-trá của Bismark hoặc tàn-bạo của Thành-Cát-Từ-Hãn. Bạn X giấu tôi: may ra anh sẽ thành học-giả. Nhưng rồi tôi thấy chưa học thật, và ngay đến ý-niệm về kiến-vấn học-thức của mình cũng cần được xét lại.

Tôi đã lâu ngày dừng dừng vì nhiều thành-kiến. Không nhớ ai đã in sâu vào đầu óc tôi rằng nghệ-thuật chỉ là một thứ xa-xỉ dành cho thiếu-sở dư tiền và thời giờ. Song nhiều người đói rách mà vẫn mài-miết để thành những danh-họa Monet hay Modigliani. Người nghèo cũng biết mua những bức tranh sau này nổi tiếng: trường hợp Soulier hay Zborovski (1). Sự thưởng-thức chẳng phải là độc-quyền của giới nào hết, và các viện bảo-tàng chẳng cấm ai vào, cũng như các phong-cảnh thiên-nhiên chứa chất sự ĐẸP.

Nhưng tôi đã trót học nhiều bằng ký-ức, rất ít bằng giác-quan; thuộc lòng ở lớp dưới, góp nhặt chấp nôi các điều nhớ được mà tập lý luận ở cấp trên, chẳng mấy dịp quan sát trực-tiếp, nhìn, nghe, mà rung động: như vậy thì quen biết và ưa thích nghệ-thuật làm sao? Từ năm 15 tuổi tôi đã biết rằng cây tre thuộc giống « hòa-bản *Graminaées* » nhưng mãi năm 30 tuổi, lần đầu tiên mới buồn vì thấy bụi trúc bên vườn nẩy hoa để báo trước những ngày tàn tạ.

(1) B.K. số 112 — Thử tìm hiểu hội-họa.

Đi học, tôi chỉ quý chữ nghĩa. thích thơ và coi rẻ tranh, trọng thầy dạy văn, khinh thầy dạy vẽ. Ông kiến trúc-sư họa kiêu chẳng qua cũng như ông thâu khoán xây nhà? Ai đã giảng cho tôi rõ Nhạc đi đôi với Lễ, và Lễ Nhạc là những phương-châm của thánh hiền để dắt con người tới nhân nghĩa? Nhưng đồng-thời, ai đã truyền khẩu cho tôi rằng xướng ca vô-loại? Racine nổi tiếng là một kịch-gia đại-tài, nhưng tôi chỉ được xét tác-phẩm của ông về phương-diện văn-chương, chớ đâu có dịp xem trình diễn những tân tuồng Andromaque hay Iphigénie, để tự mình nhận chân giá-trị của nghệ-thuật sân khấu?

Tin ở tiền-bộ của loài người và mong ước chính mình mỗi ngày một hơn trước, tôi vẫn biết sự cải-thiện buộc chúng ta luôn luôn xét lại những quan-điểm cũ, những truyền-thống chật hẹp, và nếu cần thì đổi thay cả cách nhìn nhận và hướng cảm xúc quen thuộc. Nhưng tôi lại quên rằng về phương-diện này, còn gì hiệu-nghiệm hơn là sự theo đuổi hoặc theo dõi nghệ-thuật? Trước và sau khi hiểu Nhạc hay Họa, chắc chắn các phản-ứng của tâm-hồn cá-nhân phải khác và khác nhiều hơn là khi đọc sách: vì những âm thanh hình sắc ảnh hưởng thẳng và thâm nhập tiềm-thức chớ không như chữ nghĩa khô khan phải chờ sự gạn lọc qua lý-trí lạnh lùng.

Tôi thường nghe nhắc đi nhắc lại trăm lần rằng chúng ta sống ở thời-đại khoa-học, và khoa-học đã biến cải cả mặt địa-cầu cùng cuộc nhân-sinh. Nhưng trái đất và loài người đã mấy vạn tuổi, khoa-học mới nảy nở vài trăm năm nay; trước khi đó, thì cái gì đã đưa con người ăn lông ở lỗ đền lâu đài Hy-Lạp, cung đình Venise hay Versailles và các kinh-thành hoa-lộ ở Ấn-Độ, Trung-Hoa, Nhật-Bản? ... Trước thế-kỷ XVIII, XIX, văn-minh hiện ra những gì, nếu không phải một phần lớn ở kim-tự-tháp Ai-Cập, tranh thời Tống hay Phục-Hưng, tượng của Michel-Ange, điệu đàn Bach, bình sứ Giang-Tây, tầm thảm A-Rập hay văn thơ, chuỗi ngọc, giọng hát? ... Tóm lại, đời sống đã yên lành tươi tốt hơn, nhờ các nghệ-sỹ ít nhất mấy ngàn năm nay, mà chưa từng thấy nghệ-thuật phá hoại tan tành như khoa-học ở nhiều trường-hợp. Đến khi khoa-học trưởng thành, thì lại cạy nghệ-thuật tở điểm cho mỗi đồ sáng-chè càng ngày càng dễ coi hơn, từ vành xe đạp, mui xe hơi, đèn kiêu máy lạnh, máy khâu, máy bay, tàu biển... và chính các kỹ-sư cũng đương cố gắng tìm ĐẸP (Esthétique industrielle).

Mặc dầu vai trò vô-cùng quan-trọng của nghệ-thuật trong cuộc tề-nhóa chung và sự cải-thiện riêng, tôi đã bỏ phí bao năm không chịu xem xét, và nguy hiểm để tự bào chữa:

Thieu dịp học hỏi nghệ-thuật, ít ra tôi cũng biết thưởng thức thiên nhiên, mà những vẻ đẹp ở tạo-vật

sẵn sàng dễ thấy, hà-tất tồn công tìm tòi ở những lãnh-vực trí-xảo nhân-tạo ?

Và chẳng, từ thuở nhỏ, con người đã biết nghe hát véo von, mặc áo đẹp ngày hội, ưa vị ngon, thích mặt trắng tròn, phân biệt hương thơm và mùi nặng, rồi càng lớn càng thông thạo, chẳng ai dạy cũng ưa ngắm hoặc say nhan-sắc, sự mê đẹp hung hăng đến nỗi luân-lý phải kìm hãm bớt... Nói một cách khác, không cần luyện tập cũng vẫn thấu nhận được mỹ-cảm.

Nhưng ý vào giác-quan riêng, chắc đâu tôi đã tự mình tìm ra được mọi vẻ đẹp ? Một hôm coi mấy bức ảnh của một bạn chụp, tôi mới sức tỉnh : quả là bạn đã bắt chọt được những bóng dáng mới lạ trên luồng sóng cát bên sông, tôi đã từng qua lại nhiều phen mà chẳng thấy. Khác nào bạn đã giúp tôi ghi nhận những vẻ đẹp mà tôi cùng bao người khác chưa khám phá được : đó là công của bạn, cũng như của nghệ-sỹ ngành khác, hay là một tác-dụng của nghệ-thuật nói chung. Tôi liền tưởng đến họa-sỹ thay chúng ta mà dung hòa màu sắc, đến nhạc-sỹ thay chúng ta mà kết hợp âm-thanh, đến thi-sỹ thay chúng ta mà diễn tả những cảnh tình diễm ảo... Họ sáng tác cho họ, nhưng đồng-thời cũng ngắm họ, nghe họ, nói lên họ khi tôi thiếu khả-năng, phương-tiện hay cơ-hội. Vậy tôi nên tiếp-nhận sự giúp đỡ đó, và chỉ việc thông cảm với họ.

Với tâm-trạng kẻ lười, tôi đã từ thiên-nhiên hay thực-tế lân la vào các phạm-vi nghệ-thuật với hy-vọng hưởng sẵn những sự đẹp do nhiều nghệ-sỹ tìm ra một cách tài-tình.

* *

Song tài-tình không có nghĩa là dễ dàng, bởi sự đẹp qua mỗi tâm hồn nghệ-sỹ thường bị sắp đặt biến đổi ít hay nhiều theo tính - khí ý-tưởng cá-nhân rồi mới được đưa ra công hiến cho đời. Tác-phẩm càng giàu cá-tính càng xa thông-thường, nên có thể không phù-hợp ngay với cảnh và tình của tôi mà rung chuyển tức khắc, Đứng trước những công-trình độc - đáo lắm khi tôi còn phải nghĩ, mới hiểu, rồi ưa. Chứ nếu dễ ưa thì lại dễ chán : nhiều bản nhạc cổ-điển, thoát nghe chỉ thấy văng đầu, khó chịu, trái lại nhiều bài ca tiếm nhảy mới hát thích liền, song nếu tôi kiên - tâm chờ đợi thâm dần, thì quả thiệt trầm - bổng của Mozart đánh bật hẳn những du-dương của Vincent Scotto ; cũng như đã hiểu Cézanne thì không thiệt-tha lắm nữa với ánh - sắc Ấn - Tượng, cảm được mộng - lung của Mallarmé thì ngán nhiều vang động của Hugo.

Những phản-ứng đổi thay trước các vẻ đẹp lại khiến tôi ngờ vực chính mình, thấy cần cọ sát với những người phiêu-lưu vào nghệ-thuật trước hay sau tôi. Dĩ-nhiên

tôi sẵn lòng tin Hegel, Baudelaire hay Alain hơn các bạn học của tôi, nên bạn với các bạn ít hơn là hỏi những nhà bác-học. Thực ra, tôi cũng chẳng muốn tồn công, đối với các vị thường « kính nhi viễn chi, » song tới những giờ phút bận-khoăn, không quay về các vị thì cũng không biết trưng cầu ý-kiến của ai. Kể thì các nhà nghiên-cứu đã nhận xét hộ và chỉ dẫn cho khá nhiều ; không đọc Malraux, chắc tôi chưa hiểu bức « Đi tuần ban đêm La Ronde de Nuit » của Rembrandt. Cũng lắm khi tôi dè dặt ngò vức, dù sao, sự tham-khảo có một ích lợi rõ rệt: tất cả các học-giả phê-bình đều nêu ra được giá - trị cao - quí của nghệ-thuật, và khó hơn nữa, là những khía cạnh đáng ưa thích hay đáng chú trọng ở những khu-vực mà đa số thường chỉ thấy khô - khan tẻ ngắt : những kiến - trúc cổ lỗ, những sáng-tác thô-sơ quái-dị của các bộ-lạc chậm tiến, những chế-tạo tầm - thường như đồ nấu bếp (thuộc Arts ménagers).

*
* *

Như vậy, tìm Đẹp thì cần đi xa, nhưng đã muốn nhiều thú-vị, tôi ngại ngần chi mỗi bước lang thang, và có đưa chân vào các ngã quanh co vắng vẻ mới hay gặp những cảm-hứng không ngờ. Song trước khi buông mình theo gió, nghĩ nên bước vào nơi công-chúng tập nập, vì nếu

nhiều người chịu đèn chắc nhiều cảnh dễ coi, để cùng chia xẻ buồn vui và nhận xem chính mình ưa ghét những gì, rồi liệu chọn những nước non thích-hợp, tìm đường riêng dẫn tới những Thiên-Thai. Cửa trời nghệ-thuật chẳng đóng ngăn ai, và qua đó, có những vì sao không tắt, những bông hoa không héo từ thời Phục-Hưng, đến Acropole đem đơn-thuần và hòa-hợp chổng lại thời-gian, tượng nàng Vénus, rây Trường-Thành Vạn-Lý hay vạn-cổ, cơn giông cũng cuộn cuộn màu sắc Vlamincx, những thân hình lộng lẫy thoát thai từ ngọc đá, và mây ngàn năm cười khóc rung lên thành nhạc... Ở đó rực rỡ là Đẹp của bạn, mộc mạc êm đềm là Đẹp của anh, còn của tôi thì... một mình tôi biết, một mình tôi hay...

*
* *

Nhưng thôi, tôi muốn tạm ngược đường trở về thực-tế, và kiểm điểm lại xem có bao nhiêu ngõ đi vào nghệ-thuật, đúng hơn, có những ngành hoạt-động nào được coi là mỹ-thuật ? (1)

Đối với người Hy - Lạp thời thượng-cổ, có 9 nghệ-thuật, mỗi ngành có một nữ-thánh-sư :

Hùng-ca và hùng-biến (épopée et éloquence), hùng-ca và sử-ký, thơ trữ-tình êm ái (Elégie) nhạc và thơ tự-tình (poésie lyrique) bi-kịch, thơ tự-tình, hài-kịch và thơ xuân-tình

(1) Mới nghe tưởng dễ. Nhưng tôi hỏi đùa chừng 10 vị quen biết, cổ trình-độ học-vấn khá cao, chưa ai trả lời được rành mạch.

mộng-cảnh (poésie idyllique), ca vũ, thiên-văn địa-lý (1)

Sự phân chia đó lộn xộn và không hợp-lý. Sử-ký, địa-lý, thiên-văn, từ mấy thế-kỷ nay, đã thành khoa-học. Bi-kịch, hài-kịch cần được xếp vào một ngành kịch cũng như các thứ thơ đều thuộc một ngành thi. Hùng-biến thì chẳng còn ai cho là bộ-môn riêng biệt nữa, họa chẳng được coi như một loại văn mà thôi: nếu không thì tất cả các trạng-sư nghị-sĩ mục-sư đều thành nghệ-sỹ cả? Sắp đặt lại như thế, chỉ còn Thi, Ca, Vũ, Nhạc, Kịch; có 4 tiên-chúa mất ngôi, một việc không thành văn-đề lỗi thôi cho lắm, vì chính nhiều vị văn cùng phụ trì một ngành. Chỉ ngại thiếu chỗ cho điêu-khắc, hội-họa và kiến-trúc, một sự rất lạ, vì nếu hội-họa của Người Hy-Lạp không kịp phát triển, thì tượng và đền đài của họ đã làm kiểu-mẫu cho cả phương Tây về sau này, sao chẳng được thừa nhận là

(1) Theo thần-thoại, vị chúa-tể Thiên-Đình Olympe là Zupiter hay Zeus, đan díu với nàng Mnémoxyne nữ-thần của trí nhớ (nàng nhớ và hiểu biết mọi sự).

Sinh ra 9 nữ-tiên, mỗi nàng có một phép lạ, tức là một nghệ-thuật, và phụ-trì cho những nghệ-sỹ trong ngành, thành ra nữ-thánh-sư của ngành đó (Muse):

— Calliope nữ-thánh-sư ngành hùng-ca và hùng-biến.

— Clio	—	— hùng-ca và sử-ký
— Erato	—	— thơ trữ-tình êm ái
— Euterpe	—	— nhạc và thơ tự-tình
— Melpomène	—	— bi-kịch
— Polymnie	—	— thơ tự-tình
— Thalie	—	— hài-kịch và thơ xuân-tình mộng cảnh
— Terpsichore	—	— ca vũ
— Uranie	—	— thiên-văn và địa-lý

cao quý thiêng liêng để có thể tượng trưng bằng một nữ-thần?

Sự bắt-công ấy đã do đời sau đến bù, và ở phương Tây, từ lâu lắm, họa, tượng, kiến-trúc được ưa chuộng như thi, ca nhạc, vũ. Rồi mỗi thời lại nảy ra một ngành khác, hề được nhiều kiệt-tác và nhiều nghệ-sỹ có tài phụng sự, thì được các giới trí-thức thừa nhận là một nghệ-thuật mới: như điện-ảnh, và một số người đương đời vinh-hạnh kia cho vô-tuyền truyền-thanh, và cả truyền-hình (Télévision) (2).

Song thừa nhận không phải là sự đương nhiên nhiều khi dư-luận còn phân vân: trường-hợp nghệ nấu ăn (gastronomie). Hiện nay có những viện Hàn-lâm (Académies) hay đúng hơn là Âm-thực-hội của tư-nhân lập ra, dĩ-nhiên với những vị uyên-thâm về thịt cá và chuyên-môn nếm ngửi; ngoài ra, không thiếu gì sách báo nghiên cứu một cách tinh-tường trịnh trọng những phương-pháp sào nấu (3) Song nếu tác-phẩm ở ngành này có thể làm đau dạ dày, thì không cho thương nhớ buồn vui và không

(2) Viện Hàn-Lâm Mỹ-Thuật ở Pháp gồm có các ban: Hội-Họa, điêu-khắc, kiến-trúc, sáng tác âm-nhạc, chạm khắc (gravure). Còn thơ thì lại thuộc Viện Hàn-Lâm Văn-Chương.

(3) Xin giới thiệu:

— Les Plats au vin, 150 cách nấu ăn của Gaston Derys.

— La Cuisine française et africaine của Léon Isnard.

— Cent restaurants de Paris của Odette Panettier, đệ-tam hạng chức-sắc Tastevin.

— Bien manger pour bien vivre, của E. de Mo-miane được giải thưởng của Viện Hàn-Lâm Văn-Chương (Collection Albin Michel) v.v..

— Có vị tích được 3.000 cuốn sách nấu ăn (theo Noir et Blanc số Noel 1961)

kích động nổi những tâm tình sâu xa cao mạnh như thơ hay nhạc. Nhà thẩm-mỹ-học Nédoncelle (1) còn viện lẽ nữa để bác bỏ nghề nấu ăn và cả nghề chế dầu thơm : nghệ-thuật phải trường-cửu, nhưng nếu pho tượng và bức tranh tồn tại, thì thức ăn tan ngay trong miệng, hương ngát chỉ qua chốc lát mà thôi.

Nhà học-giả Charles Lalo còn tìm ra một nghệ-thuật nữa : nghệ-thuật yêu đương (*l'art d'aimer*) (2). Có lẽ ngành này gồm « 7 nghề và 8 chữ » của Tú Bà chẳng ? hoặc Lalo tiên-sinh chịu ảnh-hưởng của thi-nhân La-tinh Ovide (thứ-kỷ thứ I dương-lịch) người đã từng dùng các chữ kê trên làm đề cuốn sách nói về mọi cách chiều lòng phái đẹp ? hoặc ông lạm dụng chữ « Art » ? muốn bóng gió hay chỉ rõ sự khéo léo, người ta thường nói nghệ-thuật thành công (*l'art de réussir*) nghệ-thuật đối với cháu (*l'art d'être grand-père* của Victor Hugo). Dù sao, giá thử yêu đương là một nghệ-thuật như hội-họa, thì cũng khó lòng thấy những vị dám tự xưng là « Nghề-sỹ yêu đương » vì sự hành-nghề nguy hiểm lắm.

Thể-thao cũng được một số người tôn làm nghệ-thuật, nhưng đa số chưa chịu. Ngay đến Vũ, mà các triết-gia Hegel và Schopenhauer còn không chấp nhận, vì người múa vận dụng thân thể nhiều hơn tinh-thần. Song thiết nghĩ nên xét từng môn : diễn-kịch nhịp nhàng theo lối *Orchestique* thời cổ, hoặc những lối thể-vận *Jeux Olympiques*, múa gươm

múa võ Bạch-Liên hay Thiều-Lâm, đều phơi bày được những vẻ đẹp uyển-chuyển hay hùng tráng ; trái lại, mấy ông mập-mạp ôm nhau vật lộn bẻ chân vặn cổ, không cho thấy gì ngoạn mục (*pancrace, catch*).

Muốn dễ giải quyết vấn-đề định-nghĩa các nghệ-thuật, các nhà học-giả hay theo cách xếp loại và chia ra :

— Các nghệ-thuật chính-yếu, từ lâu đã trường thành (*Arts majeurs*) như thơ, hội-họa, kiến-trúc, điêu-khắc, kịch, nhạc.

— Các nghệ-thuật liên thuộc hoặc vị thành (*Arts mineurs*) như đồ mộc, đồ sứ, nhiếp-ảnh v.v...

Song sự phân biệt đó, căn cứ vào giá-trị ước-định, chỉ có tính-cách tương-đối, và đôi khi không phù hợp với sự tiến-triển : một nghệ-thuật có thể thịnh rồi suy và ngược lại. Điện-ảnh sinh sau, nhưng về phương-diện trình-diễn, lắm khi nhiều khả-năng hơn kịch tuồng ; các tượng đá tượng đồng bao lâu chỉ là phụ-tùng tô-điểm vườn được, phần-mộ hay dinh-thự, đã thoát-ly kiến-trúc và nảy nở không kém gì hội-họa. Trong thực-tế, số phận của một nghệ-thuật tùy tài-năng và nỗ-lực của những người phụng-sự, chứ không nhờ một giá-trị nào nội-tại, trừu-tượng và bất-biến.

(1) Nédoncelle — *L'Univers des Beaux-Arts*.

(2) Charles Lalo — *Formes de l'Art, formes de l'esprit* (Journal de Psychologie juin 1951). Ông xếp nghệ-thuật yêu đương vào hạng thứ 7, sau thơ ở hạng thứ 5.

Lại có nhiều nhà nghiên-cứu chia nghệ-thuật ra hai ngành lớn theo hai lãnh-vực :

— Những nghệ-thuật thời-gian (*Arts du temps*)

Thơ, Ca, Nhạc, Vũ

— Những nghệ-thuật không gian (*Arts de l'Espace*) hoặc nghệ-thuật tạo-hình (*Arts Plastiques*). Ngành này gồm có :

a) Hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc,

b) Các nghệ-thuật có mục-đích trang-trí (*arts décoratifs*) như các nghệ làm :

— kính cửa thánh-đường (*Vitrail*.)

— hình chấp mảnh sứ, đá màu (*Mosaïque*)

— đồ gốm, đồ sứ, đồ sành (*Céramique*)

— chướng thêu, thảm len (*Tapisserie, tapis*)

— đồ vàng bạc (*Orfèvrerie*)

— đồ sắt đồng uôn tiện (*Ferronnerie*)

— đồ mộc (*Ebénisterie, Meubles*)

— Y-phục (*Costume*)

— đồ thêu (*Broderie, dentelle*)

— vườn-được (*Jardin*) v.v...

Xét theo các chất dùng, người ta còn gọi những nghệ kể trên là Mỹ-nghệ thực-hành (*Arts appliqués*) vì cần áp-dụng một kỹ-thuật biến chế có ít nhiều tính cách khoa-học, hoặc dùng cả cơ-khí nhỏ.

Đứng về phương-diện này, có thể chia ra :

— Các nghệ-thuật Lửa (*Art du feu*) như Đồ gốm, thủy-tinh, kính thánh-đường...

— Các nghệ-thuật Gỗ (*Art du bois*) Đồ mộc, đồ sơn, đồ dệt...

— Các nghệ-thuật kim-khí (*Art du métal*) : Huy-chương, đồ sắt uôn v. v... (1)

Sự phân-biệt kể trên cũng bị công kích :

Vẽ trên vải ngang dọc, xây nhà trên đất, đóng đồ đạc cũng phải đủ mọi chiều dài rộng... tóm lại, là cần không-gian. Nhìn một thoáng thấy cả chiếc bình, nhưng ngâm thơ thì phải đọc dần từ chữ đầu đến chữ cuối, diễn kịch tồn vài giờ : nghệ-thuật đòi hỏi thời-gian.

Song họa-sỹ cũng phải đưa bút từ chỗ này qua chỗ khác, khán-giả đưa mắt từ điểm này đến điểm kia : người vẽ hay kẻ ngắm đều mất ngày giờ, sao gọi hội-họa là nghệ-thuật không-gian ? Ngược lại, bài thơ cũng viết hoặc in trên giấy rộng hẹp ngắn dài như màu sắc trên tranh, người múa từng điệu cần sào nhẵn phẳng, và mỗi cử-chỉ nếu không co vào giãn ra không ở không-gian thì ở đâu ? Sao bảo là nghệ-thuật thời-gian ?

(1) — Arts et Littératures, matériaux et techniques, Encyclopédie Française.

— Beaux-Arts, édition Clartés.

Hễ một học-giả lập luận, là một vị khác phản đối, cứ cãi nhau hoài trong khi họa-sỹ chỉ cặm cùi vẽ, nhạc sỹ ngất ngưỡng đàn, thi-sỹ rung đùi, và giá. thứ hỏi ông Tú-Xương là nghệ-sỹ không-gian hay thời-gian, chắc chắn được một bài nên thân. Nhưng vì chữ đã dùng quen ở nhiều sách báo, nên đành tạm theo cho

tiện, miễn sao nhận được đặc-tính và tìm được thú-vị ở mỗi nghệ-thuật, một văn-đề đáng được xét tường-tận hơn.

Đ. T.

Kỳ tới : Tìm đẹp : tương - quan giữa các nghệ-thuật.

Đã phát hành ngày 21.12-1962

NHỮNG BÀI TÌNH ĐẦU

Thơ SAO TRÊN RỪNG — THẾ-PHONG vào đề

- Có bán ở một vài hiệu sách lớn ở Sài-gon, Nha-trang, Đà-Lạt. Đặc biệt ở Huế bán toàn bản giấy tốt và có sửa chữa tương đối kỹ càng hơn.
- Hãy tìm đọc khi tác giả còn trẻ.

MAI SỐ 40

(Ra ngày 25-2-62)

Chính-trị : Miếng mồi Katanga. (Hoàng-Minh-Tuynh)

Kinh-tế : Một cơ hội hiếm có của Ngân-Hàng Quốc-Gia Việt-Nam (Minh-Nhật) — Cộng đồng kinh tế Đại-Tây-Dương : một ước mong của Hiệp-Chúng-Quốc (Phạm-Hoàng) (Mai)

Văn-ngệ : Dòng suối đã cạn (Nhuong-Sao) — Mưa sa (Doãn-Dân)
Thú chơi gà (Vương Hồng-Sén) — Biển động (Mộng-Bằng-Côn).

Giáo-dục : Vấn đề thanh niên (Nguyễn-Hiến-Lê)

Phỏng-vấn : Các bậc phụ huynh lên tiếng (Bà Lê-Quang-Kim Bác sĩ Phan-Huy-Quát) — (Mai).

Câu chuyện phụ nữ : Tôi vào nội trú (Thục-Trinh)

Hạnh phúc chính nơi bạn : « Tánh tôi vậy đó (Ngê-Bá-Lí).

Và các mục : Tin khoa học. Giới thiệu sách, Thơ.....

người Em nội trú

HOÀI-HƯƠNG

Tà áo trắng, tường vôi, viên phấn trắng
Giấy trình nguyên bằng bạc ý thơ ngây
Mộng ngày xanh nuôi chiếc má no đầy,
Chao sóng mắt đắm hồn trên sách mỏng.
Hoa huy hiệu nở kề tim bé bỏng
Phòng đơn-sơ thao thức ngọn đèn đêm.
Cửa đóng. Tường cao. Hoa nở ngang thềm,
là thế giới của người em nội-trú

Chiều thứ bảy học trò men lối cũ,
Tan dần ra và cửa khép im lìm.
Em nhìn theo, máu rộn rục trong tim,
Lắng nghe bước xôn xao ngoài lối phố.
Mây lãng-vảng trôi qua vòm cửa sổ,
Chở ngàn sao về giữa lớp đêm đen.
Mắt em nhìn, xa vọng nẻo trời quen,
(Nhà ở đó. Mẹ chờ, cha nhắc nhở
Cá ngọt đợi mong, cam vườn đứng nhớ
Chị thương em ra ngõ, ngõ mộng hoài...)

Người học trò khuya thứ bảy lẻ-loi
Tựa cửa sổ nhìn ra, cây lá bóng
Cột điện trầm-tư, sân trường hoang vắng
Hiên âm-thầm ngại tiếng guốc ai qua.



Tôi muốn làm một chút nắng phương xa,
Bình tĩnh dậy giữa trường đêm quanh quẽ.
Cho em đứng với hình em theo ghé,
Và người em nội trú bớt cô-đơn,
Yêu cuộc đời sau liếp cửa thơm sơn.

H H.

mang mang

SAO-TRÊN-RỪNG

mang mang trời đất tôi đi
rừng im suốt vắng thiếu gì tịch liêu
tôi về vắng cả buổi chiều
nghe chim ăn trái rụng đều như kinh
còn một mình hỏi lại mình
có chẳng hồn với xác mình là hai
từng trưa nằm nghỉ đất dài
phiêu diêu nhẹ cái hình hài bay lên
mù sương nghe vọng tiếng huyền
có con dơi lạ bay trên cõi đời
sau xưa mắt đã ngợp rồi

S.T.R.

(những bài tình đầu)



phương xa

VƯƠNG-ĐỨC-LỆ

Phương xa mỗi cánh chim về
Lòng người xa lỡ câu thơ nước non
Ngàn dâu xanh ngắt bên cồn
Bể chiều lớp lớp sóng dồn buồn tênh
Nao nao nhớ buổi lâm hành
Nghe dư âm, trắng mây thành năm xưa
Chiêm bao thấp thoáng đôi bờ
Rừng lau vì vút, trắng mờ lối đi
Ngọc sầu chiều nặng rèm mi
Vàng gieo quanh quẽ, đường về non cao
Đôi thông reo, tiếng giang đầu
Đàn hoang phím lạnh ngàn sao mắt buồn
Lệ xanh nhỏ giọt linh hồn
Trời cô đơn với cô đơn một người.

V.Đ.L.

ĐIỀM SÁCH

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Tên sách : TRIẾT HỌC NHẬP MÔN

Tác giả : L.M. Trần-Thới-Đĩnh

Nhà xuất bản : Ra Khơi

TINH thần và giá trị một cuốn sách không thể tách rời khỏi con người tác giả của nó. Vì thế người đọc thường chú trọng tới tác giả khi tiếp xúc với tác phẩm. Đọc một cuốn sách nhất là về những vấn đề tư-tưởng do một linh-mục viết, phản ứng đầu tiên của người đọc, nhất là trường hợp không quen biết tác giả, là một sự ngờ vực, dè dặt. Nhiều khi đó chỉ là một thiên kiến bất công vì khuynh hướng tổng quát hóa cho tất cả mọi người thuộc thành phần đó ; nhưng cũng phải nhận rằng thiên kiến kia không phải là không có nền tảng khi đã thường gặp nhiều những trường hợp bó buộc người ta phải ngờ vực, dè dặt.

Có nhiều « chiến sĩ » của một tôn giáo, thường có thái độ « một chiều » và « truyền bá » về tư-tưởng. Cho nên đã gây nên ở người

ngoài đời một ấn trí rằng khi thấy những vị đó đèn với mình, trong một y-phục đặc biệt, thì chỉ là đèn để đưa ra những ý-tưởng một chiều và nhằm khuất phục mình theo những ý-tưởng một chiều đó. Hoặc hơn nữa, đôi khi có những vị còn coi mình có trách nhiệm bảo vệ duy trì Chân lý, nên cần phải cảnh cáo, kết án và ngăn cấm những ý-tưởng khác bị coi là « nguy hại » « rồi đạo »...

Đến một lúc nào đó, con người có ý thức và biết nhận định như một người trưởng thành, nghĩa là sự lựa chọn và chấp nhận một ý-tưởng, lập trường hoàn toàn căn cứ vào tự do cá nhân, chứ không phải do ngu ngốc hay vì bị một áp lực nào. Như thế, đã hẳn, đi tới những người trưởng thành với những ý-tưởng một chiều và với ý định « khuất phục » thì chẳng những không

chinh phục được ai mà có lẽ còn gây những kết quả ngược lại với ý định chinh phục.

Làm cho người ta có thiên kiến về mình tức là làm mất môi-trường thuận tiện để reo rắc sự đồng ý hay sự quy-thuận.

Trái lại, đi tới người khác với một thái độ *cởi mở*, nghĩa là *trước hết* nhằm tìm hiểu người khác trong cái vẻ đặc sắc, khác biệt của họ đúng như họ có, và tôn trọng sự khác biệt đó, là cư xử với người khác như những người trưởng thành và đôi khi thái độ đó lại có «tác dụng chinh phục» mãnh liệt hơn thái độ «công khai và vô đoán chinh phục». Vì sự đi tìm hiểu và tôn trọng người khác có thể làm cho người khác phải đi tìm hiểu mình; sự tìm hiểu đó có thể là khởi đầu đưa tới một đồng tình, đồng ý với mình. Thành ra không có ý chinh phục mà lại là chinh phục thực sự. Cho nên trong đời sống tư tưởng của những người trưởng thành, thiết nghĩ nên thay thế chữ chinh phục bằng chữ «đôi thoại», tôn trọng, vì chinh phục bao hàm một bạo động với ý thức, một miệt thị nào đó làm cho người khác trở nên khép kín, từ chối vì bị tổn thương trong phẩm cách làm người tự do của họ.

Sở dĩ tôi muốn ghi lại dài dòng những cảm nghĩ trên vì đó là những cảm nghĩ đã đến trong trí tôi và vẫn ở lại trong trí tôi từ lúc đọc cho đến lúc đọc xong cuốn sách của

linh mục Trần-Thái-Đình, Tinh thần cuốn sách là một tinh thần cởi mở, đôi thoại của tác giả. Chủ đích của tôi là muốn nhấn mạnh vào điểm đó mà tôi coi là điểm son của cuốn sách, đồng thời cũng là một «sự hiềm ho» trong hiện tình đời sống tư tưởng bây giờ.

Người ta thấy rõ ý hướng đôi thoại của tác giả, một người theo Kitô giáo, với những triết thuyết khác và ý định chú trọng trình bày những giá trị tích cực của những triết thuyết đó, nhất là mấy triết thuyết cổ truyền đông phương mà tác giả am hiểu và phong trào hiện tượng học, hiện sinh ở Âu châu bây giờ. Nói cho đúng hơn nữa là tác giả theo quan điểm hiện sinh của K. Jaspers, G. Marcel vì tác giả cho rằng «Triết học hiện-sinh đã nối lại truyền thống xưa kia của Triết học là môn học giúp con người sống và chết một cách xứng đáng với định mệnh của mình» (trg. 160) và riêng với triết lý của Jaspers hay G. Marcel, vì hai triết học này nhấn mạnh vào sự thông cảm với tha nhân và tương quan với Thượng-đề (trg 161).

Đôi thoại nhưng không từ chối hay che dấu lập trường của mình vì một lý do «chiến thuật» hay vì tự ti. Cho nên người ta cũng thấy tác giả bày tỏ quan điểm công giáo của mình sau mỗi chương sách. Đó là quyền của tác giả, không ai đòi tác giả phải bỏ lập trường của mình khi đôi thoại vì, mục

đích của đời thoại chỉ là tìm hiểu trong sự tôn trọng lẫn nhau.

Một trong những lý do chính làm cho một người suy tưởng có tư tưởng một chiều là vì họ quan niệm Triết lý không phải là một thức tỉnh riêng tư và một nỗ lực cá nhân, nhưng là một bài học thuộc lòng. Như thế họ cũng không phải là người «suy tưởng» nhưng là những người đồ đệ, học trò nô lệ. Họ theo một vị thầy, học triết lý của vị thầy đó và bây giờ nói ra, thì *lặp lại* nguyên văn những điều đã học thuộc lòng đôi khi theo sát từng câu đoạn.

«Một triết học như thế có hại hơn là lợi : hại vì nó làm cho ta lầm tưởng mình là hiển triết, trong khi thực sự ta chỉ là những con vẹt, có hại nhất là vì cái tri-thức giả hiệu đó làm tê liệt sự suy nghĩ là linh hồn của triết lý». (trg 13)

Tác giả nhắc lại trong những trang đầu, lời tố cáo của Jaspers không nên coi triết lý là những mặc khải lạ lùng kỳ diệu đã giải đáp tất cả những vấn đề thắc mắc về cuộc đời trong một hệ thống mạch lạc, chặt chẽ. «Thái độ này khá thông thường nơi những môn sinh triết học kinh viện thời xưa : họ đón nhận triết học như một bài học quý giá do tiền nhân để lại, họ kính cẩn nhai đi nhai lại những bản kinh văn không khác chi những đứa trẻ học sách Bốn » (trg 14).

Và như đề «*ùng họ*» ý kiến trên mà người ta có thể cho là «*đả kích*» tác giả nhắc đến cuốn sách danh

tiếng của Linh Mục Chenu. «*Introduction à l'étude de Saint Thomas d'Aquin*» trong đó có những trang linh mục viết về các lớp dạy triết lý kinh viện. «*Lịch sử cho biết thánh Thomas đã là con người của thời thế : Ngài đã bắn khoăn đi tìm những giải đáp cho những vấn đề cấp bách của thời đó. Trái lại trong các lớp triết kinh viện, người ta đã không đả động chi đến những vấn đề đang làm thắc mắc những con người thời đại mới của họ, nhưng họ chỉ giả đồ thắc mắc về những vấn đề của thời đại thánh Tôma. Họ đã không suy nghiệm, nhưng đã tự thả mình vào guồng máy suy tư của người xưa* » (trg. 15).

Đó là một thái độ «*phản triết lý*» mà theo tác giả, sở dĩ có tình trạng đó là vì hai nguyên nhân : hoặc sự liễu lĩnh không muốn suy nghĩ tư riêng vì còn gì tiện và dễ dàng hơn là học thuộc lòng, hoặc do ảnh hưởng tai hại của các thiên tài. Cái vạ của thiên tài là làm cho môn sinh quá thần phục kính nể đến mất bản lĩnh và chỉ còn biết làm theo vì coi thầy là mô phạm hoàn hảo, và tư tưởng của thầy là Chân lý tuyệt đối, cho nên khi trình bày, và muốn có uy tín, bao giờ họ cũng phải lấy danh nghĩa của Thầy, ngay cả những ý tưởng riêng mà «*chẳng may*» họ có thể nghĩ ra, cũng phải tìm cách lồng vào tư tưởng có sẵn của Thầy.

Tinh thần « Magister dixit » hay « Từ viết » là một tinh thần nô lệ và bóp chết ý hướng triết lý mà theo tác giả, nó phải « mang nặng những ưu tư của con người thời đại » và trở thành một nỗ lực nhận định về thực tại cụ thể. Đưa triết lý vào sinh hoạt giữa thực tại cũng là nhận định rằng không bao giờ có một tri thức hoàn tất về thực tại và do đó cũng không bao giờ có một định nghĩa thỏa mãn về triết học. Triết học trở thành một vấn đề hơn là một giải đáp vì thực tại phong phú vô cùng và do đó mỗi nỗ lực giải đáp lại biến thành một tra hỏi mới đưa tới những vấn đề mới. Đó là vẻ cao cả và cũng là thân phận của triết học.

« Xem như thế, tư tưởng triết học là một tư tưởng biện chứng luôn luôn sinh hoạt giữa thực tại và tri thức ta có về thực tại, giữa cái có và cái có thể, giữa những câu trả lời và những câu hỏi mới vô tận ». (trg. 21)

Có một lý do sâu xa giải thích tại sao những nhà tư tưởng tôn giáo chú trọng và đi theo ý hướng triết lý hiện sinh trong tư tưởng hiện đại. Triết học hiện sinh là một thứ duy nhân sinh (anthropologie existentielle) nhằm mô tả thân phận ở đời của con người trong những chiều hướng sâu thẳm mà ở cùng đường mô tả, những chiều hướng đó không thể không đưa vào hoặc ít ra nhắc tới những viễn ảnh tôn giáo: Tính tự lo lắng sao xuyến, tính cách hữu hạn

của con người, khát vọng thông cảm v.v... tất cả những đề tài đó không thể không mang ít nhiều âm hưởng tôn giáo. Roger Garaudy một triết gia mác-xít trong cuốn « Perspective de l'homme » mới xuất bản gần đây cũng đồng ý với El. Gilson, một triết gia công giáo khi nhận định về triết học hiện sinh: « Chỉ có triết lý hiện sinh là một triết lý không mô tả một thế giới cắt đứt liên lạc với tôn giáo, dù là dưới hình thức « vô thần ». (1)

Chính nền triết học này đã đem tới những phạm trù tư tưởng mà người ta có thể gọi là phạm trù hiện sinh (catégories existentielles) để đặt giới hạn cho nhận thức khoa học hay phân biệt những lãnh vực đặc biệt của Triết học, Tôn giáo, và do đó là một « nhập môn » rất tốt cho tôn giáo. Ví dụ, người ta có thể tìm thấy công dụng hữu ích của những phân biệt « vấn đề » và « huyền nhiệm » (problème et le mystère) theo G. Marcel về vấn đề Thượng đế mà trong chương cuối cùng tác giả đã trình bày.

Đó là hướng đi căn bản của cuốn sách. Theo chiều hướng đó, tác giả đã phân chia cuốn sách thành ba phần: phần đại cương trình bày ý hướng chủ đích của Triết học, phần nguồn gốc lịch sử của Triết học và phần sau cùng, bàn về ba vấn đề lớn là con người, vũ trụ và Thượng đế.

(1) Garaudy trg. 121 (P.U.F, 1960)

El. Gilson trong l'Existence trg. 84

Trong phần nguồn gốc, tác giả nhắc tới những điều kiện xã hội và tâm lý cho sự xuất phát tư tưởng triết lý; sau đó, tác giả căn cứ vào Jaspers để ghi nhận sự xuất hiện của những hệ thống lớn về Triết học Đông, Tây trong lịch sử vào một thời mà Jaspers gọi là thời trục (époque axiale).

Vì cuốn sách nhằm một chủ đích giáo khoa và do đó chỉ là một lược tóm tổng quát, nên đôi lúc người đọc có cảm tưởng đứng trước những ý-kiến được trình bày như những quyết đoán vì thiếu phân quảng diễn hoặc mô tả. Như khi tác-giả cho rằng Platon, Aristote là cha sinh của tất cả các triết thuyết tây phương và từ đó tác giả phân định lịch sử triết học tây-phương theo hai triết gia trên : Platon - Plotin - St. Augustin - Descartes - Kant - Hegel và Aristote - St. Thomas - Kinh viện - Triết học hiện đại. Sự phân chia được trình bày như là kết thúc một chương không khỏi làm cho người đọc bất mãn vì không hiểu tác giả tại sao lại phân chia như vậy.

Cũng như khi phân định những luồng tư tưởng triết học mệnh danh là hiện sinh, tác giả chỉ công nhận G. Marcel và Jaspers là « xứng danh » hiện sinh còn Heidegger, Sartre thì không, vì thiếu « hai thông lộ của hiện sinh » là thông cảm với tha nhân và tương quan với Thượng đế. (trg. 161).

Thiết tưởng lấy tiêu chuẩn « phải hướng về Thượng đế » để xác định một triết thuyết là hiện sinh « đích thực » có lẽ là chật hẹp và vô đoán. Vì nếu hiện sinh là một nỗ lực mô tả *kinh - nghiệm* sống động cụ-thể, người ta có thể có một kinh nghiệm cụ thể về Thượng đế hay thông cảm với tha nhân như một G. Marcel đã mô tả nhưng người ta cũng có thể có một kinh nghiệm cụ thể về một thất bại trong tương giao với người khác hay về một vắng mặt của Thượng đế như một Sartre hay một Heidegger đã mô tả. Kinh nghiệm khác nhau nhưng đều có thể là *đích thực* và do đó là chính danh.

Cho nên ví dụ có thể chấp nhận tất cả những mô tả của Sartre về tình yêu thất bại trong l'Être et le Néant vì những nhận xét đó là đúng, miễn là không coi kinh-nghiệm đó phản ánh *toàn thể* kinh nghiệm yêu đương, hay *yếu tính* của tình yêu. Hoặc nói cách khác những kinh nghiệm tích cực của G. Marcel cũng không thể xóa bỏ được kinh nghiệm tiêu cực của Sartre. Đi vào suy tư theo hiện sinh là chân thành ôm lấy cả cuộc đời không trừ một khía cạnh nào, dù tiêu cực, đen tối. Triết lý hiện sinh là một ý chí bao quát đồng thời cũng là một ý thức về giới hạn trong kinh nghiệm. Nhưng đó lại là chính lý do làm cho triết lý luôn luôn phải sống động bằng nỗ lực

vượt những giới hạn của kinh nghiệm đã có về cuộc đời.

Nếu người đọc có nhiều tham vọng muốn đi vào sâu, sẽ không được hài lòng vì tác giả đã chỉ nhắc tới những vấn đề và hơn nữa nhắc tới bằng cách trình bày dưới những đoạn văn của các tác giả. Thành ra, thiếu hẳn các phần suy nghĩ cá nhân mà có lẽ tác giả vì «thận trọng», «dè dặt», đã muốn trình bày quan điểm của mình qua quan điểm của những người khác. Nhưng nếu người đọc chịu nhận giới hạn mà tác giả «buộc lòng» phải đặt ra cho một cuốn sách có tính cách giáo khoa, tổng quát, chắc chắn người đọc có thể tìm

thấy những nét lớn bày tỏ một ý hướng triết lý và một quan điểm suy tư mới mẻ, hợp với những đòi hỏi của những người trẻ tuổi mà cuốn sách đặc biệt dành cho họ.

Nguyễn-Văn-Trung

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài này trang 63, cột mặt, câu : « Nói cho đúng... G. Marchel » xin sửa là : « Đúng hơn nữa là nói chung tác giả theo quan điểm hiện sinh (bỏ chữ K. Jaspers và G. Marcel).

Cùng chỗ, câu : và riêng với... Thượng đế xin sửa là : và với triết lý của Jaspers hay G. Marcel nói riêng.

bài thơ đầu năm 40

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

Bốn mươi tuổi chẵn, không ngờ nữa,
Nhưng nghệt đường đi, nhắm mắt, đành...
Pháo lại căm hơi, ai đánh thức?
« Con cười, anh có nghe không, anh ? »

Chợt tỉnh nhìn con tươi má thơ,
Ôm vào lòng tưởng đã ơ thờ
Chút mầm non đại đang nhô ấy
Mà thấy mùa xuân hứa hẹn chờ.

Lung linh nền tỏa, hương thơm dịu,
Hình ảnh người xưa sáng chập chờn.
Bao nhiêu chưa xốt tan theo khói :
Suối tóc dài ngân một tiếng đồn...

Niềm vui hôm nay

TƯỜNG-LINH

— Ô, có gì xa lạ lắm đâu anh ?
Là những người trai từ già đồng xanh
Mang hồn Nguyễn-Huệ
Là những người trai bến sông, cửa bể
Máu hùng một thuở chinh Nguyên
Cười vui rời bến, xa thuyền
Con sông lớn đợi trăm giòng suối nhỏ
Đi từ buổi rực trời lửa đỏ
Súng bom chuyền đất quê làng
Lời nước non tha thiết, âm vang
Nghiên bút khó xây thành chiến lũy
Tôi muốn nói : những người trai ấy
Trong đoàn quân bách thắng bây giờ
Say khói sa trường như say làm thơ
Vui chiến công như mừng mùa lúa mới
Điệp điệp, trùng trùng, ủa lên, tiến tới
Người chết rồi còn nuôi đất quê hương
Tóc xanh lắm bụi đường trường.

Người ra đi
Có mẹ già, em dại
Có mái lá chiều êm thờ khói
Người yêu chưa biết khóc chia ly
Chưa biết phương nào là hướng biên thù
Đề gửi áo ngự hàn khi mùa thu trở rét...

Giày vải, mũ rừng,
Về Trung-du tương-tư mưa Tây-Bắc
Bấp chân mang sọ đĩa Tháp-Mười
Ôm súng trên đồn canh Kontum, Đarlac
Gió đèo heo-hút, nhớ xa xôi...
Thức giấc nửa khuya
Quanh mình đạn rêu
Đẹp làm sao giấc ngủ đêm Hai Mươi
Giấc ngủ không bàng-hoàng, mộng-mị
Đoàn quân đi, thu đường xa vạn lý
Buổi quân về đất nước rộn hương xuân,
Rời những sớm mai gió nhẹ, sương hồng
Nhìn đoàn tàu xuyên Việt
Khói trắng dâng mờ rừng núi biếc
Còi vang, ý sống reo vui...
Anh lính chiến mỉm cười
Tâm tư cởi mở
Cho dù ngày đi trăm thương nghìn nhớ

Chừ cảm thông rồi nhịp thở quê hương
Nếp áo ka-ki còn bám bụi đường
Nhưng lòng nuôi tiếng hát
Anh vẫn còn đứng gác
Cho lúa vàng, hoa thắm, trời xanh . . .

Tình trai là thế đó
Hãy đề tượng lai nhắc chuyện chúng mình
Đi là đi,
Có phải thế không anh ?

T.L.



thơ cầu nguyện

DƯƠNG-PHÙ-SAO

khi mở lời thu ngỏ ý tim
Mùa xuân trên má thẹn êm đêm
Hai vai anh đã đầy sương khói
Lòng đã hoang vu, mộng đã chìm
Anh chỉ còn đây lời rượu ngọt
Cùng thơ tâm sự, mắt du thuyền
Tương lai thôi hãy mềm như lụa
Mà gói đời anh trong áo em . . .

Em đến buồn như loài cỏ lạ
Rễ đâm thành mạch suốt linh hồn
Mai kia lòng nở hoa lên đó
Anh cúi đầu hôn nụ mẩn thương

Hãy lắng sâu xa lời ước nguyện
— Tay anh cao vọng với theo người —
Mây bay vào áo, bay qua núi
Đưa cả hồn em ra viễn khơi

Ôi mấy muôn năm còn vỗ cánh
Chiều nay chim đỗ giáo đường em
Câu kinh cao vút thơ cầu nguyện
Anh chấp hai tay lặng trước thềm

D.P.S.

(Thơ Của Hà)

Phất phơ hóa trúc

xanh vì cỏ

Ngủ lạng bèo mây, dật rối tơ
Văng ru, đờn nở, rơi tình đọng
Bén rượu vào xuân giữa tỉnh mơ
Thả ráng lộng chiều, âm giãn vắng
Thoáng reo phương gió buổi không chờ
Say ngàn hồng, yêu ngậm tiếc lạnh
Vội đây rót mãi

chẳng nên Thơ

Những buồn vui mất, tìm đâu thấy
Hỡi trời quên sáng lặn canh sương
Nhạc long lanh trôi nắng mở hoang đường
Tan hợp trắng lảng giờ ngâu tạnh khóc
Khao khát sống nuôi hoa, thềm muốn ngọc
Uống hương đêm lo cạn biếc ngày mai
Ca mênh mộng dâng sóng chảy trắng dài
Vàng cặm ánh ngậm những thời chưa tắt

Ôi những ảnh hình không tiếng gọi
Kiếp băng-khuông đành lạc lối u huyền
Trang tự-diễn ép tàn bao nỗi bướm
Chữ khô hồn đeo nặng nghĩa phai duyên
Rung chuyển mới vẫn đòi buông điệu khác
Cũ-càng chung sai nhịp bóng-vang riêng
Hương sao mọc lang thang màu khói thắm
Thơ vượt lời

giao Đẹp trả Thiêng Liêng

Hòa-Âm số 2

D.T.

BÁCH KHOA CXXIV

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách: **NGUYỄN-NGU-I**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình?

V.— Những kinh-nghịem sống và sáng tác thích nhất.

XXIII

★ ĐÌNH-HÙNG



Đình-Hùng

Sanh ngày 3-7-1920 ở làng Trung-Phụng, tỉnh Hà-Đông (Bắc-Việt).

Đang thơ trên tuần báo « Hà-Nội tân văn » (1940), đặc san « Mùa gặt mới » (1940) của nhà Tân-Việt. Thỉnh thoảng cộng tác với vài giai phẩm, như « Giai phẩm Ngày nay » (1943).

1943, cộng tác với tuần báo « Thông tin » và nhiều tờ báo khác.

1950, hồi cư về Hà-Nội, hợp tác với tuần báo Hồ Gươm, nhật báo Nhân quyền, Dân chúng, chủ trương giai phẩm Kinh đô Văn nghệ.

CUỘC PHÒNG-VẦN VĂN-NGHỆ...

1954, di cư vào Nam, cộng tác với báo Tự do (giai đoạn đầu), vẽ, làm thơ trào phúng, (kí Thần-Đang), viết tiểu thuyết dã sử và võ hiệp (kí Hoài-Điệp Thứ-Lang). Sau cộng tác với Ngôn luận, Văn nghệ tiền phong, Sáng tạo, Hiện đại, Sáng đội miền Nam.

Từ 1955, hợp tác với hai đài phát thanh Quốc gia và Quân đội, phụ trách những mục về Thi Văn.

Đã xuất bản: Mê hồn ca (thơ, 1954), Đường vào Tình sử (thơ, 1961).

Anh trả lời tôi qua khói thuốc缭绕, giọng nhỏ nhẹ như khi ta kể chuyện tâm tình.

— Đối với tôi, hoạt động của mình trong cuộc sống hằng ngày, và chính cuộc sống của mình đã nói lên quan niệm của mình về thơ.

Tôi còn ngẫm nghĩ về câu nói của anh, đang thử nhớ lại những hoạt động văn nghệ của anh cùng đôi biến cố trong đời anh gần đây, thì anh lên tiếng:

— Đối với tôi, làm thơ không phải là một cái thú.

Tôi nhìn anh không giấu được ngạc nhiên. Người anh nhỏ thó, y phục đồm đàng phần nào, tóc chải mượt, cử chỉ từ tốn, vẻ mặt lúc nào cũng như đang bận lo âu, tất cả người anh đều nói lên sự cân nhắc, sự cẩn trọng, thế mà câu anh vừa tuyên bố có vẻ «thể nào ấy». Con người thơ mà cho rằng làm thơ không phải là một cái thú, thì đời còn gì lạc thú chăng?

Nhưng tác giả «Mê hồn ca» trăm trăm tiếp, sau một ngụm nước trà.

— Đối với tôi, làm thơ không phải là một công việc văn nghệ, cũng không phải là công việc đem đến sự nghiệp,

danh vọng nào, mà đó là một nhu cầu tự nhiên của người nào có nghiệp dĩ.

— Nghĩa là chạy đâu cũng không thoát khỏi?

Anh gật đầu rồi rít một hơi thuốc缭绕.

Tôi không khỏi nhớ đến quan niệm về thơ của người bạn thơ thân nhất của anh: Vũ-Hoàng-Chương, người nặng nghiệp say: say thơ, say tình, và say bao thứ khác.

— Tôi từng viết: với tôi làm thơ là một nhu cầu như nhu cầu sinh lí. Tôi không làm thơ thì không sống nổi.

— Anh thấy người làm thơ cần có điều kiện gì trước nhất.

— Trước nhất, mình cần xét mình có phải là thi sĩ không.

— Xin anh nói rõ.

— Nghĩa là xem mình có chất thơ trong người không đã.

— Xin lỗi anh. Cái chất thơ trong người, biết nó có hay không, tôi tưởng cũng hơi khó đấy.

Anh cười nhẹ nhẹ.

— Phải thấy mình có khát vọng làm thơ, chừng ấy hãy làm. Không làm thơ, thì mình thấy đau khổ, mình thấy bị dày

vò như thiếu một cái gì rất cần cho đời sống của mình thì chừng ấy hãy dấn dúi với nàng Thơ. Chừng ấy mới đặt thành vấn đề : mình nên viết cách nào đây, nghĩa là nghĩ đến phần kĩ thuật.

— Vậy theo anh, cái «cốt thơ» cần có trước, rồi cái «xác thơ» mới để ý sau?

— Phải, người thi sĩ phải có thiên tư trời phú... khi mới oe oe.

— Nói một cách khác : cần được ơn trên ban phước lành : «Con sẽ là Thi sĩ» rồi mọi việc sẽ phân giải sau?

Anh lại cười cười :

— Thiên tư trời phú là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Người thơ phải trau dồi kỹ-thuật, tìm cách phát triển tài mình, cố gắng diễn tả ý, tình mình cách nào để thành công được.

— Như thế, chắc anh không đặt : « làm thơ cho bây giờ hay cho mai sau » thành vấn đề.

Mất tác giả «*Đường vào Tình sử*» mờ mông theo khói thuốc.

— Không mà có, anh à. Trong cái khát vọng của người thơ, có cả cái bây giờ và cái mai sau. Với nhà thơ, Dĩ-vãng, Hiện tại, Tương lai là chung một dòng thời gian...

— Không có gì làm mốc cả?

— Đúng thế.

— Thế thì anh viết cho ai đây, khi Tương lai, Hiện tại và Dĩ vãng, anh cho là một, không thể ngăn chia?

— Mình sống với xã hội, tức là hòa đồng với người. Người phải sống với người, thì làm sao tách mình ra ngoài

cuộc sống. Nhưng người với Vũ trụ vốn đồng nhất thể, nên tôi không đặt thành vấn đề : sáng tác cho ai.

— Còn làm thơ, phải có hứng?

— Đã làm thơ, thì phải có hứng.

— Cái hứng do đâu mà đến, anh cho biết được chớ?

— Do bên ngoài đem đến, hoặc do một sự thúc đẩy bên trong. Mà nếu ai đã trút cả đời mình cho Thơ, thì cái hứng gần như là do chính mình tạo lấy. Tôi cho hứng là sự tu luyện. Nhưng tự tạo không phải là giả tạo. Bởi lẽ mình tạo hứng không phải với đôi hành động, hoặc trong một giai đoạn nào đó của đời mình, mà bằng cả cuộc đời mình. Như thế, thì mình nằm trong dòng cảm hứng, mình ở giữa vũ trụ Thơ...

— Thế anh viết dễ dàng...

— Cũng tùy lúc. Có khi viết liền một mạch, sửa chữa rất ít; có khi viết được một đoạn, rồi để đó mãi, chưa biết chừng nào mới hoàn thành.

Tôi cười.

— Thì ra đôi khi anh cũng « cụt hứng »!

Anh cũng cười.

— Tôi đồng ý với anh Mặc-Đỗ ở chỗ : cái nói lên được con người cùng quan niệm về nghệ thuật của người cầm bút, đó là tác phẩm của họ. Tôi ngại những bạn trẻ chưa có một sáng tác nào, mà vội tuyên bố nguyên tắc này nguyên tắc nọ, hay cho mình phải đi vào đường lối nọ đường lối kia, vì rất có thể sau đó, tác phẩm ra đời, lại sai nguyên tắc, lại khác đường lối... sao bằng cứ sống

đã, cứ cho tác phẩm ra mắt người đời. Cuộc sống của mình, tác phẩm của mình tự chúng sẽ nói lên quan niệm, đường lối, nguyên tắc sáng tác của mình.

— Làm rộn anh câu chót đây: anh kể cho nghe một kỉ niệm, tự nhiên là về thơ.

— Một kỉ niệm không vui, anh bằng lòng chứ? Tôi có thơ đăng từ 1940, và tập « *Mê hồn ca* » anh Hồ-Dzếnh định xuất bản giùm tôi, năm 1945. Nhưng biến cố lịch sử xảy ra, ý định đành bỏ dở. Mãi đến năm 1954, mới thực hiện được, in vừa xong, lại gặp hời Đất Nước chia đôi, tôi chỉ mang được một

ít vào Nam. Đã chẳng vui vì « *đứa con đầu lòng* » có số phận không may, thì vài bạn phê bình trẻ tuổi vốn không biết — và cũng chẳng chịu tìm biết — « *Mê hồn ca* » gồm những bài thơ làm từ thời tiền chiến, mà vội hạ bút, nào « *Mê hồn ca* » phản ánh tâm trạng những kẻ thoát li cuộc kháng chiến dân tộc », nào « *tác phẩm Đình-Hùng là một tấm gương phản chiếu tâm hồn đời trụy trong thời chiến tranh* ».

Và giọng anh buồn buồn khi kể lại chuyện chẳng vui này.

NGUYỄN-NGU-Í viết lại.



★ TCHYA (I)



Tchya

Tên thật: *Đái-Đức-Tuấn*.

Sanh năm 1908 tại *Ngọc-Giáp*, tỉnh *Thanh-Hóa* (*Trung-Việt*).

Từ 1932, chuyên về soạn tiểu thuyết dã sử, thần bí, làm thơ, nghiên cứu về học thuật.

Cộng tác với « *Tiểu thuyết thứ bảy* », « *Phổ thông bán nguyệt san* »...

Năm 1946, sang Tàu dạy Sinh ngữ và Triết học ở trường *Côn-Minh* (*Vân-Nam*).

Năm 1946, về *Hà-Nội*, chủ trương nhật báo « *Công Tội* ».

Năm 1951, dạy trường trung học *Khải-Định*. Vào quân đội từ 1952 đến 1955.

(1) Biệt hiệu này, người ta thường hiểu là: « *Tôi càng ăn ai* » viết tắt. Thật ra — theo người khai sanh ra nó — là: « *Tôi chỉ yêu A...* » (A là chỉ đầu tên người yêu của *Đái-Đức-Tuấn*) nên khi viết chữ thường thì chữ A, tác giả « *Đầy Voi* » viết hoa: Tchya (*Lời chú của người phụ trách cuộc phỏng vấn*)

Từ 1957, chuyên viết báo và dạy học.

Mùa thu năm 1957, được cử làm đại biểu chánh thức các nhà văn Việt dự đại hội Văn Bút quốc tế khoá XXIIX ở Đông-Kinh (Nhật-Bổn).

Mùa thu năm 1959, được cử làm đại diện chánh thức các thi gia Việt dự đại hội Thi Văn quốc tế khoá IV ở Kokke-le-Zoute (Bỉ)

Gần đây, cộng tác với nhật báo « Tự do », rồi « Cách mạng quốc gia » với bút hiệu Mai-Nguyệt.

Hiện tòng sự tại bộ Đặc nhiệm Văn hóa và Xã hội.

Đã xuất bản (trước 1945): Thần Hồ, Linh hồn hay xác thịt, Ai hát giữa rừng khuya, Kho vàng Sầm-Sơn, Đồng tiền Vạn-lich; Đầy Voi (thơ, 1940).

I. — Sáng tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

Tôi sáng tác vì cảm thấy nhu cầu cần sáng tác, không có ý định cho mình hay cho thiên hạ, cũng không có cao vọng hay tham vọng gì cả. Các thi văn sĩ ngày xưa sáng tác xong rồi đốt luôn bản thảo. Tôi không được như văn hào thì bá ngày xưa, sáng tác rồi thì cũng giữ tác phẩm văn nghệ mà chơi, tuyệt nhiên không có dự vọng dùng tác phẩm đó làm một lợi khí bất luận về phương diện nào.

Nói một cách rõ ràng hơn, thì tôi là một nhà văn có quan niệm «Nghệ thuật vì nghệ thuật»

II. — Sáng tác theo một đường lối hay là tùy hứng?

Cổ nhiên đã là một nhà văn kiểu Bô-Tùng-Linh :

Nói láo mà chơi, nghe láo chơi

tôi là một kẻ sáng tác tự do và tùy hứng, không chịu bó buộc mình vào

một đường lối nào cả, dù là một đường lối triết lý.

III. — Những gì đã xảy ra trong tâm trí và trên trang giấy của tác giả từ khi thai nghén đề tài tới khi tác phẩm thành hình?

Về phương diện văn chương, tôi ngẫu nhiên mà viết nên không bao giờ có sự thai nghén đề tài cả. Các đề tài đều là tự nhiên mà đến rồi khoảnh khắc mà thành hình. Bởi vậy bản thảo của tôi không mấy khi được sửa chữa cả. Văn chương tự đáy tâm hồn mà vụt ra ngoài bất luận hay hay dở.

IV. — Kinh nghiệm sống và sáng tác thích nhất?

Cuộc đời là văn chương, là nghệ thuật nên khi sống cuộc đời đúng như bản chất của mình, tôi không cảm thấy nhu cầu cần sáng tác nữa. Công trình sáng tác mà tôi ưa thích nhất là Thơ. Sau thơ, tôi thích nhất là môn « siêu hình học », nhất là vấn đề Kinh Dịch mà tôi nghiên cứu đã hơn 20 năm nay, và tự thấy lúc nào cũng mê mải. Kinh

Dịch cũng là một bài thơ bất hủ, nhưng đó là một bài thơ mệnh mông bát ngát bao quát cả không gian và thời gian. Tài mọn thi văn của tôi, đối với Kinh

Dịch chỉ là một hòn cát bụi, như kiểu « l'Infiniment petit » của văn sĩ Pháp Blaise Pascal.

TchyA



★ ĐÔNG-HỒ



Đông-Hồ

Tên thật: Lâm-Tấn-Phác.

Sanh ngày 8-3-1906 tại làng Mi-Đức, tỉnh Hà-Tiên (Nam-Việt).

Viết giúp: Nam phong (1923-33), Đông-Pháp thời báo, Phụ nữ tân văn, Việt dân, Mai, Tri tân...

Mở « Tri-Đức học xá » (1926-34), chuyên dạy bằng tiếng Việt.

Chủ trương tuần báo « Sống » (1935), tuần báo « Nhân loại » (1953-54), sáng lập nhà xuất bản « Bốn phương » (1950).

Đã xuất bản: Thơ Đông-Hồ (1932), Lời hoa (1934), Linh-Phượng (1934), Cô gái xuân (1935), Những lỗi thường lầm trong sự học Quốc văn (chung với Trúc-Hà, 1936), Hà-Tiên thập cảnh (chung với Mộng-Tuyết 1960), Trinh trắng (1961).

Tôi sắp sửa giấy bút viết bài trả lời cho cuộc phỏng-vấn của báo Bách-Khoa về Quan-niệm sáng-tác. Tôi dở tập báo, đọc lại 4 câu hỏi nêu trên đầu bài. Tôi phải đọc lại, vì mặc dầu, từ khi nhận được câu phỏng-vấn, cho đến khi mỗi kỳ báo đăng, tôi đã đọc đi đọc lại, không biết bao nhiêu lần, mà đến bây giờ, tôi vẫn không nhớ cho rõ là 4 câu hỏi đã hỏi những gì.

Tôi hơi bực mình, tự trách là sao mà tôi lại tối-dạ đến như vậy. Tôi xếp tập báo, rồi lại dở ra. Tôi đọc lại đầu bài. Tôi nghĩ đã đúng:

— Quả là vị giám-khảo kỳ thi này khe

trước. Kỳ thi trước là kỳ thi phỏng-vấn về « Truyện ngắn hay nhất cổ kim, hay nhất Đông Tây », mở ra hồi năm kia, năm 1959.

Sao mà tôi cứ bị ám-ảnh mãi về thi cử. Chắc là vì tôi mắc bệnh khủng-hoảng tâm-lý. Khi người ta không từng được thi cử, thì sinh ra bệnh chứng thêm khát ước mơ khoa bảng; chắc là như vậy hay sao. Nghĩ cũng chường thay! Không được đi thi mà lại cứ sợ bị thi rớt. Kỳ trước, tôi đã nhờ mưu mẹo « Con gà mổ mót bánh trắng vụn » của anh chàng rể « túc trí đa mưu » mà chinh-phục được ông nhạc, cũng là ông giám khảo, khát-khe.

Cho nên, kỳ này, khi thấy đầu bài rắc rối khó khăn, tôi cũng nhớ lại mưu mẹo của những anh cử-tử học dốt, nhờ may mà thi đỗ.

*
* *

Bạn tôi có người kể cho tôi nghe câu chuyện này :

Hồi bốn mươi năm trước. Người Pháp ở đây có mở kỳ thi gọi là thi Brevet élémentaire, để cho các con Tây, học ở trường Tây thi. Còn học trò « bản xứ » thì đã có kỳ thi riêng, gọi là « Diplôme de fins études ». Hai bằng tương-đương nhau, ngang với bằng Trung-học đệ-nhã-cấp bây giờ. Nhưng mà thời-kỳ đó, ai cũng lấy làm quý cái bằng Brevet élémentaire hơn. Chẳng những quý vì nó bằng cấp Tây, mà nó còn quý, vì có bằng cấp này, khi vào làm bất kỳ công-sở nào cũng được biệt đãi, ngạch cao mà lương bổng nhiều hơn.

Chương - trình học cũng có phần khác hơn chương-trình « bản xứ ». Pháp-ngữ được coi là môn chánh trong chương-trình lại có cả âm-nhạc ; hai môn mà học trò mình sợ nhất. Âm-nhạc tức là môn Solfège. Đối với học trò Tây thì nó chẳng khó khăn gì. Còn đối với mình, trường mình không có dạy môn đó. Mà muốn học cũng không biết học ai.

Nên nhớ là, chúng ta bây giờ đã có viện Quốc-gia âm-nhạc, có thầy có sách. Ca-sĩ, nhạc-sĩ nô nức. Nhạc-hội vũ-sảnh tưng bừng. Chớ hồi 40 năm về trước, những khóa sol khóa fa, những nốt đen nốt trắng, móc chiếc móc đôi, đối với người mình hết sức xa lạ, cũng bằng bây giờ chúng ta nghe nói

hỏa tiễn phóng lên cung trăng, bay nghe nói thuyền vũ-trụ bay vòng quanh địa-cầu. Chuyện mà nghĩ rằng sức mình không sao làm nổi.

Khó khăn như thế đó, mà có một anh học trò « bản xứ » quyết thi cho được cái bằng cấp Tây mới nghe.

Nhờ có khiếu về ngoại-ngữ, chữ Pháp anh rất cứng, quyết là không thua con Tây rồi.

Còn « solfège » coi lơ-mơ mà có thể rớt vì nó lắm. Vì anh có từng biết tí gì về nó đâu. Mà đã có nhiều bạn học đã rớt vì món đó lắm rồi.

Nghe anh gọi đơn xin thi, các bạn anh hỏi anh về điều này, thì anh chỉ mỉm cười mà không nói.

Anh đã có mưu mẹo của anh !

*
* *

Kỳ thi viết xong. Anh qua lọt. Đến kỳ vấn đáp, các món trôi chảy cả. Anh dành cho món nhạc vào giờ chót. Anh bước vào phòng thi đường-hoàng dạn-dĩ như một tay sành nhạc Tây. Các bạn anh đứng ngoài nhìn vào, hồi hộp cho anh.

Ông giám-khảo, người Pháp, đặt liền câu hạch miệng về nhạc luật. Không vội trả lời, anh nở một nụ cười tươi xin lỗi, rồi xin ông cho được « chơi » vài bản nhạc.

Ông Giám khảo chưa kịp ngạc nhiên thì đã có hai thằng « bạn tâm phúc » của anh ta chạy nhào vô, đưa cho anh một câu đàn kìm và một cây đàn cò.

Anh ngồi xuống, trước mặt ông giám khảo, lên dây cây cò, ò-c, ò-c, rao mầy

cây Bắc cầu Nam, rồi anh dạo tiếp theo liền mấy bản Bình-bán, Hành-vân ngân ngân.

Bảy giờ hai bên cửa sổ đen ngịt mà không chút ồn ào. Tiếng đàn nỉ-non thánh-thót nổi lên giữa trường-thị. Thiên hạ đang mê-mẩn say-sưa, anh buông cây cò, bắt liền cây kìm, đi ngay vào bản Tứ-đại, anh cất tiếng :

« Bao trái bao thò lặn ác tà.

« Nhanh ngó đồ lá đưa chà.

« Bấy thu chầy nào nùng phấn hoa...—

*«... Buông li rượu, khóc cùng người
tình chung».*

Tiếng đàn vừa dứt. Tiếng vỗ tay vang dậy trong ngoài, bắt chấp kỷ luật nơi trường thị.

Ông giám-khảo, vừa qua cơn kinh ngạc, nhìn xuống đồng hồ trái quít để trước mặt. Đã qua 20 phút. Không biết ông nghĩ sao mà mỉm cười :

— Merci, ce n'est pas mal !

Rồi cúi xuống cho điểm.

Không biết anh thí-sinh được mấy điểm, duy có một điều biết được là năm đó, anh giật được cái bằng cấp Tây, vì món âm-nhạc anh không bị « dè-rô » là anh qua trót lọt.

*
* *

Đi thi trường Bách-Khoa, tôi lại muốn bắt chước anh học trò năm xưa mà không biết có trót lọt không.

Sao mà tôi lo-lắng cẩn-thận đến như vậy ? Tôi đã bảo đó là cái bịnh riêng của tôi, là bịnh ám ảnh và khủng hoảng tâm-lý.

Nhưng mà, tôi lo-lắng không phải là không có duyên cớ, bởi vì, tự-nhiên ai lại chuốc lấy khổ vào thân.

Duyên cớ là có bằng chứng sờ sờ trước mắt đây rồi : Khi mở kỳ phỏng-vấn về Truyện ngắn của báo Bách-Khoa hồi năm 1959, nhà báo có tuyên-bố một câu phân minh dứt khoát như thế này :

« Một mực tôn trọng ý kiến của các
« vị, các bạn đã sẵn lòng hưởng ứng,
« chúng tôi xin đăng nguyên văn bài
« nhận được, chỉ bỏ lại những đoạn,
« xét có tính cách riêng tư » (Bách-Khoa
kỳ số 58, ngày 1-6-1959).

Đó, các bạn đã thấy khó-khăn chưa. Nhà báo tuyên bố trước là sẽ bỏ lại mà không chấp nhận những gì có tính cách « riêng tư » nghĩa là nhà báo nghĩ rằng chuyện riêng tư là chuyện của cá nhân, đem tuyên bố ầm lên cho thiên-hạ đều nghe thì quả thiệt chẳng có lợi ích gì cho thiên hạ, mà lại có ý như tự mình đề cao lấy cho mình. Tập báo phải đâu là nơi để cho mình mượn nơi lợi-dụng mà khoe tài. Bỏ đi là đáng lắm.

Điều-kiện đó, đối với kỳ phỏng-vấn trước còn có thể giữ-gìn mà tránh được, vì là phỏng vấn về « Truyện ngắn hay nhất » thì tất không ai lại can-đảm tuyên-bố : « Chuyện Giáp chuyện Ất gì đó của tôi là quán tuyệt cổ kim ».

Đến như kỳ phỏng-vấn này thì lại khác.

Ai làm sao mà tránh cho khỏi được nói chuyện riêng tư khi mà nhà báo đặt ra những câu phỏng-vấn toàn là hỏi những chuyện riêng tư.

Có hay của cuộc phỏng-vấn là ở điểm đó mà cái khó cũng là ở điểm đó.

Hỏi những chuyện riêng tư mà bài trả lời làm sao cho tránh được tính cách riêng tư, để cho nhà báo không bỏ lại, thì thật là một điều thiên nan vạn nan. Anh cử-tử học dốt, thôi thì đừng hòng thi đỗ.

Nghe hỏi chuyện riêng tư, dễ-dàng quá, cổ mà bới tìm trong trí nhớ, kể ra cho nhiều, nhà báo đăng hết không bỏ một chữ, nhưng mà ai đó đã mắc mớ nhà phỏng-vấn, ông « Giám khảo Bách Khoa » rồi !

Đến khi anh lính trường thi truyền-lô, nghĩa là khi nhà báo làm tổng-kết tình hình thì phải biết !

* *

Vậy thì, tôi phải làm cách nào đây, làm sao mà kể chuyện mình cho thiên hạ mà lại không có tính cách riêng tư. Tôi thường nghe bọn trẻ con đổ nhau :

— Tao đổ mầy, con gì mồm bò, lại mồm bò, mà không phải mồm bò ?

Làm sao trả lời cho trôi được. Đích thị là mồm bò mà thiệt sự không phải là mồm bò !

Lại thường nghe mấy bà căn dặn những anh chàng đi làm rể, khi ngồi lên, mâm cơm :

— Ăn thì ăn cho hết, để thì để cho còn, ăn hết bị đòn, ăn còn mất vợ.

Ăn hết thì bị đòn, ăn còn thì mất vợ, vậy thì phải ăn uống khôn ngoan như thế nào đây, để cho khỏi bị đòn, và để cho khỏi mất vợ. Chẳng có lẽ mà dè-dặt quá đến đành cam nhin đói hay sao.

* *

Đang lúng-túng với đầu bài phỏng-vấn thì tôi nhớ chuyện anh học trò đi thi Brevet élémentaire khi xưa, đem kể ra đây.

Kể ra đây để có ý trả lời rằng tôi có như anh học trò nọ.

Nghĩa là tôi không trả lời trực tiếp từng câu hỏi một của nhà báo mà đã gián tiếp trả lời tổng quát đầy đủ đó rồi. Nghĩa là cũng nói được chuyện riêng tư mà không có tính cách riêng tư, sẽ không bị nhà báo bỏ lại. Bởi rằng « ông giáo sư Bách Khoa » này không lẽ mà lại gắt gao hơn ông giám-khảo âm-nhạc nọ hay sao. Anh học trò xưa kia, không từng học nhạc-luật, không từng thông nhạc-lý, không thuộc nốt đàn mà cứ thi đỗ như ai. Không biết đó là nhờ vì anh vốn sẵn thiên-tư, sẵn duyên dáng cho người dễ mến, hay là nhờ vì ông giám khảo tri-âm tri-kỷ chịu thưởng thức một thiên tài ngoài lệ.

* *

Thưa bác Ngu-Í, phụ trách.

Chắc bác không ngại khó khăn, sẽ gắng mà hiểu thì bác thấy tôi đã trả lời đầy đủ các câu phỏng-vấn rồi.

Bác đừng đòi tôi phải giải thích nhiều hơn, bởi vì tôi mà giải thích thì tôi phạm trường qui đó.

Có lẽ bài trả lời của tôi là bài trả lời hốt-chót, cũng làm cho cuộc phỏng vấn của bác vui lên một chút, như bản đàn Tứ-đại thuở nào, đã làm cho cảnh trường thi vui rộn lên, trong một buổi chiều xưa nghiêm lặng.

30-11-61

ĐÔNG-HÒ

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.



MÓN NỢ NĂM XƯA...

Yasushi - Inoue (Nhật)

Lương-Trọng-Minh dịch

Hôm ấy, Senjiro Sako định đến 3 giờ chiều sẽ lên phi cảng Itami đáp máy bay về Đông-Kinh. Ba ngày ở Osaka, ông thật là bận rộn. Ông trọ ở khách sạn Toyo, một khách sạn nằm giữa trung tâm thành phố, nổi tiếng về quang cảnh nguy nga đồ sộ và kỷ-lục xây cất nhanh chóng nhất sau chiến tranh. Nội cái việc ông đi đi, về về... qua lại khách sạn của rộng nhà hàng cũng đủ bỏ xa mấy chị ong cần mẫn nhất trong mùa tìm hoa hút mật.

Ông đã tám lần tiếp tân, thảo luận với sáu nhân vật quan trọng tại trụ sở của hội, tại các chi nhánh hay tại văn

phòng của ban quản trị. Ông còn đã dự bốn đại hội, giới thiệu ưu điểm của loại ghế vừa mới sản xuất, trình bày những nguyên tắc, bản cãi về triển-vọng tương lai của công ty do chính ông điều khiển.

Ngày thứ tư này không còn việc gì cần giải quyết, ông yên tĩnh ngồi dùng bữa trưa trong một góc phòng ăn của khách sạn.

— Dưa này sản xuất từ đâu vậy, ông chủ? Ông hỏi người chủ phạn điểm.

Senjiro Sako tuổi độ lục tuần, tóc đã bạc, nhưng ông vẫn còn ham hoạt

động và hoạt động rất có phương pháp. Ông giải quyết mọi công việc tuần tự đúng chương trình kế hoạch đã định sẵn và ông đã toại nguyện. Lần này là lần đầu tiên mà ông lăm lăm một vấn đề không ăn nhập chút nào đến nghề nghiệp của ông cả.

— Thưa quý khách, có lẽ dưa Kobé đây ạ !

— Màu nhạt quá há ! Tại phân bón sai đây. Đáng lẽ loại dưa này còn hồng đậm hơn nữa kia. Chủ-quán nhā-nhận mỉm một nụ cười đồng ý rồi bước đi chỗ khác. Sako lấy muống múc dưa. Miếng dưa mịn và ngọt lịm tan ra trên đầu lưỡi. Ăn xong, ông ra phòng khách, châm điếu xì-gà; thò tay vào túi trong, rút chiếc sổ con, liếc mắt xem qua. Những khoảng ghi công-tác đều gạch đỏ. Hoàn tất cả. Mùa thu tới, xưởng máy của ông sẽ mở một chi-nhánh tại Osaka đây để cung-ứng và thỏa-mãn thị-trường vùng Kansai này. Ông xem đồng-hồ đeo tay : đã 12g 30 rồi. Thường thì, một giờ trước khi máy bay cất cánh, chiếc xe buýt của hàng-không mở chỗ khách từ phòng bán vé lên phi-cảng.

Còn những hai tiếng đồng-hồ nữa. Ông trở lên phòng riêng, cắt con dao cạo, bàn chải răng và mấy món đồ vật-văn khác vào vali. Ông đóng cửa và xuống bàn giấy quản-lý để trả tiền. Ông định bụng sẽ dùng hai giờ rảnh-rang này để dạo mát dọc bờ sông Pojona, gần bên khách-sạn.

Đại lộ chạy dọc theo sông chật ních cả xe máy và xe hơi. Bên dưới, sát mép sông có một lối đi hẹp, cả ngày

vắng ngắt như bị bỏ quên. Chỉ vào lúc chiều tà mát-mẻ, những du-khách không biết từ đâu lại, cặp-kè từng đôi một, lưng-thưng đếm bước như không để ý đến thời gian.

Mười phút sau, Sako thông-thả dạo trên con đường nhỏ hẹp ấy. Gần, xa, không một bóng người. Hàng liễu cách đều trên bờ đại-lộ ngã bóng chênh-chếch xuống giải đường mòn. Những vế rác ướt trôi lênh bênh trên sông, nắng tháng năm chiếu xuống mặt nước gợn nhấp-nhô lóng-lánh như muôn ngàn vảy cá. Gió nồm hiu hiu...

Trong lúc ấy, S. Sako gặp người mặt sẹo.

Hắn độ 40 tuổi. Vẻ mặt tầm thường. Theo những bậc đá từ trên đại-lộ, hắn bước xuống cách Sako có vài thước mà ông tưởng như hắn vừa tận trời xanh rơi lại.

Người mặt sẹo thông-thả đi về phía Sako, ông tránh sát mé sông, nhường hắn bước qua. Hắn có bộ mặt-nhọc vì phí sức và phờ-phạc vì ưu-tư. Hắn không để ý đến ông. Hắn đi qua không buồn nhìn, lưng hơi còng, mắt ngó xuống. Nhưng không để hắn đi quá dăm bước, Sako vụt quay lại, gọi :

— Xin lỗi Ông. Thế này thì thật là đường đột và khiếm lễ, xin hỏi ông cách đây 20 năm, ông có ở Akita không ?

Hắn nhìn người đối thoại đầy nghi-ngại. Rồi như một kẻ không hề biết phép lịch-sự, hắn vụng-về đáp :

— Ở Akita hả ? Có, tôi có ở đó hồi còn nhỏ kia. Tôi sinh ở đó.

Cái sẹo to trên mặt hắn nhăn lại như tổ vè khó chịu về câu hỏi tò mò của người khách lạ.

— À !...

Sako thét lên vui sướng.

— Đúng rồi ! Tôi biết chắc là tôi đã gặp ông mà !

Tôi thường nghĩ đến ông trong 20 năm nay và tôi hằng trông mong có dịp gặp lại ông. Tôi đã gặp ông lần đầu ở Akita và ông đã cứu mạng tôi... Xin lỗi, xin ông cho biết quý danh ?

— Tokezo Kikuchi. Chắc ông làm tôi với người nào khác rồi.

Người sẹo mặt càng có vẻ hoang-mang ngơ-vực.

— Tokezo Kikuchi, Senjiro Sako lặp lại cái tên đó như một người bạn cố tri...

Ông cố trấn-tĩnh và phân vân chưa biết mở đầu câu chuyện bằng cách nào cho ổn. Hai mươi năm trước... Một đêm cuối đông... Senjiro Sako lủi thủi trên một con đường vắng ở Akita. Ông định đi tự vận. Lúc bấy giờ, ông đương làm việc tại Akita trong chi cuộc của hãng kỹ nghệ Đông-Kinh. Ông đã mượn vốn của công ty để buôn riêng gỗ sườn nhà. Công việc làm ăn bị lỗ nặng. Các chủ nợ xúm lại đòi riết và vụ thụt két cũng sắp bại lộ. Ông thấy mình đã cùng đường. Lúc ấy nhằm vào những ngày lễ tất niên. Dưới làn mưa tuyết giá, không mục đích rõ-ràng, ông đi bơ-phờ, dờ sống, dờ chết, qua các phố, ngẫu nhiên ông lạc vào một con đường màu tro xám.

Vợ ông chưa biết một tí gì về vụ thất bại chua cay này cả. Nếu không nghĩ đến cô vợ trẻ ấy thì ông đã tự sát gọn rồi, ý nghĩ độc nhất đó còn giữ ông lại trên bờ cuộc sống.

— Chết xong thì khổ biết bao ! khổ biết bao !...

Ông nhắm đi nhắm lại điệp khúc đến tối đó không biết đến bao nhiêu lần... nhưng chết đi, bỏ vợ ai nuôi ! vợ ông sẽ khổ sở vì khánh kiệt, nghèo nàn.

— Xin lỗi, ông cho chút lửa.

Senjiro Sako sực tỉnh. Ông sờ vào túi áo... những mảnh tuyết trắng nhẹ như bông nồn bay chập chờn trong vòng ánh sáng ngọn lửa quẹt và chiếc đèn bão trên tay người lạ. Sako nghĩ thầm :

« Có lẽ mình lang-thang dưới tuyết hàng mấy tiếng đồng hồ rồi đây.

Người xin lửa trả lại chiếc hộp quẹt :

— Xin cảm ơn.

Rồi người ấy bỏ đi, hơi cúi lom-khom. Chiếc đèn bão chiếu rõ mặt y. Sako nhìn thấy một phần mặt cháy sém, khoét sâu vào thịt, trông rất ghê tởm. Hắn còn trẻ măng. Hắn bận sắc phục Hỏa xa. Lúc ấy Sako mới nhận thấy mình đương ở trên một con đường vắng sau nhà ga — Một bờ thành cao chắn dọc theo một mép đường và từ đằng xa vọng lại tiếng ào-xào của một chiếc cầu máy.

Cái đèn bão chiếu rõ một nhà kho lớn. Trước kho đường tẻ thành hai chiều Sako ngó theo vòng ánh sáng mỗi chốc một sa dần và thử đoán người cầm đèn sẽ quẹo về phía nào ông nghĩ thầm.

«Nếu hấn quẹo bên phải thì mình tự vận, nếu hấn quẹo bên trái thì thôi...» Cái chiều hướng mà nhân viên hỏa-xa ấy đi theo thật không quan trọng gì cả, thế mà ông đâm đâm theo dõi chăm chú và hồi hộp khi vòng ánh sáng tiến gần tới chỗ rẽ. Chiếc đèn quẹo về phía trái, mờ dần rồi mất hút trong khoảng tối xa xăm.

Sako lại nghĩ thầm: «mình cần phải sống!».

Quyết định xong, ông cảm thấy chán chường, e rằng những nỗi đau khổ dày vò sẽ kéo dài mãi mãi.

Tuy vậy, nhờ thoát chết trong đêm đó mà sau này ông vượt thoát luôn mọi khó-khăn và cuối cùng ông xây dựng được một địa vị khá kính trọng giới doanh-nghiep. Ông đã trở nên một kỹ-nghệ gia quan trọng nhất. Khi ông đi giải trí trong các hí viện hoặc tiệc tùng trong những phòng trà khách sạn, ở đâu ông vẫn ngồi vào những chiếc ghế bành mang nhãn hiệu của hãng ông. Ông đã trở nên một thế lực nòng cốt của phòng thương mại.

Senjiro Sako rất thích kể lại câu chuyện đó. Ông thuật lại với một vẻ cảm động đặc biệt và say sưa không chán, thết rồi hễ vừa nghe đến thì người ta liền bảo:

«Ấy đấy, lại được nghe câu chuyện cứu mạng rồi...».

Nhưng vợ ông lúc nào cũng chăm chú không lộ vẻ chán ngấy và bà thường kết thúc câu chuyện: «Và người ấy có một cái sẹo lớn trên mặt».

Rồi bà trầm ngâm nói tiếp: «Mình mang ơn nhiều lắm! mình có biết người ấy bao giờ ra sao không?»

— «Tôi thành tâm trông mong gặp lại ông ta quá».

— Nếu có dịp gặp lại, mình phải trả ơn cho thật xứng đáng và bằng mọi cách mình nhé.

Vợ Sako là một người đàn bà phàm-nộn, hào-hiệp, thích làm những việc từ thiện, đức ông chồng là quần chúng rất tốt để bà khuyến-kích và phổ biến hào ý của mình. Thật ra, Sako cho người đi dạo hỏi khắp Akita nhưng không làm sao tìm ra tung tích người mặt sẹo. Đối với vợ ông, sự biệt tăm dạng đó càng thêm vẻ huyền bí và tăng giá trị cho câu chuyện cứu mạng năm nào.

Senjiro Sako và T. Kiku chỉ tạm ngồi trên bậc đá. Sako vừa kể đầu đuôi câu chuyện vừa nhìn khúc sông chảy lờ đờ trước mặt. Còn con người tồi tàn vừa gặp, vị cứu tinh thuở trước, ngồi sát bên ông, ngạc nhiên mà im-lặng.

— Tôi xin đền ơn thật xứng đáng.

Sako lặp lại một lần nữa câu nói mà ông đã nói đi lặp lại bao lần với bà vợ quí và bạn bè.

Đối với Kikuchi, tình cảnh lúc ấy thật ly kỳ và có vẻ gì huyền hoặc. Hấn không thể tin câu chuyện vừa được nghe xong và không biết có nên đứng dậy, bỏ đi hay không.

Hấn đã mới hai lần đổi nghề từ lúc vào làm ở sở Hỏa xa Akita, nhưng không có nghề nào giúp hấn giàu sang. Hiện giờ hấn đang làm cổ động viên

cho một hăng bảo hiểm, lương chỉ đủ thuê nhà và nuôi sống gia đình. Thay đổi liên miên về nghề nghiệp cũng như về chỗ ở, thâm ý hấn cố tìm chỗ đứng vững chắc trong cuộc vật lộn cam go để giành sự sống cho bản thân và gia đình. Hấn nào có gặp được chút vận hên đâu. Hấn dường như không thể tránh khỏi định mệnh xúi quẩy đã in sâu trên vết má sẹo do mẹ hấn bất cẩn gây nên. Hấn đành an phận không làm sao thoát khỏi thời đen vận bí, tránh được công việc nặng nhọc và sự nghèo túng dằng dai. Hấn thường cảm thấy đời sống chẳng có nghĩa lý gì. Và sống hay chết không làm hấn quan tâm đến. Có nhiều lúc nghĩ rằng nếu có thể giải thích được những tiếng thét oa oa khi hấn vừa mới lọt lòng mẹ ra đời thì những tiếng ấy có nghĩa là : «Tôi không muốn, không muốn chút nào cả!»

Bây giờ đây, bỗng có một người đến nói rằng hấn đã cứu một mạng người và góp phần xây dựng một sự nghiệp rõ ràng, một cuộc sống giàu sang sung sướng.

Hấn ngấm lại hai bàn chân thô của hấn trong đôi giày mòn, há mồm. Hấn chưa chát nghĩ rằng cũng hai bàn chân này đã đem may mắn lại cho một người không quen biết mà lại chẳng giúp một chút ích lợi gì cho chủ nó cả.

— Anh có gia đình chứ? Sako hỏi.

— Một vợ và bốn con.

— Như vậy thì chật vật lắm! Thế nào tôi cũng phải giúp anh, anh khỏi phải túng thiếu nữa.

Lúc ấy Tokego Kikuchi mới có phần vững tâm hy vọng. Hấn trầm ngâm nghe những hứa hẹn trong việc gặp gỡ đột ngột và đượm vẻ truyền kỳ này. Hấn nghiêng vành mũ dưới thật đau để biết chắc mình đang tỉnh táo chứ không phải nằm mơ hấn muốn thét lên vì sung sướng, nhưng lại không làm thế, hấn ngập ngừng, lí nhí nói :

«Nếu nhà tôi biết được chuyện này thì sẽ ngạc nhiên đến mức nào!» hấn nghĩ đến vợ hấn. Sako nghe nói, cũng sức nghĩ đến vợ mình :

— Sao anh không đi Đông-Kinh luôn với tôi? Tôi muốn giới thiệu ân nhân với vợ tôi. Tiện nội sẽ vô cùng sung sướng khi hay được tin này.

— Xin nói thật là tôi đã định lên Đông-Kinh bằng chuyến xe lửa tối nay.

Vợ Tokego Kikuchi sắp đẻ thêm đứa thứ năm nên hấn phải lo chạy tiền. Hấn hy vọng cậu hấn hiện mở một ngôi hàng tạp hóa ở Đông-Kinh sẽ cho hấn mượn đủ số tiền cần thiết. Người cậu không lấy gì làm giàu có nhưng cũng tạm đủ để khỏi phải ăn bữa sáng lo bữa chiều.

— Được rồi...

Sako nhìn đồng hồ. Gần hai giờ chiều.

— Chiều nay tôi đáp phi cơ về trên. Thôi, ông đi luôn với tôi một thể đi.

— Cũng bằng máy bay?

Tokego Kikuchi từ nhỏ đến lớn chưa hề đi máy bay. Chỉ riêng cái ý nghĩ vượt không gian bằng máy bay, đối với hấn, cũng lạ lùng và huyền ảo rồi.

— Phi cơ sẽ cất cánh lúc ba giờ ông có thể đi ngay chứ ?

— Chưa được. Chiều nay tôi còn bận nhiều việc quá.

Nhìn ông già doanh nghiệp đương thúc giục, hần thấy rõ thành tâm thiện ý của ông cụ đương nóng lòng muốn thực hiện công việc từ thiện mà ông vừa đề ra. Nhưng Kikuchi quả thật còn nhiều việc phải giải quyết gấp. Hần còn phải đến gặp mặt ông chủ khó tính để xin phép nghỉ, còn phải đến một chú « Bầy sết ty » vay tiền ăn dùm về cho vợ tiêu tạm.

Senjiro Sako lại xem đồng hồ và ngồi trầm ngâm suy nghĩ :

— Tám giờ cũng còn một chuyến máy bay nữa. Tôi có thể ở rón lại, đợi ông cùng đi. Như vậy có được không ?

Từ trước đến nay, dù kẻ có thể lực to cũng chưa ai làm cho Sako thay đổi giờ giấc, chương trình đã định sẵn, nhưng đối với vị ân nhân cứu mạng lại là một việc khác, một ngoại lệ đặc biệt mà. . .

Hai người đứng dậy. Kikuchi hẹn sẽ trở lại khách sạn lúc 5 giờ. Hần bước đi nhẹ nhõm tưởng chừng như sẵn sàng bay bổng trên không.

Nhà lão doanh nghiệp và vị ân nhân cùng nhau dùng bữa tối ở nhà hàng. Trong đời Sako chưa thấy một bữa ăn nào lại vui vẻ ngon lành hơn. Cái sọc nhơn nhúc nham-nhở của khách không làm cho ông ghê-gớm nữa. Ông định bụng sẽ để cho Kikuchi vào làm việc trong xưởng máy của ông và chắc là việc thâu nhận này không làm phật ý các công nhân khác.

Ông lại thăm nhủ : « Chắc vợ mình sẽ vô cùng kinh ngạc khi hai người cùng bước vào nhà ».

Mấy năm lại đây bà ấy cũng bớt cái tánh ngạc nhiên vô lối đi. Bà chỉ còn một việc là càng ngày càng phì nộn thêm ra. Một việc bất ngờ ngộ ngộ, hay hay thế này sẽ làm cho bà ấy thích thú, vui mừng.

Riêng Kikuchi hần chưa bao giờ có ý nghĩ được ăn một bữa thịnh soạn như thế này. Hần hoàn toàn sung sướng nếu cái tay áo sờn lại và để giày mòn vẹt không làm cho hần lúng túng.

Hần miên-mạn nghĩ đến những cái đã phí mất qua bao nhiêu năm tháng. Hần chưa bao giờ quan tâm đến đời sống, đến thực tại men rượu hảo hạng bốc lên làm cho vết sẹo bóng loáng như một cái đèn pha. Những món ăn thiệt ngon, xưa nay hần chưa hề được nếm thử, được hầu bàn dọn lên hết món nợ đến đĩa kia, làm cho hần càng thêm khoái trá.

— Tôi phải điện cho nhà tôi biết trước rằng ông sẽ đến. Lão nhân viên bảo hiểm mãi ăn nên không nghe thấy gì cả và hần cũng không để ý đến việc Sako cho người mang bức điện tín đến nhà giấy thép. Còn nhà doanh nghiệp Sako cứ nói, nói mãi. Kikuchi thì quá sung sướng, thỉnh thoảng chỉ nhìn thấy bộ râu mép bạc nhích lên nhích xuống như phục hòa với lòng khoái cảm đương dâng tràn.

Đã bảy giờ hơn. Hai người đến phòng bán vé, lên xe buýt lại phi càng. Kikuchi vừa leo lên xe buýt vừa nhìn trời. Một giọt nước mưa rơi trúng trán.

Trời gió. Trên nền trời còn quang đãng mây kéo ù ù về hướng Đông Bắc. Phi cơ trễ mất 20 phút. Kikuchi không để ý đến lúc máy bay cất cánh.

— Giờ rưỡi đồng hồ nữa, chúng ta sẽ đáp xuống phi trường Haneda. Những tiếng nói của nhà doanh nghiệp già như vọng lại từ một nơi nào xa lạ và dịu huyên vì Kikuchi từ lúc khôn lớn đến nay vì nghèo khổ rồi lại bị con cái co-sèo nên chưa hề có dịp đi xe tốc hành chứ nói gì đến việc đáp phi cơ nhanh chóng.

Một giờ rưỡi trôi qua. Đèn báo hiệu thất lại giẫy dãi đã đỏ từ lâu mà phi cơ chưa hạ cánh.

— Có lẽ chúng ta bị trễ. Sako nói

Thêm ba mươi phút nữa, mà phi cơ vẫn bay. Ông ngó qua cửa sổ chỉ có biển rộng tối om. Nhiều lần ông nhìn đồng hồ và bắt đầu sốt ruột ông hỏi một cô chiêu đãi vừa từ phòng hoa tiêu bước ra.

— Có chuyện gì vậy ? Tàu trễ hả.

— Chúng ta chưa đáp xuống được vì trời mù. Nhưng không gì đáng lo sợ đâu ? Câu trả lời mập-mờ của cô Chiêu đãi làm cho Sako hơi bối rối. Câu ấy còn có gì che dấu bên trong chứ không phải chỉ đơn giản là «đừng lo sợ».

— Ta có đủ thì giờ bay lượn trên thành phố Haneda ?

— Vâng.

— Bảnh ta ! tiếc rằng sẽ làm cho hành khách bực mình.

Ông bắt đầu hỏi bạn đã thay đổi thời giờ đã ấn định.

Cạnh ông, Kikuchi cũng có vẻ bực dọc, khó chịu.

Qua cửa sổ, ông chợt nhìn thấy chiếc chong chóng nơi đầu máy không quay nữa. Một đầu máy đã hỏng và phi-cơ không thể hạ cánh.

Ông thấy nhói ở tim và chợt hiểu tình trạng này sẽ đưa đến đâu !

Cả tàu đều chộn rộn, hãi hùng. Bốn mươi hành khách bắt đầu ý thức được tình trạng hiểm nghèo.

Sako đưa mắt nhìn ông bạn đồng hành. Mặt Kikuchi tái nhợt, môi mím chặt Quả là khuôn mặt ác thần chuyên reo-rắc tai ương. Hiểm trạng lúc bấy giờ là hậu quả của một cuộc gặp gỡ vừa qua.

Bỗng ác thần Kikuchi nhảy chồm lên, hai tay dơ thẳng lên trời.

Cô chiêu đãi khuyên hấn nên bình tĩnh. Hấn ngồi lại xuống ghế, lặng thinh nghĩ lẫn quần :

« Tại vì đâu mà mình phải chịu tai họa này ? Cổ nhiên mình không có một đời sống sung túc, nhưng chắc chắn mình không bao giờ chết thảm khốc như vậy. Nếu máy bay nổ tung và mình chết thì nhất định là tại con quỷ sống bên mình này này.

Hấn quay lại, đưa cặp mắt đỏ ngầu nhìn Sako. Ông này cũng nhìn lại. Chợt ông nghĩ chắc không phải người trai trẻ đã gặp ở Akita trước đây 20 năm. Và cái việc quẹo về bên phải hay bên trái có ảnh hưởng gì đến việc sống, chết đâu. Đêm hôm đó, một con khuyến quẹo về bên trái cũng thế

thời, chứ có khác gì ! một con khuyển cũng có thể làm y như thế chứ ! Sako nguyên rửa mình đã nông nổi và quá tốt bụng để phải chịu tai nạn khủng khiếp này.

Người cổ động viên bảo hiểm không thể dằn lòng lâu hơn nữa, liền la to :

— Đã bảo là không đi máy bay, chớ phải . . .

Giọng hắn đã lạt lạt hẳn, mắt hắn đờ đờ sát khí, như muốn nhào lên quật ngã một người nào.

Phản ứng lại, Sako giữ vẻ phớt lạnh như tiền. Ông nhìn khinh bỉ vị hung thần reo rắc tai ương đang lồng lộn, mắt bình tĩnh. Ông lại suy nghĩ băng quơ : « Chiếc ghế của phi-cơ làm cho mình nhào về phía trước và làm cho hành khách có cảm giác bất an. Mình mà thoát nạn chuyến này thì quyết chế một loại ghế ngồi tuyệt hảo cho phi thuyền.

Nhưng giờ đây mới nghĩ đến chuyện đó thì quá muộn rồi ! » Ông bỏ ý định ấy một cách chán chường.

Phi cơ bắt đầu hạ thấp. Nỗi lo âu của ông càng tăng . . . Rồi như một tiên nương phúc hậu, cô chiêu đãi nói qua máy vi âm.

— « Xin lỗi đã làm quý khách lo sợ. Trong năm phút nữa phi cơ sẽ đáp xuống sân bay Haneda.

Mấy phút sau đó, Sako và Kikuchi, không ai mở miệng nói một lời nào. Đi cách nhau trong hành khách, họ lo-đăng bước xuống thang máy bay. Sako nhướng mắt tìm cái bóng phi nộn của bà vợ hiền đang đứng chung

trong đám đông lơ nhố trước lối ra phi trường. Khi thấy ông, bà liền gọi :

— Mình bị trễ hơn một tiếng đồng hồ. Trời ơi, em lo sợ làm sao ! Nhưng còn ân nhân của mình đâu ?

Bà ngó quanh, nóng lòng tìm cho thấy con người mà hai vợ chồng bà đã mang ơn vô kể.

Ra khỏi sân bay, nhà lão doanh-nghiệp và ông nhân viên bảo hiểm nhìn nhau một lần chót rồi ai đi phần nấy không nói lấy một lời từ biệt.

Qua cái nhìn cuối cùng này, Sako mới nhận ra một người khác hẳn, không còn nghi ngờ gì về vấn đề đó cả. Cũng không phải vị cứu tinh đã dùng cơm với ông ở Osaka trước đó 3 giờ, cũng không phải vị ác thần vừa ngồi bên ông trên chiếc phi-cơ hỏng máy. Ông nhận rõ ra đúng là người ông vừa biết lúc gặp nhau : một nhân viên quèn của một hãng bảo hiểm không liên quan ích lợi gì với ông cả.

Phần Tokizo Kikuchi cũng vậy, hắn thấy một kỹ nghệ gia không quan hệ gì đến đời sống khổ cực của hắn. Hắn quay lưng bỏ đi với cái chớp mắt nghi ngại.

Bà Sako còn cổ hủ :

— Ông ấy đâu rồi ? Vị ân nhân chúng ta đâu rồi mình ?

Kikuchi lúc ấy đã leo lên ngồi trong xe buýt :

« Trời đất ơi, cái ngày chi mà ghê gớm thế này ! Ờ, mình quên đến ga xe lửa trả vé tàu đã mua lỡ để lấy tiền lại, tiếc thật.

Lương-Trọng-Minh

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Thơ viên linh

Chân dung I

Nghe ra, khuất bóng anh rồi
bằng quơ người đã chót đời vung tay.

Mái sầu nhẹ nhẹ mưa bay
chân buông giữa bãi, rừng thay dấu hờ.

Nghe ra, lẫn bóng sương mù
sáng ga, đêm chợ giang hồ nhớ nhau.

Chín đời thương chuyện sót đau
trời bao la rộng ngàn lau điệp buồn.

Chân dung II

Dời đi chưa được nửa đường
đã nghe kẻ ở nuôi buồn chung thân.

Chuyện người du đẳng phân vân
mưa vai tượng đá, băng ngàn ấy sao.

Giọt sầu bỗng nhớ tên nhau
âm u chiều xuống thấp sau dáng người.

V.L.

CHỨNG TÍCH

NGHIEU-ĐỀ

khi ngày trút xuống khi đêm dấy lên
rồi nổi trôi hoài hoài số kiếp
thân thề mọc dài loài rong bèo phiêu lưu
những miền xa hoang vu không tìm kiếm

thôi bây giờ tiếng nói đã quên
đêm thăm sâu rĩ rả côn trùng
nước dấy lên tiếng thăm muôn năm
thôi bây giờ mây mặt trót quên

gió tràn trề lung lay đêm lục địa
lời nói phù du đi mất tắm
khi trở lại và bước dài như trốn
vũng biển nhìn tôi soi mặt lấm lem

gió cát mặn xua già trăng từng buổi
đá nằm im rêu mốc phủ đầu
bão biển đi qua tầm mồn hang hóc
chớp từng đêm soi chứng tích đón đau

N.D.

HỮU-PHƯƠNG

biết rằng

Tiền anh vào những chuyến đi
Biết rằng gió chẳng thương gì cánh chim
Khoảng xanh kia vẫn im lìm
Ngàn khơi tâm biệt dáng chìm trăng sao...
Biết rằng sóng thét mưa rào
Biết rằng mây gió ghen ngào trùng dương
Mắt Em dù chịu hạt sương
Môi Em dù sát thoa hương phật phai...
Anh đi : câu chuyện đường dài
Lẽ nào người mãi u hoài khổ đau ?
Đời anh đã kiếp con tàu
Mơ trên đầu sóng, buồn sau chân trời...

1961

sóng tóc

Trời nghiêng xuống đỉnh non cài
Tóc Em thành suối đỏ dài chấm chân
Đẹp như sóng nắng cuộn gần
Rõ màu biếc thắm trong ngàn đáy khơi.

1961



THƯ NHÀ

VÕ-PHIẾN

(tiếp B. K. số 121)

Còn vẹn vẹn chín năm nữa thì miền quê tôi kể là được sáp nhập vào bản đồ Việt - nam đúng năm thế-kỷ. Tôi tưởng tượng nếu mỗi địa phương được vui mừng làm lễ kỷ niệm những ngày lịch-sử như vậy thì có lẽ cũng là điều hay : thỉnh thoảng các lớp người sinh sau được nhắc nhở về lai lịch miền đất sinh trưởng của mình.

Riêng về phần tôi, tôi lấy làm hổ thẹn mà nhận rằng quả tình thường nhật tôi không ngờ quê hương mình có một quá khứ xa xăm đến bậc đó. Thăm dò cái quá khứ ấy ở đâu ? Chúa này kể chúa kia, vua này tiếp vua nọ chỉ trong có mấy trang sử nhỏ, cây cỏ trong miền mỗi mùa mỗi thay lá, hình

mây bóng nắng mỗi lúc mỗi đổi mới..., tìm cái cảm tưởng xưa cũ lâu dài ấy ở đâu ? Rốt cuộc chỉ có khi nào gần bà tôi, tôi mới thấy lịch-sử là mệnh mông. Suốt từ giờ này qua giờ kia, bà tôi kể cho nghe vụ kiện giữa chi phái lớn với chi phái nhỏ trong « gánh » họ Lê kéo dài ra liên miên, trong đó có bà góa phụ mang gạo lên tỉnh hầu quan suốt tháng, có ông tú viết đơn giúp cho bên này, ông lý thảo đơn giúp cho bên kia, có những vụ đốt nhà, đập lộn, nằm vạ, những chuyện nhì-nhằng vụn vặt bỗng nhiên hóa ra quan trọng chỉ vì thuộc về « mọi lần », bà tôi kể cho nghe đám hát ăn mừng của ông chánh tổng Hạ - ninh, đám cưới ông cử họ

Trần, những yến tiệc đãi đằng, bánh trái cùng những cuộc cãi vã, bà tôi kể về ước nguyện làm quan của gia đình này, về truyền thống đạo tặc của dòng họ kia, v. v. . . Những sự tích lớp lang ấy, với tất cả sự miễn tiếc của bà tôi, gợi lên trong trí tưởng tượng của tôi một di vãng ly kỳ và sâu thẳm-thẳm. Tưởng chừng năm trăm năm lịch-sử quá gọn ghẽ trên sách vở không đủ chỗ chứa những sự việc ngổn ngang phong phú trong kỷ niệm một đời bà tôi.

Bà tôi qua đời. Thời kỳ đang có nhiều rắc rối khó khăn, ai nấy lo cho tương lai hơn là bỏ thì giờ ra nghĩ quẩn về những vụn vặt của quá khứ. Lần lần tôi lớn lên, và tôi cũng đua đòi theo mọi người. Xứ sở gặp toàn những chuyện rối ren. Giặc giã, rồi nghị, rồi lại giặc giã ; chính-phủ này, chủ nghĩa này, rồi chính phủ khác, lại đường lối khác... Tôi cũng lằng xằng theo thời cuộc, nay đây mai đó. Rồi tới khi mỗi một, bèn dạt về một đô-thị lớn, xa hẳn tiếng súng, len lách giữa xe cộ ồn ào, dạo phố và tán dóc.

Thỉnh thoảng, hoặc nhân một ngày giỗ lớn, hoặc nhân một đám tang, đám cưới nào đó trong họ, tôi về làng. Và những điều trông thấy thực khác xưa. Khu gò trước đình làng, nơi « mọi lần » vẫn diễn ra những hội hè đình đám tưng bừng, bây giờ thực ra chỉ là một khoảnh đất sỏi cằn cỗi, lơ thơ mớ cỏ may quét vào ống quần, một khoảnh đất thật là nhỏ hẹp quá chừng, đi có mấy mươi bước đã hết ! Dấu chân ông Khổng-lồ vừa bé vừa cạn, mùa nắng không còn một giọt

nước đọng, tới nổi cây rù rì mọc bên bờ vàng héo đi, tưởng sắp chết khô.

Về phía các nhân vật thì cháu đích-tôn ông chánh tổng Hoàn của « mọi lần » ngày nay chỉ là một anh chàng bán thịt heo ngoài chợ, người thấp lùn, thường buộc cái khăn lông rất bản quanh đầu. Chi phái lớn của « đồng » họ Lê còn lại một người con gái có chồng tập kết ra Bắc, tuổi ngót ba mươi, nước da vàng vì bệnh sốt rét ; chị ta mua lại cái máy may cũ về may thuê những quần cụt áo cánh và áo bà ba trong căn nhà lụp xẹp ở đầu làng. Nhờ ăn mặc sạch sẽ, chị ta cũng hấp dẫn được mấy người đàn ông ngày thường loanh quanh tán tỉnh, giọng cười nói thô kệch, khả ố thế nào... Ông tú Từ-lâm ngày nay vẫn còn sống. Về già ông ta trở lại quý mến cụ Khổng hơn bao giờ hết : năm khi mười họa gặp lại tôi, thế nào ông ta cũng hỏi mượn một tờ tạp chí *Nhật nhật tân* của hội Khổng học. Giá cụ Khổng còn ở đời mà trông thấy một môn đồ trung thành như vậy tôi chắc cụ cũng không thể cầm lòng được, cụ sẽ tha thứ hết những năm lang thang phóng túng, sống ngoài lề xã hội đạo đức của ông tú Từ-lâm. Nhưng tiếc thay cụ Khổng không phải là bác sĩ, mà ông tú Từ-lâm ngày nay thì lại cần đến thuốc men thực công hiệu mới sửa chữa được hậu quả những phóng túng trước kia, hơn là cần đến sự tha thứ. Ngày nay thì ông ta ốm yếu quá sức, lúc nào cũng mặc kín từ đầu tới chân, choàng áo bành tô, mang bít-tết cao tới đầu gối, tránh gió tránh nước, run lấy bầy từ bàn tay cho đến quai hàm dưới. Những năm sống ở thị thành còn lưu lại nơi ông tú già

cái bệnh nghiện cà-phê. Đi tới nhà ai ông ta cũng bọc theo trong túi một gói cà-phê bột, ông ta xin một ly nước sôi, lấy bấy mở gói ra, trút cà-phê vào ly rồi dùng cái đĩa tách đây kín lại. Một lát sau, ông ta gạn chắt nước cà-phê ra chén, cho vào một ít đường. Trong cách thưởng cà-phê Tây-phương của ông tú Từ-lâm có pha trộn lai-cãng lối dùng trà của người Á-Đông xưa; nhưng trông hai bên Đông Tây gặp nhau tình cờ ở nơi cái già nua lắm lắm, ở những ngày tàn rất tiêu điều của ông tú Từ-lâm, người ta nghĩ thà rằng giá nó đừng gặp gỡ nhau lại hơn.

Ờ! về phía các nhân vật sao tôi lại không chú ý đến Năm Thiều, người con trai của Thập Tam? Anh ta cưới Xuân hồi mới đình chiến. Gần đây tôi có gặp lại, người thiếu phụ đó mới có hai đứa con mà trông già hơn anh chồng nhiều quá. Chị ta giống tính mẹ, ăn mặc xuềnh-xoàng, dơ dáy, không để ý tới chuyện trang sức chút nào. Anh chồng, làm dân vệ xã, thì lại như một cậu con trai mới lớn: có một lần gặp nhau, tôi trông thấy anh ta mặc quần ống túm, đầu tóc uốn dợn phía trước, chải tằm phía sau. Tôi tò mò sờ vào sợi dây chuyền vàng nặng một lượng anh ta đang đeo quanh cổ, hỏi: « Anh sắm cái này được bao lâu? Lần trước tôi không thấy. Đồ này phát tài lắm, phải không? » Anh ta đỏ mặt, chối liền: « Nhà tôi vừa mới đưa tôi đi sửa, đem về chưa kịp trả lại đó chớ! » Chị vợ đứng bên cạnh, ngó lảng về phía khác, mỉm cười,

tha-thứ câu nói dối của anh ta, để dài như tha thứ một đứa trẻ.

Người thiếu phụ có nụ cười biếng nhác đó hiền lắm, chịu thua, chịu thiệt hết; chị ta làm lơ trước những vụ ngoại tình lãng nhãng của anh chồng. Chị ta cũng không ăn hàng vật vãnh như người mẹ trước kia. Nhất là chị ta không thích ăn bún và không bao giờ rờ đến một múi mít. Hình như là cái xác chết của thằng em trên vông hời nhỏ vẫn ám ảnh chị ta đến ngày nay.

Những hình ảnh ấy — từ khu gò trước đình làng, cho đến người cháu đích tôn của một giòng họ lưng lấy bấy giờ đứng bán thịt heo, từ ông tú Từ-lâm nhắc nhở một thế hệ xa xôi tàn tạ cho đến anh Năm Thiều của một lớp son trẻ lỗ lã — tất cả những hình ảnh ấy làm cho ngày nay quê hương đối với tôi hết cả cái hấp dẫn của thuở bà tôi còn sống. Tôi có cảm tưởng như một người đi tàu trong đêm trăng qua một miền xa lạ, nhìn phong cảnh hai bên đường chỗ nào cũng lung linh kỳ ảo, nhưng sáng ra xuống tàu, đứng ở một nền ga xép cũ kỹ nhìn xung quanh chỉ thấy toàn đồng khô cỏ cháy.

Lại một hôm, trong bữa tiệc cưới người anh họ ở trong làng, tôi được trông thấy con gà hầm, bẻ quặp mỏ xuống, có mấy sợi bún chẻ phủ qua loa lên mình làm áo tơi, có miếng đu đủ, vạt nhọn, khoét trung, chụp lên đầu làm nón, cặp dưới cánh cây cần câu làm bằng một khúc măng, con gà ấy ngồi giữa tô canh. Tôi rùng rờ: ông Lã

Vọng ! Vì con gà luộc trông bộ thiếu nào ấy chính là ông Lã Vọng của bà tôi « mọi lần » ! Tôi thấy cạn hẳn đi cả cái thời xưa sâu thăm thẳm và rộng mênh-mông. Tất cả cái thời xưa của bà tôi nghèo sút đi rất nhanh chóng.

Hai năm liền tôi không về làng. Mà tôi cũng không thấy có gì đáng tò mò về chỗ làng mạc của mình nữa.

*
* *

Thế rồi tình hình trở nên nghiêm trọng. Ở đô thị, người ta khao khát nhau về những chuyện dữ xảy ra ở thôn quê. Người ta đâm hồ nghi, e ngại tất cả, coi như nguy cơ rình rập ở khắp nơi, và một người khôn ngoan không bao giờ nên liệu mình đời gót ra khỏi thành phố lớn. Những thôn quê, làng mạc, đồng ruộng... thuộc về một thế-giới càng ngày càng bí hiểm, càng khả nghi, trí trá, càng cách biệt.

Cổ nhiên từ đó tôi càng ít có dịp nghĩ tới chuyện về thăm làng. Thỉnh thoảng một tin tức tình-cờ đưa tới : tin người này bị tổng tiền, người kia bị quyền lúa, người khác bị lạc đạn. Rốt cuộc đến một tin về Năm Thiều : từ lâu tới đến anh ta vẫn bỏ nhà, tránh đi ngủ ở nơi khác để khỏi bị địch ập tới khủng bố, sáng hôm ấy anh ta về gần đến nhà thì bị một tên địch núp trong bụi nhăm nổ súng. Phát đạn bắn trượt. Anh ta xông vào, hai bên ôm nhau vật huỳnh huyếch. Chị vợ anh ta đang ngồi giặt đồ bên giếng, nghe tiếng súng, chạy ra. Chị ta lính quỳnh, trông thấy người chồng vật nhau, thấy hai bên rời nhau ra, thấy anh ta giặt quần-lưu đạn, rút chốt và thấy người kia bắn

một phát súng lục vào bụng trước khi anh kịp ném lưu đạn.

Tôi nghe nói chị gặp ai cũng bảo nếu lúc đó chị ta không lính quỳnh, chị chạy thẳng tới kịp thời, đập vào đầu tên kia một cây thì làm gì chồng chị đến nỗi chết. Chị ân hận mãi, như chính mình đã giết chồng ; gặp ai chị cũng nói đi nói lại chừng ấy, như một người điên. Hai lần trong đời, người thiếu phụ ấy nghĩ mình có trách nhiệm về cái chết của kẻ khác, trong những trường hợp mập mờ...

Sau đó ít lâu, tôi gặp Thập Tam ở thủ đô. Ông ta mặc tây, để tang con bằng một miếng vải đen nhỏ cài ở mép áo sơ-mi ngang ngực. Tôi không để ý Thập Tam bắt đầu mặc tây từ bao lâu, chỉ biết đến giờ vẫn còn vụng về quê kệch : tay chân cứng ngắc và đen đui có vẻ xa lạ với thứ y phục trên người, mà y phục trông cũng nhàu nhò nhóp nhúa quá lắm. Tuy không hiểu vì lẽ gì ông ta lại đổi cách ăn mặc như thế, tôi cũng thấy rõ ông không có vẻ một ông già làm đom. Trái lại, Thập Tam ngày nay trông chừng chặc, nghiêm khắc, và phẳng phất một chút buồn thảm trên nét mặt. Không còn gì ở ông khiến người ta nhớ lại câu chuyện bà hai Hồ ngày xưa.

Hỏi : « Ủa ! Ông vô đây hồi nào ? »

Ông ta đáp :

— Non một tháng.

— Ở đâu ?

— Tôi có đưa con gái theo chồng vô làm ăn trong này đã lâu, ở bên Khánh-hội.

Tôi cười : «Thăm con gái, luôn tiện chơi Saigon một chuyến hã ? »

Ông ta cũng cười, nhưng buồn bã :

— Có lẽ ở luôn, chứ không phải chơi đâu.

— Ủa, sao vậy ?

— « Tụi nó » đòi giết tôi... Thầy chưa biết tin thằng Năm...

— Dạ, có nghe nói rồi. Tội nghiệp...

— Xong thằng Năm, « tụi nó » gửi giấy dọa giết tôi. Thầy tính tôi già rồi, sức yếu, chỉ có vài trái lựu đạn, chắc gì xoay trở kịp. Tôi tính xin từ chức tránh đi cho xa xa... ờ, chắc thầy không biết lâu nay tôi làm phó thôn trưởng.

Tóc Thập Tam đã bạc gần hết, có nhiều sợi vàng như cước, thật đẹp. Tuy vậy mà so với tuổi tác thì ông ta chưa có vẻ đã yếu sức như lời ông ta nói : thịt da gân cốt ông coi bộ còn rắn chắc lắm.

Chợt ông ta nói với tôi : « Nhà thầy ở đâu, để tôi đến chơi cho biết, thỉnh thoảng còn lui tới cho vui. Vô đây, gặp một người quen mừng lắm. Ở lạ chỗ, buồn quá ! »

Tôi vội vã xin lỗi về sự vô tình của mình, và mời ông già về nhà. Tại bến ô-tô-buýt, buổi trưa, trời nóng hầm hầm. Khói dầu cặn khó chịu, ông cụ già không quen, nhúu mũi lại, rồi rút chiếc khăn đậy mũi cho tới khi xe chạy. Bàn tay khỏe mạnh mà vụng về của ông ta chụp nắm thành xe lấy bẫy, khó khăn. Ông ta chưa quen với cảnh hoạt động lộn xộn, chưa quen với tốc lực

của nhịp sống đô thị. Từ tâm hồn cho đến bàn tay bước chân của ông đều hã còn xa lạ, bơ ngỡ, lạc loài, giữa cuộc sống mới này.

Tôi không về, mà làng quê tôi vẫn có cách đuổi theo đến đây. Trông nó lụp chụp, tội nghiệp.

Tôi đưa ông già về tới nhà, trời càng nóng hầm. Da trời một màu bầm tím. Suốt buổi xế trưa, thỉnh thoảng lại có tiếng sấm rền. Mây dờn lớp này lên lớp nọ, chồng chất nhiều tầng. Cơn mưa dông chuyển mình quần quai, vận dụng toàn lực một cách khó khăn.

Ông cụ già để ý theo dõi sự tiến triển của cơn dông một cách tò mò. Tôi nhận xét : « Đây là trường hợp thật đặc biệt. Thường thường ở trong này mưa dễ dàng, gió lạnh thổi qua một lát là mưa đến ngay ». Thập Tam tiếp theo nói chuyện về mưa nắng, thời tiết ở ngoài miền quê.

Mãi tới hơn bốn giờ chiều, mới đổ xuống cơn mưa, mà trời vẫn nắng. Mưa đổ rào rào. Lá cây bắt đầu ướt lóng lánh, lá những cây sột sạt, cây mướp, cây vú sữa trước sân ướt vô duyên trong khi trời cứ nắng. Mưa kéo dài một cách khó nhọc. Hơi đất xông lên khét lẹt. Một cơn se sẽ gặp cơn mưa bất ngờ, sà xuống đậu trên vành chum trước mái hiên, xây qua xây lại hai ba lần, như chưa vừa ý.

Thập Tam vừa nói chuyện vừa ngó theo con chim, lãnh đạm.

Một lúc, chừng hơn mười phút sau, cơn mưa dứt một cách nhục nhã. Mặt đất nhớt nhúa. Khí trời oi-bức.

Ông cụ già lần hồi kể với tôi những chuyện đổi thay ở xóm làng những năm gần đây. Và tưởng như tất cả những người và việc tôi từng biết qua lần lần lùi vào một thời « mọi lần » mới, tất cả hứa hẹn mờ đi nhòa đi trong mênh mông.

Vì tình hình an ninh đặc biệt, làng quê tôi lùi xa mặt mù đối với kẻ ở đô thị ; và sự cách biệt ấy đẩy nó vào một cõi bí ẩn mới.

Thập Tam đứng dậy ra về. Trông ông ta túm ống quần tây kéo cao lên, len lách giữa con đường hẻm lộn xộn của ngoại ô, trông cái hình ảnh lạc loài khiếm tốn ấy, tôi nghĩ đến hoàn cảnh lạ lùng với những sự việc khác thường xảy ra ở cái miền quê mà ông vừa thoát ra.

*
* *

Tiếp liền mấy hôm sau, chiều chiều trời lại mưa. Cuối năm nay mùa mưa ở Sài Gòn kéo dài hơn mọi năm.

Đi làm về, tôi nhận được lá thư : thư nhà. Tôi chợt nhớ ra đã ba năm nay, lần nào, vào dịp này, tôi cũng được gia đình gửi cho một lá thư. Dịp ấy là ngày giỗ bà tôi ; bà mất vào cuối năm.

Thư do em tôi viết — cũng như mọi năm trước, — nhưng lần này, sau mấy giò thăm viếng, liền có tin khác thường : « ... Em và mấy cô về nhà trước một hôm. Buổi tối đoàn văn nghệ ở tỉnh đến trình diễn trong làng, em có đi coi. Dân chúng kéo tới vừa đông, ban kịch sắp sửa kéo màn lên thì nghe lác-đác có tiếng súng nổ ở xa. Nhiều người xi-xào, e ngại. Ông trưởng đoàn văn nghệ liền

cho máy phóng thanh phát ra mấy bài ca tân-nhạc để lấp tiếng súng, trấn tĩnh đồng bào. Rồi ông ta xua tất cả các diễn viên trong đoàn lên chiếc xe bianchi to tướng ; ở trong đó không nghe động tĩnh gì bên ngoài, họ yên-tâm tiếp-tục ca-hát, cầm chừng.

Gần nửa giờ sau, liên lạc đem tin đến, và người ta quyết định hủy-bỏ buổi trình diễn văn-nghệ, đồng bào được hướng-dẫn để giải tán. Em không được về nhà đêm đó : hướng đi về phía này bị coi là nguy hiểm, có dân vệ bố trí, canh gác.

Em theo một đám người dầm về tạm nghỉ tại trụ sở xã, nằm nghe súng nổ, lúc nhạt lúc thưa. Đánh nhau trong đêm tối thật là lộn xộn ; có khi nghe nói bên phía địch có tới một đại đội, một lát sau lại nghe bảo lực lượng họ không tới một trung, một chập có người chạy tới báo rằng đã có bảo an trên quận xuống tiếp viện, chập khác lại bảo là chưa thấy gì.

Khi đã khuya, thấy có người cầm cây đuốc dẫn đường cho hai người khác khiêng một chiếc võng tải thương. Anh có biết người thương binh đêm hôm đó là ai không ? Bác Bốn Thối !

Bác ta bị trúng đạn ở đùi, không gãy xương. Băng bó xong xuôi, bác ta nhận tin về nhà, và một lát sau thì vợ con chạy đến xúm xít, vây xung quanh, tít ta tít-tít. Lần lượt bốn người dân vệ khác được khiêng về, một người đã chết rồi.

Bác Bốn Thối bảo vợ con đỡ dậy, ngồi dựa lưng vào vách, đốt thuốc lá hút. Mờ sáng, chiến trận kết thúc đã lâu,

mấy người dân vệ trở về báo với bác ta rằng tên địch đã bị bác ta đập một báng súng vào đầu, tên ấy vẫn còn bị bỏ nằm đó, không được đồng bọn mang đi. Lúc ấy mới rõ là bác ta có giết được địch. Bác ta vừa nghe, vừa nhún chân mày, giờ ngón tay bóp đầu gối thuốc sắp tắt, chăm chú hít một hơi dài để cứu nó khỏi tắt. Má bác ta hóp lại. Anh có nhớ bác ta năm nay chừng bao nhiêu không ? em coi bộ bác đã lớn tuổi, không hiểu sao còn ở trong hàng ngũ dân vệ.

Lúc xe cứu thương đến chỗ đi, bác ta cứ xin ở lại, làm như người vợ và mấy đứa con xúm xít có thể chữa khỏi vết thương cho bác. Người ta nhất định đem đi, và khi lên xe trông bác ta buồn thiu !

... Giở bà năm nay chỉ cúng vái qua loa, bà con không có ai tới dự. Mọi người đều xúc-động... »

Đọc xong bức thư hồi lâu, tôi ngẩng lên, trời đã mưa từ hồi nào. Lúc đó vào khoảng sáu giờ rưỡi chiều. Nửa bầu trời u ám một cách hiền lành, mây đen mà vẫn còn phơn phớt xanh. Trời mưa bên này trong khi một phần ba bầu trời phía bên kia vẫn sáng sủa, chân trời vẫn có nắng, như thể là nửa bầu trời bên kia điềm tĩnh thần nhiên dương mặt nhìn nửa bên này mưa gió. Bên kia có những vẩn mây hồng, và những mây vàng : vàng đậm, vàng lợt, vàng màu da cam, màu mỡ gà, và ở chỗ giáp ranh với phía trời mưa thì mây chuyển sang màu xanh đậm buồn bã. Giữa khoảng trời rục rịch màu sắc phía bên kia, lâu lâu một hai con én bay

lẻ, liệng, đảo, nhào vút trong menh mông.

... « Giở bà năm nay chỉ cúng vái qua loa » Cuộc đời bà cụ hiền lành đến thế mà sao cứ phải dính líu mãi tới những việc hung dữ ? Bánh cỗ đồ bát bửu, gà bẻ ngư tiểu canh mực v.v... chẳng qua chỉ là mấy nét tô điểm qua loa trên cuộc sống của một miền nghèo khó. Mỗi lo lắng thường trực trong một đời bà tôi thực ra là cơm với mắm, mắm muối là một ám ảnh đeo đuổi mãi cho đến nỗi khi về già trí óc suy nhược của bà không đủ sức rời nổi nó nữa. Nhưng gì ồn ào to tát ngoài xã hội đều làm cho bà kinh hãi. Thế mà rốt cuộc bà chết giữa chiến tranh, chết rồi vẫn còn bị giặc già quấy động !

Lại còn anh Bốn Thôi nữa. Anh chỉ có niềm tin tưởng ở cái quây quần ấm áp của một nhóm vợ con. Trong đời anh đã trầy lên trật xuống, nhục nhã nhiều phen vì vợ con, rốt cuộc là để gầy ra cái tập thể nhỏ bé ấy, trong đó anh cảm thấy yên tâm, không cần biết đến cuộc sống menh mông. Trong đó anh cũng cảm thấy đầy đủ, dù sống dù chết, anh không muốn xa rời nó. Anh tưởng vợ con có thể chữa vết đạn cho anh dễ dàng như đã dùng dầu rái đắp lên những đường nứt nẻ ở bàn chân. Thế mà rồi mãi anh ta vẫn không được yên. Ngót hai mươi năm trời rồi, gần như hồi nào anh cũng phải cầm vũ khí trong tay : anh né viên đạn của bên này, tránh viên đạn của bên kia, đỡ ngọn roi của bên họ... và anh cũng lại đánh trả nữa. Và nét mặt anh thì lúc nào tuồng như cũng rầu rầu, nguội lạnh như một người ngoại cuộc.

Vậy mà những hoạt động của anh đã làm ra tình hình của xứ-sở. Ở Hoa-thịnh-đốn, ở Mạc-tư-khoa, ở Bắc-kinh, Tân-Đề-li, Vọng-các, Ba-lê v. v..., ở khắp các nơi trên thế giới người ta theo dõi anh, bàn tán về anh. Người ta đem anh ra so sánh với người dân Đức ở Bá-linh, người dân Lào ở Vạn - Tượng..., người ta dòm ngó, dò xét cử - chỉ của anh, cân - nhắc, đánh giá sự can đảm của anh, tài-nghệ của anh. Xung quanh hành động anh chắc chắn có những cuộc mặc cả, những trù hoạch bố trí, những mưu mô âm thầm giữa nước này nước nọ. Và cũng có cả những lời hô hào, cổ vũ, những tuyên bố lớn tiếng về nhiều vấn đề quan trọng, lý tưởng cao đẹp.

Mà như vậy phải chứ. Việc anh ta làm là nằm trong khuôn khổ cuộc tranh chấp giữa những lý thuyết lớn lao và cao đẹp mà. Tiếc thay cuộc tranh chấp lớn lao thường khi bị bắt buộc phải khuấy-động đến cả những đời sống hèn mọn, phải dùng đến những phương tiện nhỏ ấy để làm ra cái lớn lao.

Thời kỳ này quan trọng. Công việc của những người như Bốn Thôi có ảnh hưởng tới mai sau. Nói một cách văn hoa, anh ta đang làm lịch sử đấy chứ : lâu nay anh ta vẫn rầu rầu làm ra lịch sử với một vẻ hững hờ, nhản nại. Tôi nhớ dáng bộ của anh hơn mười năm trước, khi anh ta lom-khom cúi xuống bê tỉn mắm vét vào cái bát, nhớ tiếng động nhỏ mà anh khua trong khoảng vườn vắng vẻ. Tôi hình dung nét mặt anh mấy hôm vừa qua, lúc anh nhíu chân mày, chăm chỉ bóp nát đầu điều thuốc, sau khi dự một trận đánh về...

Một nét mặt khác hiện đến : nét mặt của chị Lộc, khi chị cúi đầu bẽn lễn, nói với bà tôi bằng giọng dịu dàng : « Con nói thiệt đấy mà ! » Đến lúc ông tú Từ-lâm đem ra phát giác công khai sự bí mật của anh chồng, người ta mới lạ lùng về thái-độ của chị. Chị làm như không có chút gì buồn lòng về số kiếp đau đớn của mình. Thái độ bình tĩnh dịu dàng, thụ động khuất nhục ấy, ngày nay khi tôi đã lùi ra xa cách xóm làng vừa bằng một quãng thời gian vừa bằng không gian, tôi có cảm-tưởng như đó là thái độ của tất cả miền quê mình...

Chiều vẫn còn mưa nửa trời. Những con én chiều bay lẻ đã lặn mất vào bóng tối. Một ngọn đèn hiệu của hàng-không mở một chấm đỏ đậm, tối sẫm, buồn thiu, giữa lưng chừng khoảng không. Sấm rền từng hồi râm rỉ, không dữ dội.

Chiếc máy thu thanh của một nhà nào ở bên sông mở to, ca hát inh ỏi. Tưởng như có một người con gái khổng lồ, rình chờ cho bóng đêm vừa hạ xuống, liền vươn dài cổ, chồm mồm ra, hát lớn, cho tiếng hát lướt từ bên này qua bên kia bờ sông.

Giọng đàn bà vẫn hát xông xống trên mặt sông, chợt nổi lên một tiếng còi tàu Diesel. Tiếng còi khởi đầu một cách quá hiền-từ chậm chạp, vẻ khoan hòa bình tĩnh của nó làm cho người nghe ngạc-nhiên. Bởi vì xưa nay, các tiếng còi thường đột ngột, tiếng còi thường báo hiệu một nguy cấp. Trái lại, tiếng còi của đầu máy Diesel như làm nhiệm-vụ của nó một cách uể-oải, tặc-trách, hững-hờ. Tiếng còi tàu kéo dài một lúc mà không che lấp tiếng mưa rơi lác-rác trên mái ngói.

Và tôi nằm, bên tai lác rác tiếng mưa rơi trên mái ngói, cầm lá thư nhà trong tay, một chiều cuối năm tưởng nhớ tới một bà cụ già thường loay hoay giữa rất nhiều chum mắm, tới anh chàng quá nửa đời người loay hoay giữa một đám đàn bà không thành hẳn được là vợ mình, cùng với một thiếu phụ cho đến chết chỉ có loay hoay với cua!

Khốn nạn cho tôi! vào dịp cuối năm — đầu là một năm Con Trâu — đáng lẽ người ta nên có nhiều lối nghĩ về quê hương một cách vẻ-vang hơn mới phải.

*
* *

Còn mấy ngày nữa tới tết, tôi tìm đến thăm Thập Tam theo địa chỉ ông ta cho biết hôm nọ.

Người chị của Năm Thiều không nhìn ra tôi: chị cũng bỏ làng đi từ lâu lắm rồi, tôi phải nhắc lại tung tích, chị mới nhớ ra. Nhưng chị nói:

— Cậu tôi về rồi... về ngoài quê.

— Ừa!

— Cậu tôi mới đi cách đây ba bữa.

Chị ngừng lại, nhếch một nửa cười buồn bã, vẻ chế giễu nhẹ nhàng, đầy thương mến. Người ta biết một hình ảnh vừa thoáng qua trí chị.

— Thầy ngồi! Mời thầy dùng chén nước...

Sao chị lại bỏ ngang, không nói đến điều mà chị đang nghĩ? Tôi hỏi gọi:

— Bác ấy mới gặp tôi, không thấy đã động gì tới chuyện về hết!

— Dạ, hồi mới vô cậu tôi tính ở đây luôn đó chứ; cậu tôi ngán ngoài đó lắm. Mới non vài tháng nay chứ mấy. Vậy mà bây giờ chịu không nổi nữa, còn có mấy ngày là tới Tết mà cứ nhất định đòi về, không nói thế nào cầm lại được. Già rồi, tánh khí nhiều lúc buồn cười. Khi cậu tôi mới vô, nhà tôi đưa đi coi các nơi trong đô thành. Ban đầu cậu tôi vui vui, thích ý được năm hôm. Rồi cậu không muốn đi chơi đâu nữa. Nhớ nhà, lúc đó là bắt đầu nhớ nhà rồi!

Chị lại cười. Lần này thì tôi hiểu vừa rồi chị đã nghĩ đến cái hình ảnh nào. Chị nói tiếp:

— Nhà buôn bán lật vật thế này, cậu tôi không chịu được ồn ào, cả ngày nằm trên gác. Tôi biết nằm mãi cuồng chân, bực bội khó chịu, vả lại gác lợp tôn, buổi trưa nóng lắm; nhưng ép cậu tôi xuống dưới nhà này thì, kể ra người vô lộn xộn, ông già ngồi lơ lảo, coi thêm buồn và tội nghiệp.

Ở trên gác một mình cậu tôi tần-mẩn để ý tới nhiều cái kỳ cục lắm. Một bữa, chừng hơn chín giờ đêm, nhà tôi vừa lên gác, cậu tôi liền nói: « Hai ba đêm nay, tao nghe con gà nòi nhà phía cuối đường, cứ gáy vào giờ này. Sung sức quá rồi đó nghe. Gà của ai đó, phải nói với họ cho « xỏ » đi. » Thầy biết không? « Xỏ » là cho gà nó đá nhau qua loa cho bớt sung sức. Nhà tôi cười: ai hơi sức đâu đi tìm chủ gà mà nói những chuyện như vậy, ở thành phố này hơi nào để ý tới những chuyện đó. Thầy ơi! vậy mà rồi bữa sau cậu tôi tìm tới ông cụ ở cuối đường làm quen, nói chuyện gà đó!

Cậu tôi để ý tới tiếng gà, tiếng chó như thế, nhà tôi hiểu là không thể cầm cậu ở lại Sài-gòn được: cậu nhớ làng xóm quá rồi. Thầy tính, ở chỗ thị tứ xe cộ ồn ào như vậy mà để lỗ tai lắng đón không sót một tiếng gà gáy, vậy thiệt là quá-quắc chó phải chơi sao?

Một người đàn bà mới bước vào, tay cầm cái vỏ chai la-ve, cũng cười góp với chúng tôi. Nhưng người đàn bà cười lâu hơn tất cả chúng tôi, khiến chị con gái Thập Tam sau khi đã dứt rồi lại nhếch miệng cười thêm lần nữa, giống như một người chủ nhà lễ phép, ăn đã no còn xới thêm một chén cơm ngồi cầm khách. Nhưng mà chị cười buồn bã trông thấy.

Tôi hỏi: « Bác về như vậy... có biết tình hình ngoài ấy ra sao không? ».

— Theo tôi thì cũng chưa có gì thay đổi đâu. Mới cách có vài tháng, làm gì đã có thay đổi. Nhưng cậu tôi nghe nói nay có cấp phát cho cán bộ thôn ấp mỗi người một khẩu súng « ca-líp 16 ». Cậu bảo: « Tao về lãnh một khẩu, « tui nó » có tính giết cũng khó. »... Nhưng tôi cho lý-do chánh là tại cái tết. Ngày hết tết tới, cậu tôi bồn-chồn, nóng nảy, không chịu được, bảo là nhất-định phải về: ra sao thì ra.

Người đàn bà cầm cái vỏ chai la-ve lại cười, thích trí. Bà ta góp ý:

— Tết nhất năm nay ở nhà quê thì có cái gì mà lo về!

Chị con Thập Tam nói:

— Chúng tôi cố mời cậu gắng ở lại chơi cho biết một cái tết Sài-gòn mà không được.

Người đàn bà sốt sắng:

— Tôi dám chắc tết Sài-gòn năm nay hổng có gì dui đâu. Năm ngoái đã buồn. Năm nay tôi nói rồi còn buồn hơn cho coi. Mấy người không biết chó các năm trước, trời ơi! tết tới pháo rần trời, ăn chơi thả cửa, dui hết sức...

Chủ nhà tỏ vẻ tán thành, bằng cách nhếch miệng cười buồn bã. Người đàn bà vui vẻ góp chuyện một lúc rồi trả vỏ chai cho chị, tính tiền, ra về.

Sự can thiệp của người đàn bà tuy thế mà xoay hẳn câu chuyện khỏi cái hướng đáng lẽ là buồn thảm. Tiếp theo người ấy, tôi cũng cáo biệt, tránh không động đến cái chết của Năm Thiều. (Không biết người chị nghĩ gì về cậu em, riêng tôi, đối với anh con trai hí-hửng với sợi dây chuyền vàng ấy, tôi cứ có cảm tưởng như đó là một con nai tơ to xác lông-ngỗng, vô tội, bị ngã quá sớm trong cuộc săn).

Thôi, thế là cuối năm, một người nữa lại quay về, gắn liền vận mệnh mình với số phận làng mạc.

Gió đưa ông Thập về làng.

Ở lại đô thị, không phải là « bà đội », « bà Thập » nào, mà là những kẻ như tôi! Những chiều gió lạnh cuối cùng của một năm, tôi đón tờ báo chạy bán sớm trên các đại lộ Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Tự do, quanh Bùng Binh chợ Bến Thành v.v.. dò theo những tin tức chiến sự các nơi.

Tôi trông ngóng, chờ đợi. Những tin tức ấy, chúng là cái liên lạc hàng ngày giữa tôi với xóm làng mà tôi không về được. Trong những ngày như thế, tờ nhật báo đối với tôi có một sự hệ trọng khác thường.

Tôi cho rằng ngay trong tiếng rao báo đã có cái hấp dẫn đặc biệt của nó. Có người nói tiếng rao của người bán hàng rong ở ta thường phô trương sự phong phú của âm thanh tiếng Việt: đó có lẽ là người ta muốn nói tới trường hợp những cô bán cháo, bán chè đêm đêm trên bờ sông Hương chẳng hạn. Ngoài ra, không phải lúc nào tiếng rao hàng của người Việt-nam cũng ngân nga, cũng lên bổng xuống trầm, như ca như hát, và kéo dài ra đúng đa đúng đỉnh. Tiếng rao hàng phải phù hợp với hoàn cảnh, với tính cách của món hàng. Ai đi xe đồ, qua các cầu dài và hẹp bắt qua các con sông Cửu-Long, Đồng-Nai rộng lớn, xe phải ngừng lại chờ nhau ở hai đầu cầu, ai đã đi xe qua bắc Mỹ-Thuận, đều phải chú ý đến tiếng rao bàng ở những nơi đó: người bán hàng bu tới bên hông những chiếc xe mới ngừng hay nổ máy sắp chạy và la lên, lặt đặt, vội vã: «Ai ăn khóm! khóm! khóm! khóm!... Mía! mía! mía!...» Không còn đâu là trầm bổng du dương nữa: chỉ có một vẻ lộp chộp, gấp rút. Tiếng rao đó cũng nói lên được một khía cạnh của nhịp sinh hoạt ngày nay.

Trở lại tiếng rao nhật báo. Nó gọn lỏn không nặng, nó lớn hơn những tiếng rao khác, nổi bật trên những tiếng rao khác, Người bán báo vừa chạy vừa rao, vừa đạp xe đi vừa rao, vừa ngồi trên chiếc xe gắn máy cũ kỹ nổ vang tai vừa rao. Nói cho đúng thì là họ la lên một cách bất-thình-linh. Trong tiếng rao nhật báo đã có sẵn cái ý khẩn cấp, hối hả, gọi lên một cái gì thẳng thốt.

Mới ba, bốn giờ chiều đã có tiếng rao báo sớm chạy trên các đại lộ, trung tâm đô

thành. Rồi thì tiếng ấy lan dần mau chóng ra tới các khu phố. Vậy mà cho đến tám, chín giờ tối, người bán báo len lỏi vào các xóm lao động ngoại ô, la lớn bất ngờ, tiếng rao ấy nghe vẫn cứ hấp dẫn; cho tới khuya, khi ta đang ngồi trước một tô mì tô phở trong tiệm, người bán báo loáng thoáng rảo qua một vòng khắp các bàn ăn dĩa ra xấp báo, ta vẫn thấy tò mò kích thích, tưởng còn có hy vọng tìm thấy trong ấy một tin tức gì mới khác thêm nữa.

Người đọc nhật báo tò mò muốn biết xem cái nhân loại có mình trong đó đã làm được những gì đáng lưu ý trong hăm bốn giờ vừa qua. Và chao ôi, trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy loài người làm được nhiều lắm: tưởng không có hôm nào mở tờ báo mới ra mà không thấy có những sự việc động trời. Thật là kỳ lạ cho cái nhân loại thích cựa-quậy, hoạt động. Một nhà khoa học các-cô nhận thấy rằng trong mỗi nguyên-tử các điện tử quay cách xa trung tâm là hạt pơ-rô-tôn xa lắm, thành ra trong lòng sự vật có khoảng cách trống rỗng rất lớn, ví như có thể ép các phần-tử ấy sát lại với nhau, thì quả đất và tất cả dân cư sống trên ấy sẽ thu nhỏ lại còn được chừng bốn lít! Trong bốn lít ấy con người chiếm được chừng bao nhiêu. Thế mà cái thực chất tí teo ấy lại ồn ào hoạt động quá quắc.

Vậy chiều chiều, những chiều gió lạnh của thời tiết bất thường tại Sài-gòn cuối năm, tôi đón từng tờ nhật báo, dò dõi theo những hoạt-động rối rít của cái nhân loại rất ồn ào đó, mò mẫm lần lữa xem sự động tĩnh của một miền quê bé nhỏ, nơi ấy Thập Tam, Bốn Thôi, ... đang sắp sửa đón xuân, và những người bà

con còn ở lại xúm xít trước bàn thờ bà tôi.

Thật không ai ngờ có thể tìm thấy, trên tờ báo, tin tức thương xuân của một người đàn ông vô vị ở một nơi hẻo lánh xa xôi, bình sinh thường có tật vật lông mũi để tiêu sầu, tìm thấy những dấu vết nghèo nghèo do ngoe cua để lại trên ruộng bùn, những cỏ may lơ thơ phơ phất trên nông gò hẹp, những chum mắm hũ muối, cùng những sự việc nhỏ nhặt vô vị tương tự. Thế nhưng những kẻ như tôi mơ hồ tin rằng tờ báo nó có cách tiết-lộ về tất cả những cái đó. Nó viết theo lối riêng của

nó. Nó viết tất. Mỗi người xem báo tha hồ cảm xúc theo tâm sự, theo những kỷ-niệm riêng tư của mình. Mỗi người có một bản dịch riêng cho mình. Người đàn bà cầm cái vỏ chai la-ve nọ hiểu qua những tin tức hoạt động dồn dập ấy rằng : Tết này nhất định không *dui*.

Còn tôi, trên bản phiên dịch của tôi chỉ chừa vồn toàn là hình ảnh những nhân vật rầu rĩ lỗ lã, không hứa hẹn một vinh dự gì cho chỗ quê hương !

VÕ-PHIÊN

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes **JOB** Suprines

COFAT CHOLON

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

LÊ-TẮT-ĐIỀU

Người khách qua đường

NGÔI biệt thự của ông thân sinh Duyên trông hơi có vẻ nhỏ nhưng gọn và xinh. Hai cánh cổng sắt thường đóng kín. Những thanh sắt hai bên cửa xếp thành những đường cong cân đối tuy thưa nhưng thực ra vẫn đủ kín đáo để ngăn chặn sự đột nhập của mấy con vật thích đuổi cắn nhau và chạy bừa như : chó, mèo. Khoảng cách từ cửa sắt đến ba bậc thềm trước hiên lên phòng khách chỉ có chừng ba thước. Trên khoảng đất chật hẹp ấy ông chủ nhà vẫn cố gắng tạo được một cái sân cỏ xanh mướt, một con đường rải sỏi, hai bên có chậu kiểng đang hoàng.

Trong lúc ngồi tiếp chuyện tôi, cha Duyên, tức ông nhạc tôi bây giờ, thường phán năn :

— Căn nhà này xây dở quá ! Sân trước thì hẹp hòi, sân sau lại rộng mênh mông. Hơn nữa, nhà ở gần đường thì chẳng mấy lúc được yên tĩnh. Bụi đường bay vào suốt ngày bám bẩn cả bàn ghế.

Mỗi lần nói đến đây ông thường có lệ : nhấc chiếc chổi lông lên phẩy phẩy mặt bàn, mặt ghế vài nhát để đuổi bụi, rồi tiếp theo :

— Rầu nhất là cái sự những người đi đường có thể nhìn thấy hết mọi chỗ trong nhà mình. Chẳng lẽ lúc nào cũng đóng cửa im ỉm, nhưng hễ cứ mở ra là mình lại cảm thấy căn nhà trông như một cái quán chợ.

Tôi cũng đồng ý với ông ở điểm này :

— Vâng, nếu nhà được xây thụt vào chừng năm, sáu thước nữa thì đẹp quá!

Những câu chuyện nhạt nhẽo tương tự như thế dĩ nhiên không hấp dẫn, tôi đến ngôi biệt thự này luôn chỉ vì... Duyên!

Mỗi lần đem nước uống ra mời tôi, Duyên thường mỉm cười, môi chúm chím, đôi mắt mở to vừa có vẻ tò mò vừa có vẻ tinh quái. Cái nhìn của nàng gây trong lòng tôi một sự yêu đời bằng bột, tôi luôn luôn bị lây niềm vui trong tia nhìn ấy.

Tuy nhiên tôi có thể nói chắc rằng hồi ấy tôi chỉ quá mến Duyên, hay nói đúng ra thì tôi chỉ yêu... chút xíu thôi! Ngoài Duyên ra tôi còn một vài cô bạn gái khá xinh. Duyên không phải là một cô gái vượt được họ về tài hay về sắc. Hơn nữa, đang hồi tuổi trẻ tôi cứ định ninh rằng có lẽ tôi không thể nào lập gia đình. Tôi thích tự-do, nhà tôi lại nghèo. Lương tháng của tôi không có là bao, cha mẹ tôi thì già, trong khi sáu đứa em tôi còn cần sự săn sóc. Căn nhà tôi tuy không quá lụp xụp nhưng nóng không khác gì lò lửa vào những buổi trưa hè. Cái nóng hắt từ mái tôn xuống ngọt ngọt và nặng nề như hơi lửa bếp. Mẹ tôi ngồi tựa lưng vào cánh cửa chân dưới dài, tay luôn phe phẩy quạt. Ba tôi và mấy đứa em tôi cũng trải chiếu nằm lẳng lóc trên nền nhà. Tôi thì cố gắng tìm một giấc ngủ nặng nề mê man như người bị sốt nóng. Lúc tỉnh dậy tôi cảm thấy chân tay bải hoải vô cùng.

Trước cảnh gia đình, trong một căn nhà như thế người vợ tương lai của tôi sẽ bị nhét vào góc nào? Nàng sẽ làm gì trong một căn nhà chật hẹp đông

người như thế này. Tôi không thể cam tâm đưa một người tôi yêu vào cái thế giới con con khổ cực như nhà tôi.

Có lẽ tôi sẽ giữ nguyên tình trạng độc thân chưa biết đến bao giờ nếu không có sự xuất hiện của «hắn».

Từ trong một ngõ hẻm, hắn đi ra rồi bước dọc theo lề đường đi về phía nhà Duyên. Hắn bước những bước dài đầu hơi cúi. Thỉnh thoảng hắn lại dơ tay vuốt tóc. Hắn thường mặc một chiếc áo cộc tay vải kaki vàng, hai cánh tay hắn lộ ra đen xạm và to. Đến trước hai cánh cổng sắt nhà Duyên hắn chợt dừng lại, đi sát vào hai cánh cổng sắt, hơi nghiêng cổ nhìn vào trong nhà, rồi lăm lụi đi thẳng.

Chắc hắn mới đến đây, lần đầu tiên trông thấy hắn, trong lúc sửa soạn đi làm, thì tôi thấy hắn chăm chú nhìn vào nhà Duyên. Tôi không để ý lắm.

Nhưng những buổi sáng tiếp theo hắn đều nhắc lại một cách đầy đủ những cử chỉ trong buổi sáng đầu tiên tôi thấy hắn. Có lần hắn dừng lại khá lâu, tay phải nắm một chấn song sắt, lưng hắn hơi cong xuống, đầu hắn nghiêng đi trong một cử chỉ dòm ngó quá lộ liễu! Tôi biết rõ rằng mỗi buổi sáng vào giờ ấy, Duyên thường ngồi trong phòng khách học bài, hoặc nàng đến làm việc bên chiếc máy may kê gần cửa sổ. Nhà tôi không đối diện hẳn với nhà Duyên, con đường trước cửa nhà chúng tôi lại khá rộng, nhưng tôi vẫn thấy bóng Duyên loáng thoáng đi lại trong phòng khách nhà nàng.

Hắn nhìn một cách trơ trẽn quá, tôi cảm thấy ngán sự sống sượng của hắn. A! anh chàng mê Duyên rồi, nhưng chiêm

ngương sắc đẹp của nàng bằng cái lối nhìn lơ bịch ấy thì thật ngốc quá. Đầu tiên tôi thân nhiên nghĩ thế.

Ngày nọ qua ngày kia hắn cứ giữ lối nhòm ngó người đẹp một cách quá bất lịch sự khiến tôi cảm thấy hơi... bức mình ! Dần dần tôi không thân nhiên được nữa tôi cảm thấy vừa ghét vừa khinh miệt hắn. Đồng thời với sự khinh ghét hắn, trong lòng tôi bắt đầu nảy nở tình yêu Duyên. Giống như một đứa bé đã vứt bỏ một món đồ chơi, chợt thấy đứa trẻ khác dùng đến thì nảy ra lòng luyến tiếc vật cũ, tôi muốn luôn được ở gần Duyên, càng ngày tôi càng cảm thấy đôi mắt nàng tròn to và đẹp, nụ cười của nàng tươi quá, cử chỉ của nàng thật có duyên và dịu dàng.

Thế rồi ngoài sự lo nghĩ thường nhật tôi còn dành một chút thì giờ để nghĩ về hắn. Tôi bắt đầu nghi ngờ và lo lắng. Tôi chú ý đến đôi cánh tay gân guốc, thân hình to lớn của hắn. Tôi sợ cả dáng điệu vuốt tóc của hắn. « Chưa biết chừng hắn đã chiếm được cảm tình của Duyên rồi. Nếu không, hắn nàng đã tặng cho hắn một vài câu khiến hắn phải hổ thẹn mà bỏ cái lối nhìn kỳ cục ấy đi ». . . Ý nghĩ ấy khiến tôi dờ cả người mất hết lòng tự tin. Có lúc tôi tưởng Duyên là một cái gì cao cả đối với tôi. Làm sao tôi có thể chiếm được nàng ? Tôi sắp mất Duyên rồi ư ? Tình yêu Duyên như lửa cháy càng lúc càng to. Tôi bắt đầu sợ « địch thủ » thực sự !

Đôi khi được dịp trao đổi vài câu với Duyên tôi cảm thấy lúng túng, tôi chỉ muốn hỏi về anh chàng kia nhưng tôi không dám vì sợ có vẻ tò mò lơ bịch.

Càng ngày hắn càng làm tôi bận trí hơn. Tôi nghĩ nhiều về hắn. Một lần không chịu đựng được nữa tôi đi điều tra về chỗ ở và nghề nghiệp của hắn. Tôi làm việc đó một cách thân nhiên mà không hề nghĩ đến sự nhỏ nhen tí tiện của mình. Biết hắn ở một căn nhà lá lụp xụp, hắn làm việc trong một xưởng máy tôi mới hơi vững lòng. Tôi lập một bảng so sánh tài sản và địa vị trong xã hội giữa tôi và hắn. Cuối cùng tôi nhận thấy phần thắng nghiêng hẳn về phía tôi. Nhưng tôi lại nghĩ đến thân hình vạm vỡ của hắn. Tôi lại lấy làm thắc mắc không thể so sánh khuôn mặt hắn với khuôn mặt tôi. Sự hơn kém ở khoản này chỉ có trời và . . . Duyên biết. Tôi cảm thấy lo lắng hơn và tin rằng nếu tôi mất Duyên tôi sẽ khổ sở lắm !

Một lần tôi thấy hắn vừa nhìn vào nhà Duyên đã cuống quýt cúi đầu đi thẳng. Liên sau đó Duyên và thằng em trai mở cổng sắt ngó theo dáng đi vội vàng như chạy của hắn, rồi cả hai chị em nhìn nhau mỉm cười. Trong tiếng cười của Duyên tôi cảm thấy ý thương hại. Chắc anh chàng bị nàng nhìn lại và nói trêu một câu gì nên anh chàng ngượng quá bỏ đi, không dám đứng lại lâu. Tự nhiên tôi bức mình trước cử chỉ của Duyên. Nàng có vẻ bạo dạn quá. Sự kiên nhẫn của hắn đã khiến Duyên nao núng rồi chăng ?

Khi cái cảnh trên tái diễn đến lần thứ hai, thứ ba, thì tôi đã quyết định. Tôi không còn phản đối cha mẹ tôi khi hai người thúc tôi lấy vợ. Tôi năng đến nhà bạn bè họ hàng để tỏ

ý muốn họ giúp đỡ tôi về tiền bạc trong trường hợp tôi cần đến. Trước kia, ý nghĩ tìm cách cưới vợ thường làm tôi thẹn đến nong tai nhưng bây giờ thì khác hẳn. Tôi trở nên bạo dạn lạ thường. Mỗi lần tôi cảm thấy chán nản thì hình ảnh hẳn đứng trước cửa nhà Duyên, nhìn vào một cách bất lịch sự lại như khuyến khích tôi hăng hái tranh đấu để lấy cho được Duyên!

Cuối cùng tôi đủ điều kiện tài chính để cưới Duyên.

Gia đình Duyên vui vẻ chấp thuận. Duyên có vẻ cảm động khi nghe tôi thủ thỉ nói « Anh thú thật với em, anh yêu em từ buổi đầu!... » Tôi biết là tôi nói dối vì thực ra tôi chỉ yêu Duyên khi « hẳn » xuất hiện, nhưng tôi không ân hận gì...

*
* *

Bây giờ vợ chồng tôi sống với nhau thật hạnh phúc. Ai cũng bảo là tôi tốt số, tôi cũng tin thế. Tuy nhiên tôi không sao quên được buổi sáng sau ngày cưới, khi tôi đã trút hết nỗi lo lắng về hẳn vì tôi đã chính

thức là chồng Duyên. Tôi đứng ở bao lơn nhìn xuống dáng đi cúi đầu của hẳn. Tôi chợt cảm thấy thương hại hẳn. Hẳn đi dọc theo lề đường tay luôn luôn vuốt tóc, đến trước cửa nhà Duyên hẳn dừng lại và bết như mọi lần, hẳn nhìn vào phòng khách một cái rồi mới tiếp tục đi. Tội nghiệp! Anh chàng chưa biết rằng người đẹp đã có chủ rồi!

Lúc ấy, Duyên đứng sau lưng tôi, tôi chỉ hẳn và bảo nàng:

— Em trông kia! anh chàng kia ngó vào nhà em kiểm ai không biết?

Duyên nhìn hẳn rồi chợt nàng phì cười bảo tôi:

— A! anh ta xem giờ đấy! Sáng nào anh ta cũng ngó vào nhà em coi giờ ở cái đồng hồ quả lắc lớn treo trên tường phòng khách để liệu đi làm cho kịp giờ. Biết thế mấy đứa trẻ nhà em thỉnh thoảng lại vặn sai kim cho nhanh chừng nửa tiếng. Tưởng muộn, anh chàng đi như chạy, cuống quýt lên, buồn cười lắm anh ạ!...

Lê-Tất-Điều

Ai đã dùng đầu tiên danh từ « Bức màn sắt ».

Có người bảo Wilston Churchill đã dùng danh từ này đầu tiên, nhân khi đọc bài diễn văn ngày 5 tháng ba năm 1946 tại Westminster, College Fulton, Missouri (Hiệp-Chúng-Quốc), trong đó có câu:

— Một « bức màn sắt » đã buông xuống Âu-Châu.

Tuy nhiên, có người lại cho danh từ « bức màn sắt » đã do von Krosigh, tổng-trưởng tài-chánh của Hitler dùng trước, và chính Goebbels cũng đã dùng khi tuyên-truyền chống Cộng-sản.

SINH-HOẠT

Thảo luận về tư tưởng Mác-Xít

BÙI-HỮU-SÙNG

Lý thuyết Mác-xít đang ở trong một tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Thuyết ấy sẽ dón vào ngõ hẻm không lối thoát chăng? Hay nó đã bị xuyên tạc bởi Staline và Mao Trạch Đông và cần được thẩm lại trước sự tiến bộ kỳ diệu của thời đại nguyên tử. Đây là những vấn đề mà người trí thức của thế giới tự do thắc mắc tìm hiểu. Gần đây, cuối năm 1961, tại Ba-Lê, có tổ-chức một cuộc hội thảo về lý thuyết Mác-xít. Hội nghị ấy mệnh danh là « tuần lễ tư tưởng Mác-xít ». Các báo của Pháp có tường thuật đầy đủ. Tuần báo Arts số đầu tháng giêng 1962, có đăng một bài phê bình của triết gia Henri Lefèbvre mà chúng tôi xin tóm lược như sau :

Thành phần và chương trình nghị sự.

— Thành phần hội-nghị gồm những người Mác-xít và những nhà trí thức không Mác-xít như J. P. Sartre (phái hiện sinh) Jean Hyp-polite (giám đốc trường Cao-đẳng sư

phạm) E. Labrousse (sử-gia), Fourastié (giáo-sư) v. v. Một điều đáng chú ý : không được mời dự hội-nghị những nhà trí thức bị khai trừ ra khỏi đảng Cộng-Sản Pháp hay xưa nay vẫn chủ trương vượt tư tưởng Marx như Henri Lefèbvre.

Chương trình nghị-sự của hội-nghị gồm những vấn đề liên quan tới triết-học, xã-hội-học, lịch-sử, trị bệnh thần kinh (la psychiâtrie). Ngoài cuộc thảo luận bừng thú về triết-học, các buổi họp khác không có gì bổ ích để chúng ta nhắc lại ở đây.

Vấn đề triết-học đưa ra thảo-luận.

— Cuộc thảo luận này đã lôi cuốn được rất đông thính giả. Số người dự thính lên tới trên 6 nghìn mà phòng họp chỉ chứa được 3 nghìn, người ta phải đặt mấy phát thanh ra nhiều phòng lân cận để thỏa mãn công chúng. Công chúng Ba-Lê tò mò như vậy là vì sau vụ Berlin, sau vụ thử bom của Nga, sau khi Khrouchtchev hạ bệ Staline, đã kích bộn

Molotov và gây mâu thuẫn với Trung Cộng, với Albanie, ai cũng muốn xem những nhà trí thức thân cộng xét lại thái độ của họ ra sao và hướng tư tưởng của họ về ngả nào

Vấn-đề đưa ra bèn cái là vấn đề nguồn gốc của biện chứng pháp duy vật : Biện chứng pháp xuất phát từ đâu ? từ nơi tư-tưởng của con người, hay từ ở thiên nhiên ? (Chắc đa số độc - giả đều nhớ rằng triết-gia duy tâm Hegel phát minh ra biện chứng pháp rồi K. Marx mới mang áp dụng vào thế giới vật chất và xã-hội loài người. Theo hai triết-gia ấy, thì mọi vật đều biến chuyển, chứa đựng nhưng mâu thuẫn, ảnh hưởng lẫn nhau và bột phát. Vậy mọi sự đều triển diễn theo quá trình :

Chủ đề, phản đề, tổng hợp đề. Nhưng tư tưởng biện chứng, gốc từ đâu ? Ta hay nghe J. P. Sartre trình bày :

Trần-thuyết của J. Paul Sartre. — Trong bài của Jean Paul Sartre, phát ngôn nhân phái hiện-sinh, thuyết trình về vấn đề trên có hai ý-chính như sau :

1) Kiến-thức của chúng ta là gồm những khái-niệm (notions) mà khái niệm tối quan trọng là toàn khối (la totalité). Muốn hiểu biết một vật gì, thì ta phải đặt nó vào trong hệ thống toàn bộ của nó : Như muốn hiểu biết cái bàn, ta phải xem bàn ấy làm ra mục đích để bày ở phòng khách hay phòng ăn. Muốn hiểu tính tình, hành động và tư-tưởng của một người, ta phải đặt người ấy về vị-trí : tức là gia đình, thời đại, xã-hội trong đó người ấy đã sống và đã tạo nên.

2) Nhưng khái-niệm «toàn khối» ở đâu mà phát sinh ra ? Nó không thể có ở trong thiên-nhiên được. Nó ở trong bộ óc của con người đã quan-niệm nó, đã tư tưởng nó. Nói khác đi, biện chứng pháp bắt nguồn từ người không phải từ ở thiên nhiên.

Vả lại, thiên nhiên lớn tới vô cực, bé tới vô cùng li ti. Sự hiểu biết của con người chỉ có giới hạn; ở ngoài giới hạn ấy, triết học trở thành thần học (Le savoir humain a des limites. Au delà de ces limites, la philosophie devient théologique).

Phê bình trong hội nghị. — Trong hội nghị, có nhiều ý kiến phê-bình về bản thuyết trình của Sartre. Tựu trung, có hai ý kiến đáng ta chú ý : ý kiến của Garaudy và ý kiến của Vigier.

a) *Ý kiến của Roger Garaudy.* Ông là một giáo sư thạc-sĩ vừa đỗ tiến-sĩ triết học, luận án của ông nói về thuyết duy-vật «La théorie matérialiste de la connaissance» và đã được in thành sách tại nhà xuất bản Presses universitaires Paris. Ông đồng-ý với Sartre về khái-niệm «toàn khối» Nhưng về nguồn gốc của biện chứng Pháp, ý Garaudy trái ngược lại với quan-niệm của Sartre. Theo Garaudy, thiên nhiên cấu tạo theo quá trình biện chứng (une structure dialectique). Ông dẫn ra những bằng chứng lấy ở trong khoa vật-lý hiện kim, ví dụ những biến đổi của năng lượng (énergie). Rồi ông kết luận, tư tưởng biện chứng xuất phát từ thiên nhiên vì thiên nhiên phát triển, nhỏ từ nguyên-tử, phân-tử, lớn từ sinh vật, loài người, trái đất, vũ trụ v. v.

b) *Ý-kiến của Jean Pierre Vigier.*
Ông này là nhà Vật-lý học có khuynh hướng Mác-Xít. Đáng lẽ ông đứng trong lập trường khoa học để phê-bình Sartre thì ông lại đưa ra những lý do chính trị và lịch sử. Ông nhắc tới sách lược « sống chung » của Krouchtchev, ảnh hưởng bom nguyên-tử tới sự tiến hóa xã hội. Rồi ông cũng kết luận như Garaudy rằng tư-tưởng biện chứng bắt rễ từ nơi thiên nhiên.

Phê-bình ngoài lề hội nghị. — Các báo tường thuật hội nghị đều có phê bình. Nhưng lời phê-bình của triết-gia Henri Lefèbvre đáng chú ý hơn hết. Ông này đã viết nhiều sách giá-trị về thuyết Mác-Xít, và rất quen biết đối với học giả Pháp và Việt-Nam. Trước kia ông có chân trong đảng Cộng-Sản Pháp, gần đây ông bị khai trừ. Năm 1959, bộ triết-học « La Somme et le reste » của ông được phần thưởng Prix de la critique. Ngày nay ông vẫn chủ trương thuyết Mác-Xít là thuyết mở trái với các chính quyền hay đảng Cộng-Sản vẫn khư khư đóng kín lại và chụp lên đầu đảng viên một hệ thống kín mít. Ông không được mời dự buổi hội thảo, nhưng bài phê-bình được rất nhiều người tán thưởng. Ông nêu hai điểm chính :

- a) phê-bình về cuộc thảo luận
- b) phê bình về việc tổ chức hội nghị

a) *Phê-bình về cuộc thảo luận.* H. Lefèbvre cho rằng 3 ý kiến phát biểu trong hội nghị của Sartre, Garaudy và Vigier đều có tính cách phiến diện, một chiều (unilatéral). Thực ra, theo ông, tư tưởng biện-chứng không phải gốc từ ở thiên nhiên và cũng không xuất phát

từ ở trí tuệ con người. Tư tưởng biện chứng nằm trong mối tương quan đi lại giữa người và thiên nhiên. Người ta sinh ra từ ở thiên nhiên, lại đấu tranh với thiên nhiên, biến hóa thiên nhiên và đồng biến hóa cả bản thân mình. Hãy lấy người thời đại này làm thí dụ. Để chinh phục thiên nhiên, óc người ta trừu tượng hóa thiên nhiên, thu vũ trụ vào mấy phương trình toán hay mấy công thức vật-lý triết học, hội họa cũng thành trừu tượng cả. Để chống lại tư tưởng trừu tượng trên, người ta cụ thể hóa đời mình bằng nghệ thuật, bằng cách làm những việc chân tay, về quê ngắm cảnh thiên nhiên. Tuy vậy, con người cũng vẫn còn bị nền văn-hóa trừu tượng ngày nay phóng thể (aliéné) đi nhiều nghĩa làm thui chột mất nhiều nhân tính. (Cũng xin phép nhắc rằng danh từ aliénation là một danh từ quan trọng trong tư tưởng của phái Mác-xít. Họ cho rằng người ngày nay bị phóng thể bởi nhiều lý do : xung đột giai cấp, sự sống cách biệt giữa đàn ông đàn bà, giữa thành thị, thôn quê, sự phân công giả tạo ra lao lực, lao-tâm, sự chia sẻ con người bởi chính trị ra đời công đời tư. Lý tưởng của họ là phá hủy được hết các « phóng thể » ấy để khôi phục con người toàn diện. Thực ra Marx không trình bày rõ như vậy, chính là H. Lefèbvre đã khám phá và phổ biến ý-niệm « phóng thể ». Rất tiếc ông không có dịp trình bày quan-niệm của mình trong hội nghị.

b) *Phê bình về việc tổ-chức hội nghị.*

Về thành phần hội nghị, như trên đã nói qua, ban tổ chức gạt bỏ ra ngoài

phái Ba-Lê (école marxiste de Paris) nghĩa là những người chuyên khảo về thuyết Marx để vượt Marx và dĩ nhiên những phần tử ấy không có chân trong đảng Cộng-Sản. Tại sao ban tổ chức có dã tâm ấy? Theo H. Lefebvre hội nghị chỉ tập hợp những đảng viên trung thành bên vực lý thuyết chính thống và một số triết gia không đi sâu vào lý thuyết. Như vậy, trong phòng họp, không có ai nêu ra những ý-kiến độc đoán của Staline hay của một lãnh tụ khác. Như vậy, dưới một hình thức tự do thảo luận, ban tổ chức đã thành công làm lạc hướng những người thành tâm tìm hiểu chân lý. Nói tóm lại, H. Lefebvre cho đây là một mảnh lời tuyên truyền rất tế nhị, một chiến thuật «dương đông kích tây» về ý-thức hệ (En un mot, c'est une diversion idéologique).

Vài nhận xét. — Chúng ta sống xa hội nghị chúng ta không thể phê bình một cách đứng đắn được. Tôi chỉ đưa ra hai nhận xét nhỏ để mở rộng dòng tư-tưởng :

1) Bốn triết gia trên này, kể cả H. Lefebvre đã đồng ý về khái niệm «toàn khối» thế mà khi thảo luận, các ông chỉ chuyên chú về một chiều, một điểm lý-thuyết : nguồn gốc của biện chứng pháp. Các ông đã quên, không xét toàn diện thuyết Mác-xít, nó gồm cả lý-thuyết và

thực-tiễn (praxis). Chính phần thực tiễn, phần cách-mệnh và tổ chức kinh tế, chính trị mới là quan trọng. Chính Marx thường chế cười các triết gia chỉ lý-thuyết suông và giải thích dông dài, không chịu bắt vào thực hành, vào việc cải tạo xã-hội : «Les philosophes n'ont fait qu'interpréter diversement le monde; il s'agit maintenant de le transformer». Nếu P. Sartre, Garaudy, Vigier, H. Lefebvre để ý đến những cuộc đấu tố, chiến thuật «giai đoạn», chính sách khủng bố của cộng sản ngày nay, chắc chắn các ông sẽ nhìn tư-tưởng Mác-xít bằng một con mắt khác.

2) Tuy nhiên, «tuần lễ tư tưởng Mác Xít » tại Ba-Lê cũng có đôi chút ý nghĩa trong cuộc đấu tranh ý thức hệ. Qua cuộc thảo luận tóm tắt ở trên, chúng ta nhận thấy, tại kinh thành ánh sáng, óc phê-bình đã trưởng thành từ bốn thế kỷ nay, những chủ nghĩa độc tài không thể nào xâm nhập dễ dàng vào đầu óc con cháu của Montaigne, Descartes, Voltaire, A. France. Chúng ta có thể kết luận rằng : ở nơi nào, óc phê phán được tự do phát triển, nơi ấy là thành trì kiên cố chống lại mọi luận điệu tuyên truyền cho những tà thuyết, hay những tư tưởng độc tôn.

BÙI-HỮU-SÚNG

NGUYỄN-NGU-Í thuật

« Tôi làm thơ »

« Đông-Hồ là một người thích ứng với thời đại. Lối 1925, thời Nam-phong, « tiên sinh đã có những bài «thơ Đông-

Hồ» góp mặt ; khoảng 1935, thời Phong-hóa, Tiểu-thuyết thứ bảy, « tiên sinh » cho «Cô gái xuân» chào đời ; và năm rồi,

«Trình trắng» của tiên sinh cho ta thưởng thức những ý tình trong thời là loạn, vài ước mơ của người thơ thời nguyên tử».

Một chiếc áo dài, chiếc áo đông của nhà tu Thanh-Lãng vừa rời khỏi máy vi âm, sau lời giới thiệu, thì một chiếc áo dài khác, chiếc áo Tết gấm hoa của nhà thơ Đông-Hồ, đã tiến lên, để tác giả «Trình trắng» mở đầu cuộc nói chuyện đầu năm của nhóm Bút Việt (1) một cách rất mực văn chương :

« Thừa liệt vị văn hữu.

« Ngày đầu năm qua đã mười bốn hôm rồi, mà sáng hôm nay, ở đây, Tết của chúng ta mới tương bừng mở hội.

Ngày đầu năm, chúng ta chưa có dịp gặp nhau đông đảo thì hôm nay, giữa bình minh nguyên đán văn chương, đã cho chúng ta có dịp tao phùng.

« Mỗi giao cảm bạn bè, tình tri kỷ văn chương đã theo nguồn nắng mới đem đến cho lòng tôi những vui tươi ấm áp của ngày mùa.

« Các bạn đến đây là đến góp cho bao nhiêu ngọn hồng lập huy hoàng để cho tôi mở hội hoa đăng trước đêm bất dạ.

« Chúa Xuân đã nghị giữa đây rồi, áo mùa xuân đã may xong, không đi tắm mát ở sông Nghi, hứng gió ở nền Vũ Vu, thì xin phép các bạn để cho tôi khai hội mùa Thơ».

Rồi diễn giả phân trần vì sao phải nói đến cái «tôi đáng ghét» : đề tài «Tôi làm thơ» vốn do linh mục Thanh-Lãng, quyền chủ tịch Bút-Việt, đưa ra.

Diễn giả đã làm người nghe ngạc nhiên không ít khi chối từ hai tiếng thi sĩ mà người ta gọi mình. Vì theo ông, «muốn lãnh được danh hiệu là một thi sĩ, đúng với danh xưng của nó, tôi thấy phải là người sống một đời sống tinh thần lạ thường lắm, đặc biệt lạ thường [...] Lạ, thường có nghĩa là phá cách, là ngoại lệ, không giống như phàm thường, như hầu hết mọi người, về phương diện tinh thần.

« Thi sĩ cảm nghĩ, nghe thấy khác người chung quanh, có một giác quan tế nhị, tinh vi. Và... ở thi sĩ, thơ là tiên thiên, Thơ tự nhiên mà có. Còn ở người thường, Thơ là hậu thiên, Thơ phải làm mới có ».

Và tự xét mình, diễn giả thấy mình chẳng giống « mẫu người thi sĩ » vừa phác họa, nghĩa là thiếu điều kiện chưa đủ tư cách ! Và ông đưa bằng chứng : ông không biết mơ mộng, không biết đắm say, không giàu tưởng tượng (thử tập cũng chẳng thành công). Đời ông lại ngay ngắn, gò bó, không bừa bãi, ngang tàng. Thơ ông thì rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, chớ không bay bướm, bí hiểm mơ màng.

Cho nên ông đã không dám nhận mình là thi sĩ, thi nhân ; anh em hỏi vặn ông là cái gì, thì ông cũng chẳng biết trả lời sao, lúng túng gần nửa đời người, cho đến gần đây, được linh mục Thanh-Lãng « giải thoát » cho với ba tiếng « Tôi làm thơ ».

Thì ra, Đông-Hồ chỉ dám nhận mình

(1) Ngày 18-2-1962, tại trường Quốc-gia Âm-nhạc, Sài-Gòn.

« làm thơ », vậy xin ai đừng gọi là thi nhân, thi sĩ, vì gọi thế Đông-Hồ « mang tội ». Diễn giả không nói mang tội với ai, với chữ nghĩa ? với nàng Thơ ? hay với chính mình ?

— Đông-Hồ lập dị ? Đông-Hồ nói đùa ?

— Không đâu, diễn giả đã rào đón ngay. Mời bạn nghe.

« Thi sĩ và làm thơ, đối với tôi, có khác nhau xa. Có lẽ người đời lắm lần đã dùng một từ ngữ chưa phân minh.

« Thi sĩ là thiên tài, mà làm thơ là nhân tạo. Thi sĩ là Hóa công, mà làm thơ còn vẫn là Người. Thi sĩ là Tạo hóa đã xây dựng nên một thế giới âm thanh thiên-lại, đã tạo nên một bầu trời hương khói linh lung, văn điệu u huyền. Những Lí-Bạch, những Tagore, những Nguyễn-Du, những Nguyễn-Công-Trứ, những Baudelaire, những Tản-Đà, những Hàn - Mặc - Tử, những Vũ-Hoàng - Chương sẽ xứng danh là thi sĩ. Đông-Hồ đâu dám vén áo ngồi chung vào một chiếu bao phủ hào quang.

« Vì Đông-Hồ trước sau chỉ mới biết làm thơ, và chung thân cũng có thể làm được thơ, mà không làm sao thành được thi sĩ với thi nhân, xứng với danh hiệu thiêng liêng đó. »

Rồi diễn giả nói đến mình « đã làm thơ gì » và « đã làm thơ như thế nào ».

Đông-Hồ phải đợi một ý, một cảnh, một tình gì đưa đường dẫn lối mới làm thơ được. Và « Đông-Hồ làm thơ » đan cử bảy trường hợp người xây dựng nên một bài thơ,

Bài thơ tuổi nhỏ dẫn đầu nghiệp làm thơ của diễn giả vốn làm khi đi đến trường, nói lên thực cảnh :

« Cơn mưa vừa mới tạnh
« Cành trúc ngả bên rào
« Quán từ nghiêng mình xuống
« Đi qua, ta cúi đầu. »

Bài thơ được « các cụ » cho là có khẩu khí, cũng như bài thơ giản dị sau đây, làm lúc lấy trộm một chiếc thuyền con bơi ra hồ, một chiều tối có trăng :

« Mặt nước hòn non nổi
« Đáy hồ mảnh nguyệt trôi
« Thuyền con thả lơ lửng
« Tiếng hát động chân trời. »

Rồi lúc nổi trôi lánh giặc, với chiếc xuồng ba lá,

« Mảnh nguyệt năm tàn vương mỏng manh.
« Theo con thuyền nhỏ thả lênh đênh
« Đêm nay thuyền ghé bờ vô vọng
« Để sáng mai qua bến bất bình... »

Tiếp đến, Khúc nhạc công nhân « bị » làm tại tòa soạn nhật báo Công-nhân :

« Từ xưa xây dựng cho ai
« Từ nay xây dựng cho người dựng xây
« Tiếng đe tiếng búa vang dầy,
Nhạc công nhân tấu khúc này vinh quang.
« Làn đài xã hội huy hoàng
« Muốn tay một nhịp muôn phương
một nhà.

Thăng long hành lúc thăm lại phong cảnh cổ đô, thu 1962 :

Nghìn năm văn vật, nghìn hoa lệ,
 Nùng Nhị từ xưa những hẹn hò.
 Cho kẻ qua rồi thêm quyến luyến,
 Cho người chưa đến cứ mong chờ.
 Ai quên thuộc nghĩ không li cách
 Ai lạ lòng không nghĩ hững hờ
 Phúc-Xá bãi phôi màu ý biệt
 Long-Biên cầu nổi đoạn tình đưa
 Gia-Lâm mấy dặm đình trường đoản
 Ngọn cỏ đầm sương nặng khúc lưu...
 họa bài thơ « cây Mai » của Tôn-Thợ-
 Tường, xuân năm canh tí (1960):

Năm ba hé nở năm ba nụ
 Tâm sự nghìn xưa chút bấy nhiêu.
 cánh thiệp Tết thứ 13 làm cuối năm nay...,
 lần lượt được diễn giả kể lại trường hợp,
 đọc, ngâm...

« Mấy độ phai sương nhạt nắng
 « Mất xanh còn luyến gót đường
 « Giữ chút niềm trinh ý trắng
 « Gởi lòng tri kỷ muôn phương... »

Riêng năm trăm người tri kỷ có mặt sáng
 chủ nhật ấy ấy tại trường Quốc gia Âm
 nhạc đã được Đông-Hồ-làm-thơ mời
 « đứng lên đồng thanh tung hô, mừng nàng
 Thơ, mừng cho nàng Thơ Việt chúng ta
 năm mới thêm một tuổi xinh tươi, và cầu
 chúc cho năm nay, làng Thơ Việt chúng
 ta ngập tràn thi hứng, » và ra về mà còn
 đồng vọng ba giọng ngâm thơ của Đông-
 Hồ - làm - thơ, Vi-Huyền-Đắc-làm-kịch,
 Ngô-Quang-Lí-làm-thuốc và thoang thoang
 hương trầm ai gây trong lò sứ chạm
 lộng, khi thơ bắt đầu ngâm...

NGUYỄN-NGU-Í thuật

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VUA LÒNG :

MAU CHÓNG — ĐỦ TIỀN NGHỊ
 TIẾP ĐẢI AN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : 24.178

Bách-Khoa vừa nhận được :

Cô đơn — Bơ vơ — Bài thơ trong quán (Minh Sơn) Ước hẹn (Hoài Vu) Một sử tích ở miền Trung (Phan Đình Anh) Hững hờ (T.A) Hoa ngai nở (H.T.X) Thực tại 7 (Ngân Sao Hà) Bài 92 Quang Trung (S.B.T) Người em đã mất (Chấp Khanh) Linh hồn ai đây (Lệ Thủy Lam) Người treo cổ (Đặng Tử Anh) Thư về quê hương — Hồi âm (Nhất Yên Phương) Thơ về Hà Tiên — Hiện tại — Mất năng Thơ (H.P) Nói với riêng em (Ngân-Sinh) Đây tuổi tôi (Nguyễn Lương Mạnh) Lòng con hôm nay (Lộc Hoàng) Trắng chiều tâm sự — Em, thuyền xuân ... (L.Th) Thư gửi cho Huyền (Thùy nữ dương) Mái khuya (Ngũ - Hồ-Hải) Đêm mưa cuối năm (Trường Giang) Giã từ — Mâu hoa phượng (Trường Khanh) Tuyên ngôn (Nhị Hát) Rời rã (Dương Quâu) Núi.... (Hong Anh)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Anh Thái-Tú-Hạp** Sẽ đăng «thêm về». Sẽ viết thư hội ý về các bài đã nhận được.

— **Cô T.X.H. (Huố)** — Dĩ nhiên là tài không đợi tuổi. Rất hoan nghênh những tài hoa sớm nở. Nhưng riêng về phần tôi, tự xét

minh không thể hấp tấp và còn phải học hỏi : thiết nghĩ điều đó cũng có thể tha thứ. Muốn thông cảm, cần bớt mặc cảm.

Đ. T.



SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— « **BĂNG SƠN BẮC CỰC** »

(Surface At The Pole)

Nguyên tác của Trung-Tá James Calvert, (Người đã chỉ huy chiếc tiềm-thủy-dĩnh nguyên-tử SKATE thám hiểm miền Bắc-Cực).

Bản dịch của Nguyễn - Gia - Liên Lê-Bá-Kông giới thiệu, **ZIÊN-HỒNG XUẤT-BẢN** và gửi tặng — Sách dày 99 trang giá 18 đ

— « **Những bài tình đầu** » tập thơ của Sao-Trên Rừng, Đại-nam văn-hiến xuất bản do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách in ronéo, khổ lớn, gồm 61 bài thơ, dày 30 trang, giá 30 đ.

— **Hương sắc trong vườn văn** của Nguyễn-Hiến-Lê trọn bộ 2 quyển, do tác-giả xuất bản và gửi tặng. Toàn bộ gồm 14 chương, trong đó bạn đọc Bách khoa đã được đọc chương « Văn ba-lan » (quyển I) trên Bách khoa số 58 và chương « Đuổi bắt ảo ảnh » từ 115 đến 118 (quyển II) trên Bách khoa. Mỗi quyển dày trên 200 trang giá 50 đ.

— « **Chị em Hải** » truyện dài của Nguyễn Đình Toàn do Cơ sở báo chí Tự Do xuất bản và gửi tặng Sách dày 160 trang giá bán 40 đ.